

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Văn Quang (II)

#### Tiểu sử

Sinh năm 1933 tại Thái Bình. Hiện sinh sống tại Lộc Ninh.

#### Tác phẩm

Lắm Cắm Saigòn Thiên Hạ Sự.



tranh Choé

### Mục Lục

|  |
|--|
| Cuốn sách nào đã ảnh hưởng nhiều nhất tới tôi? – Viên Linh - 2       |
| Một chút kỷ niệm xưa – 3   |
| Ngày xưa làm báo Tết - 5   |
| Văn Quang, người viết được nét còn lại của chữ ‘Nhân’ – Du Tử Lê - 9 |
| Cái muông – 12   |
| Về chuyến đi xa của hai nghệ sĩ - 18                                 |

### Phụ đính

|   |
|---|
| Quan niệm về văn chương và người lính trong...- Du Tử Lê – 24 |
| 60 năm Sài Gòn trong tôi - 26                                 |
| Chuyện “cờ bịch” ngày xưa ở Việt Nam - 32                     |
| Trò chuyện với nhà văn Văn Quang – Nhiều tác giả - 36         |
| Bây giờ là mùa thu, tôi đi tìm dĩ vãng - 44                   |
| Tết trong trại tù cùng bạn bè - 49                            |

*(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Cuốn sách nào đã ảnh hưởng nhiều nhất tới tôi? Viên Linh phỏng vấn

Chúng tôi đã gửi tới các nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ, học giả, lá thư ngắn sau đây: "Để giúp độc giả có thể biết nhiều hơn về các tác giả của Văn học Việt Nam, cũng như có thể tạo thêm thích thú cho người đọc sách báo văn học, *Nguyệt san khởi Hành* mở cuộc phỏng vấn kể từ số này, với chỉ một câu hỏi chính: "*Cuốn sách nào đã ảnh hưởng (hay có một tác động nào đó) tới Anh / Chị nhiều nhất từ trước tới nay? Vui lòng cho biết trường hợp đọc cuốn sách đó.*"

\*\*\*



\*\*\*

Không thể nhớ rõ vào năm nào, nhưng chắc chắn vào khoảng thời gian 48-1949-50 gì đó tôi mới bắt đầu biết đọc những cuốn tiểu thuyết của các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn, cụ Lê Văn Trương, cụ Đồ Phồn... và đọc thơ của Hồ Dzếnh, Thế Lữ. Hồi đó chúng tôi còn ở nhà quê, những cuốn tiểu thuyết của anh cả tôi mua từ Hải Phòng, Thái Bình mang về xem xong bỏ đó. Tôi lên "mượn" đọc.

Sau khi đã đọc hàng loạt những cuốn tiểu thuyết tình ái lãng mạn, bỗng tôi vớ được cuốn *Số Đỏ* của Vũ Trọng Phụng. Đọc một vài trang tôi bị lôi cuốn ngay, thấy nó khác hẳn với những cuốn tiểu thuyết mà tôi đã đọc. Sinh động, "kỳ quái", thú vị và hình dung ngay ra những nhân vật ở trước mặt. Hồi đó tôi không hề hiểu rằng cụ Vũ Trọng Phụng mĩa mai cay độc lớp trưởng giả lố lăng và tố cáo những giả dối của cả một thời đại. Tôi cũng chẳng hề nghĩ nó thật hay giả. Chỉ biết rằng tôi rất thích thú với toàn bộ cuốn phóng sự tiểu thuyết đó.

Thế là từ đó nó bám lấy tôi để bắt đầu nghĩ về một thể loại được gọi là tiểu thuyết phóng sự. Khi lớn lên, tôi đã có thì giờ tìm hiểu phân tích về nó. Nó thật và không thật, nó "láo" mà không láo, nó diễn tả đến đỉnh cao tất cả những gì cần viết và phải viết... Nó bao trùm trên mọi lãnh vực chứ không còn chỉ là sự mĩa mai cay độc trong một phạm vi nhỏ hẹp. Làm sao nó mang được cả hơi thở của thời đại, của lịch sử. Đó là điều tôi đã Và đang thực hiện (*như trong NTHH và Lên Đời*). Cho đến mãi sau này, đọc lại *Số Đỏ*, tôi vẫn thấy cụ Vũ Trọng Phụng còn mới lắm, còn đúng lắm. Tôi không bắt chước cụ nhưng rõ ràng là tôi chịu ảnh hưởng cách viết của cụ, có bắt chước cũng chẳng được. Và lại mỗi người viết đều có phong cách của riêng mình, cho nên sau này dường như tôi cứ phải "tránh né" cụ, cái gì của tôi gần giống của cụ là tôi phải bỏ. Mỗi thời đại có những vấn đề riêng, đặc trưng riêng và mỗi người viết cũng có hoàn cảnh riêng. Có khi không nói được hết hoặc phải nói bằng cách này hay cách khác. Đó là trường hợp của tôi. Dù sao, sáng tạo được một nhân vật để đời cho tác phẩm của mình là điều rất nhiều nhà văn mong đợi. Có được một nhân vật như Xuân Tóc Đỏ, những lời nói đi vào tâm thức mọi người như cụ cố Hồng: "*Biết rồi, khổ lắm nói mãi*" hoặc như thằng nhóc con bà Phó Đoan: "*Em chã, em chã*" thì tuyệt vời. Ít có nhà văn nào làm được.

Còn lâu mới bằng cụ Vũ Trọng Phụng.

Sài Gòn 4. 2002

## Một chút kỷ niệm xưa,

Tôi không nhớ đã quen biết anh Thái Thủy từ năm nào, chỉ nhớ vào khoảng năm 1957, khi tôi từ Nha Trang về làm việc tại Ban Báo Chí Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng. Khi đó anh Thái Thủy đang làm chương trình Tao Đàn với các anh Đình Hùng, Huy Quang, Thanh Nam, Hoàng Thư, Hồ Điệp, Phạm Đình Chương, Ngọc Bích, Tô Kiều Ngân, Quách Đàm... Có lẽ, qua một trong số những người bạn này, tôi gặp Thái Thủy.



*Nhà Thơ Thái Thủy trong buổi Vinh Danh Tao Đàn ngày 29 tháng 7, 2006 tại Phòng Khánh Tiết Báo Người Việt, California.*

Hồi đó anh đang sống chung với Thanh Nam và Hoàng Thư. Ba chàng ngự lâm không biết bản sủng này sống trong một ngôi nhà ở đường Phan Văn Trị rồi sau đó chuyển về sau rạp hát Quốc Thanh, gần đường Cống Quỳnh và nơi trú ngụ sau cùng là building Cửu Long, nằm trên đường Hai Bà Trưng, nay vẫn còn. Nhưng hồi đó có một tay chà và gác cửa hằn hoi, tuy chẳng bao giờ cần hỏi ai mà chỉ đợi khách đến building hỏi thăm số phòng. Ngày nay thì nó tàn tạ lắm rồi, trông bề ngoài nhom nhếch, cứ như “dân tứ xứ đi chiếm đất giành dân” vào ngự trị vậy. Đôi lúc đi ngang qua mà bùi ngùi.

Những ngày tháng đó chúng tôi mới có nhiều kỷ niệm. Leo lên hơn 80 bậc thang mới tới căn phòng số 7 C (nếu tôi nhớ không lầm) trên lầu 3, building Cửu Long. Căn phòng toen hoen chỉ có một cái giường vừa đủ một người nằm, vậy mà 3 ông nghệ sĩ được coi là “lớn” của Sài Gòn thời đó, chung nhau ở trọ. Thời kỳ này cả 3 cùng đọc thân, 1 ông nằm giường, hai ông nằm đất. Sau này ông Thái Thủy mới “tậu” lại căn phòng 11 C của ông Lâm. Ông Lâm làm cho hãng truyền hình Mỹ, nhưng anh em lại cứ thích gọi cái tên “nặng mùi xã hội đen” là Lâm Thợ Điện. Lúc đó ông Thanh Nam mới mua được một cái tủ lạnh, chứa thức ăn thì ít, chứa la de thì nhiều. Nhưng thật ra Thanh Nam được mệnh danh là “ba 33”, tức là chỉ uống ba ly là chân tay quờ quạng rồi.

Thái Thủy thì rất điều độ, rượu nào cũng uống được, làm một ly với bạn bè thôi. Anh cả nể, nên cái gì cũng biết một tí, để chiều bạn chứ không phải chiều mình. Có lẽ vì thế mà anh rất nhiều bạn bè, nhất là những người nhiều tuổi hơn anh cũng quý anh, coi anh là bạn. Tôi nhớ hồi đó có anh Khôi, từ Mỹ về giữ chức Tổng Giám Đốc Thông Tin cũng hay lên phòng Thái Thủy nằm dài ra trên nền gạch bông đầu lác. Từ những ông, gần gấp đôi tuổi anh, cũng rất thân mật và yêu quý anh.

Con người nhỏ thó, nhưng nói năng cứ như ông già. Giữa Thái Thủy và Đình Hùng chưa biết ai nhỏ con hơn ai. Anh còn một người bạn thân nữa là ông Ninh, tục gọi là Ninh con, cũng không

“to” hơn anh là bao. Theo tôi biết sở dĩ gọi là ông “Ninh con” để phân biệt với ông “Ninh lớn” tức cụ Hà Thượng Nhân bây giờ.

Hồi đó ông nghệ sĩ nào có máy đánh chữ đã là hay lắm rồi, chúng tôi toàn viết tay. Thái Thủy thường phải phụ trách phần biên tập bài vở cho chương trình này. Nói cho rõ hơn anh ngồi soạn bài vở, thu thập tài liệu, phân công ai nói phần nào, ai ngâm bài nào như một nhà đạo diễn làm Bảng phân cảnh kỹ thuật kiêm luôn quay phim, tức là chính anh cũng nhận “xướng ngôn” những gì. Hồi đó, chương trình Tao Đàn thu thanh trực tiếp, tức là thu và lên sóng cho khán giả thường thức ngay. Nên không thể có sự lầm lẫn nào. Một tiếng động cũng sẽ được phát đi trên sóng.

Ở bất cứ đài phát thanh nào, người làm tin trực tiếp phải là những chuyên viên nhiều kinh nghiệm. Ban Tao Đàn cũng gồm những vị như thế. Vậy mà có lần Thái Thủy nói với tôi một chuyện khá vui: Máy ông Ngọc Bích, Phạm Đình Chương... vẫn chơi xúc xắc sau “tám màn nhung” của phòng thu thanh trong khi chờ đợi tới lượt mình. Cái cảnh chơi lén lút ấy có vẻ như thú vị và trẻ trung lắm. Dù nếu ban kiểm soát bắt gặp thì cũng hơi phiền. Nhưng với những “đàn anh” như Tao Đàn thì rồi cũng huề cả làng thôi.

Hồi đó cả nước đều nghe Tao Đàn. Sau này có thời gian tôi ở trên Pleiku một năm, hầu như nhà bất cứ người dân kha khá nào hoặc phòng một sĩ quan độc thân nào cũng có một cái “radio” và những buổi tối có chương trình Tao Đàn, nhà nào cũng mở nghe. Ở Sài Gòn cũng vậy.

Khi gặp những người hồi chánh như anh Xuân Vũ, một nhà văn tập kết ra Bắc, rồi hồi chánh vào khoảng đầu những năm 1970, tác giả “Đường đi không đến”, tôi có dịp trò chuyện thân mật để tìm hiểu xem những chương trình phát thanh nào ở miền Bắc thích theo dõi. Lúc đó tôi được biết, người dân và một số nghệ sĩ ở ngoài miền Bắc cũng “nghe lén” Tao Đàn và một vài chương trình khác, nhưng tất nhiên là phải rất cẩn thận. Như thế đủ chứng tỏ ảnh hưởng của Tao Đàn rất lớn đối với thính giả.

Theo tôi biết, cố thi sĩ Đinh Hùng là người phụ trách chính chương trình này, nhưng Thái Thủy, Thanh Nam, Huy Quang là linh hồn của Tao Đàn, tất nhiên phải kể đến cả những nghệ sĩ khác nữa đã góp công sức làm nên chương trình văn học nghệ thuật rất có giá trị này. Dấu ấn không thể phai về phát thanh của Miền Nam VN trước những năm 1975.

Thời kỳ Thái Thủy còn độc thân, anh em cứ cho cái hỗn danh là “chú nhóc” vì cái tạng người nhỏ bé của anh. Nhưng “chú nhóc” lại rất hào hoa, rộng rãi. Hồi đó nhà hàng La Pagode ở Catinat là nơi một số lớn anh em nghệ sĩ thường gặp nhau vào buổi chiều, hàng ghế salon còn kê dài dài ở ngoài hè phố, mỗi lần Thái Thủy đi chơi về ngang là ghé vào vợ lấy bông tính tiền trả hết. Sau này khi Thái Thủy có vợ thì cái hỗn danh ấy không còn nữa. Cái bộ ba ngựa lâm pháo thủ không biết bắn súng cũng rụng dần theo thời gian. Hoàng Thu đi trước với một người đẹp, con ông chủ nhà hàng cơm Tây nổi tiếng ở Đa Kao, sau đó đến Thái Thủy về Phú Nhuận và Thanh Nam là người trụ lại cho đến khi chị Túy Hồng từ Huế vô Nam mới “đưa chàng về dinh”.

Trong thời gian ở cái được gọi là trại Cải Tạo, Thái Thủy “may mắn” bị tóm sau chúng tôi ít ngày và “được” đưa lên trại Gia Trung, một trại nổi tiếng về sự hà khắc, hỗn hào. Để chứng minh cho một trong những sự hỗn hào, anh Thái Thủy kể lại chuyện một anh tù cải tạo hơn 60 tuổi để râu. Khi đi qua cổng trại, bị một anh coi tù chặn lại hoành hoạ: “Mày bao nhiêu tuổi mà để râu?” - “Tôi ngoài sáu mươi”. Anh coi tù, chừng 19- 20 tuổi- trừng mắt phán: “Ồn con mà đòi để râu! Về cạo ngay đi.”

Vài năm sau, khi chúng tôi từ Bắc “được” đưa về trại Hàm Tân, Thái Thủy cùng một số bạn tù khác cũng được đưa về đây. Nhìn Thái Thủy xách hành lý tả tơi đi vào trại, tôi không thể nhận ra anh được nữa. Cái kính cận thị mất gọng, nứt mắt, buộc bằng hai sợi dây lòi tói, trên một khuôn mặt hốc hác. Bộ quần áo tù, vá chằng vá đụp, anh đi ngơ ngác với một vẻ chán chường. Tôi biết các anh ở trại Gia Trung về hầu hết là “đôi dài”. Sau khi đã ổn định chỗ ở trong tù, tôi kéo anh ra một góc tâm sự và bàn với một người bạn tôi vẫn “sinh hoạt” chung trong tù, chia cho Thái Thủy một ít đồ dùng. Nhưng Thái Thủy và tôi đi đến giữa sân, gặp ngay tên cai tù,

suýt nữa thì cả hai cùng vào nhà đá “nằm nghỉ mát treo một chân lên”, chơi với muối. Nhưng cũng may, sau một hồi giải thích, nó lại tha. Từ đó chúng tôi có dịp gặp nhau thường xuyên. Cho đến khi Thái Thủy được tha trước tôi hai năm, anh rủ một người bạn phóng xe gắn máy từ Sài Gòn lên thăm và tiếp tế thêm cho tôi vài gói thuốc, mấy phong bánh. Anh trở thành người “đi thăm nuôi” như các bà vợ đáng thương của những người ở trại cải tạo.

Khi tôi về Sài Gòn, bắt đầu “sự nghiệp” đánh vi tính thuê kiếm sống. Tôi đã định rủ rê Thái Thủy đi vào con đường này, kiếm được đồng nào hay đồng ấy. Nhưng rồi anh quyết định đi định cư ở Mỹ. Trước khi đi, anh chăm chỉ lên nhà tôi học vi tính. Thật ra cũng chưa biết học để làm gì. Bây giờ mới biết là nó hữu dụng như thế nào. Ít ra thì hàng ngày cũng gõ được e mail cho bạn bè, làm được vài cái hình ảnh gửi cho con cháu, nghe được vài bản nhạc “chùa”. Mỗi lần nhận được thư điện tử của anh, tôi thích thú và thăm nghĩ “ông có ở đâu thì tôi với ông cũng còn nhiều nợ nần lắm”. Nhưng kỷ niệm giữa tôi và Thái Thủy nói cả năm cũng chưa hết.

Được tin báo Khởi Hành và báo Người Việt tổ chức một buổi họp mặt với những người Bạn Tao Đàn, tôi ghi vội vài hàng này, gọi là một chút quà tặng bạn.

Tôi ở một vùng quê mùa tại Việt Nam, hình dung ra buổi họp mặt rất nhiều ý nghĩa sâu sắc và trên hết là những cảm xúc tràn đầy của những người nhớ về những kỷ niệm xưa, đánh thức tình yêu, tình người và cả một thời gian không gian cứ như đang sống lại. Có lẽ chúng ta chẳng có nhiều thời gian được sống lại như thế.

Xin kính chúc các vị khách và bạn bè trong buổi “hội ngộ tương phùng” HẠNH PHÚC và gia quyến KHOẺ MẠNH.

*Lộc Ninh tháng 7 năm 2006*

## Ngày xưa làm báo Tết

Hằng năm cứ đến ngày giáp Tết Âm Lịch, mọi người đều thấy các cửa hàng bán báo rục rờ hẳn lên bởi hình bìa của những tờ báo xuân. Đủ thứ màu sắc của những tờ báo khổ lớn treo toàng teng trên những chiếc dây trước sạp báo phay phát phới, không khác gì những cái lồng đèn Trung Thu. Những tờ báo khổ nhỏ, hầu hết là những tờ tuần báo hoặc đặc san nằm dưới kệ hàng cũng được tô điểm sặc sỡ báo hiệu mùa xuân đang về. Mùa xuân dường như bắt đầu từ đây. Và mỗi nhà thường mua một tờ báo Xuân, đôi khi đợi Tết trưng ra trong phòng khách cho vui cửa vui nhà. Điều đó không hẳn là một tục lệ mà chỉ là thói quen, một thứ thói quen đáng yêu của hầu hết người Việt chúng ta dù bất cứ ở đâu. Nó cũng như cái hình ảnh của nhà thơ Vũ Đình Liên:

*“Mỗi năm hoa đào nở  
Lại thấy ông đồ già  
Bày mực Tàu giấy đỏ  
Bên phố đông người qua”*

Hình ảnh ông đồ già có thể mất dần theo năm tháng, nhưng những tờ báo thì vẫn còn y nguyên từ thời xa xưa cho tới thời nay, chắc chắn nó sẽ còn mãi mãi, cho dù nhiều bạn lo xa rằng báo in có thể “chết dần” bởi thời đại internet. Nhưng internet không thể bày ra bàn, không thể trang trí cho phòng khách của ngôi nhà, không thể mang linh hồn của mùa xuân đến từng người đọc, không thể mang hương vị ấm cúng cho cả gia đình bạn và cũng không thể mang cả mùa xuân tô điểm cho phố phường của bạn. Hình bìa những tờ báo thường bao giờ cũng có những người đẹp, những giai nhân đủ loại từ ca sĩ đến tài tử màn ảnh, từ cô gái nông thôn đến thành thị uốn lượn đủ kiểu trên sạp báo còn hơn là một cuộc thi sắc đẹp. Bạn không thích thú sao? Ngắm free mà. Và chỉ có năm hết Tết đến mới có cái cảnh ấy.

Tất cả những thứ đó khiến tôi nhớ đến cái không khí làm báo Tết thời xa xưa. Hồi đó bạn làm được một tờ báo ra hằng ngày hay hằng tuần đã khó khăn lắm rồi chứ chưa nói đến làm báo Tết. Ngày nay làm báo chỉ cần đánh máy cho lên máy in, nó chạy rền rẹt ra luôn ba bốn năm màu và hàng chục ngàn số trong một vài giờ, được đóng sẵn sàng đưa ra thị trường. Ngày xưa thì khác....



Một quầy bán báo xuân ngày xưa

### Cái thời đại typô

Vâng, phải nói chính xác đó là thời đại mời ra lò của những tờ báo, thời đại in typô. Trước hết là những con chữ được đúc bằng kẽm hay bằng chì, từng chữ một, mỗi chữ xếp vào một cái bát hay một ngăn dưới tay người thợ, gọi là thợ sắp chữ. Phải sắp từng chữ một và chữ in nghiêng phải được tác giả viết bài hay anh Tổng thư ký tòa soạn phải gạch dưới bản thảo đánh máy hay viết tay hàng chữ "ital" chữ viết tắt của italic. Đây chỉ là một thí dụ. Còn có hàng chục ký hiệu như thế nữa dành cho hàng chữ in đậm, sửa dấu sắc huyền hỏi ngã, thêm chữ vào dòng, bớt chữ đi. Anh thợ "cả" được gọi là chef typô chịu trách nhiệm chung cho trang báo đó, phải xem lại từng trang.

Còn muốn đưa một tấm hình vào trang báo, phải làm bản kẽm. Tôi nhớ hồi đó ở Sài Gòn có Cliché Dầu là nơi cung cấp những bản kẽm cho các nhà in và các báo. Khuôn khổ bức hình ra sao để nó nằm gọn lỏn trong trang báo phải được tính toán trước hết. Đến lúc thợ lên khuôn mới đưa vào bài báo được.

Trước khi in, thợ nhà in phải làm một bản vổ, tức là lấy tờ giấy thấm nước như loại giấy bản, đặt lên khuôn trang có dính chút mực, vổ nhẹ để mực thấm vào giấy, chúng tôi gọi là morasse, người làm việc sửa morasse được gọi là "thầy cò". Thường morasse phải sửa đến lần thứ hai thứ ba, lần cuối cùng do anh Tổng Thư Ký tòa soạn sửa và ký vào tờ dernière morasse đó chịu trách nhiệm nếu có sai sót.

Sau thời kỳ in typô là thời kỳ "vàng son" của kỹ thuật in offset. Cả trang báo 4 màu chỉ cần đưa lên máy in một lần. Nhưng nói về thời kỳ này nữa thì quá dài dòng. Xin trở với thời đại báo in typô.

Tôi suýt bị tù vì mất chữ T.

Nói sơ qua như thế để bạn có thể hình dung ra phần đầu của công việc làm báo, đây là báo thường chưa nói đến số Tết còn "ly kỳ rừng rợn" hơn. Đúng là một công việc bỏ ăn bỏ ngủ chứ không đùa. Tôi đã từng làm ở tòa soạn báo, làm từ anh viết bài đến anh "thầy cò" rồi nhảy lên làm Trưởng ban biên tập và làm Chủ bút báo Chiến Sĩ Cộng Hòa của Quân Đội VNCH. Hồi đó báo ra bán nguyệt san, mỗi kỳ 200.000 số. Một con số xuất bản lớn nhất vào thời đó. Báo được Bộ Quốc Phòng tài trợ và gọi đầu thầu, nhà in tư nhân đảm trách việc in ấn. Tôi là người chịu trách nhiệm sửa và ký tên vào bản dernière morasse tức là bản vổ cuối cùng. Sau này làm



thêm tờ Thông Tin Chiến Sĩ ra hằng tuần nữa càng vất vả hơn. Tờ soạn chỉ vốn vẹn có chừng chục người .

Năm nào báo Chiến Sĩ Cộng Hòa cũng ra báo Xuân như thường lệ. Năm đó, có lẽ là vào năm 1960 khi đó Đại Tướng Lê Văn Ty làm Tổng Tham Mưu Trưởng QĐVNCH (đến năm 1963 mới được vinh thăng Thống Tướng, vị Thống Tướng duy nhất của VN). Mỗi năm thường có một Thư chúc tết của Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng được đăng trên báo Xuân CSCH.

Khi báo ra chúng tôi đưa lên trình văn phòng Đại Tướng. Không hiểu tại sao cuối thư đó lại ký tên Đại Tướng Lê Văn Ỗ. Thì ra tên của ngài bỗng mất biến đi chữ T.

Ông Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu, tức thi sĩ Cao Tiêu, làm chánh văn phòng Đại Tướng gọi điện thoại cho tôi nói ngay: “Phen này ông đi tù là cái chắc”, tôi tưởng ông nói giỡn chơi, nhưng ông nghiêm giọng nói: “Anh cứ xem lại Thư chúc Tết của Đại Tướng đi là biết ngay, tôi không nói nhiều”.

Tôi mở tờ báo ra xem, quả nhiên là chữ Ty mất biến chữ T ở trước, thành ra là Đại Tướng Lê Văn Ỗ. Tôi choáng người, cảm chắc đi tù rồi còn gì. Tôi gọi nhà in, đòi xem bản vẽ cuối cùng. May quá, bản vẽ cuối cùng còn nguyên chữ T. Đây là một lý do “giảm khinh” cho một phần lớn tội của tôi. Nhưng tôi vẫn là người chịu trách nhiệm chính khi tờ báo đưa lên trình và gửi đi khắp các đơn vị trong toàn quốc. Tôi đã không kiểm soát lại.

Về phía nhà in, điều tra cũng chẳng ra, bởi khi bản vẽ đưa lên máy in vẫn còn nguyên, nhưng vì là thợ xếp từng chữ nên khi bê lên bê xuống có thể nó rơi mất chữ T. Rơi ở đâu, khi nào hay có kẻ phá hoại không ai biết. Mà làm sao kết tội là phá hoại khi không có bằng cứ chắc chắn, luật pháp là luật pháp thời đó rất nghiêm minh. Tôi đã chuẩn bị sẵn tư tưởng để từ giã quân ngũ hay ít ra cũng bị “hạ tầng công tác” đi đến một đơn vị khác, rất có thể là binh nhì vì cái tội quá nặng “bôi bẩn thanh danh Đại Tướng”.

Nhưng ông Cao Tiêu chánh văn phòng Đại Tướng lại gọi điện thoại ngay cho tôi nói là chưa kịp trình Đại Tướng vì sáng đó ông bận đi dự lễ. Ông Cao Tiêu cũng là bạn tôi nên ông đã hủy ngay tờ báo, ông nói tôi phải lấy chữ Ty khác đóng lên trên chữ Ỗ để ông mang vào trình.

Tôi cấp tốc làm ngay. Nhưng làm một tờ thì dễ, còn 200 ngàn số đưa đến các đơn vị cũng phải làm như vậy. Thế là cả cánh thợ nhà in tư nhân và toàn phòng báo chí của chúng tôi phải cùng làm suốt một đêm một ngày mới xong. Lúc đó tôi mới hoàn hồn. Và cũng từ đó tôi có thêm khinh nghiệm “xương máu” về nghề làm báo cũng như sau đó sang làm ở Đài Phát Thanh Quân Đội. Tôi cẩn thận từng chữ, từng câu trong các bản tin.



Một tờ bìa báo Xuân

Lại chuyện ở Đài Phát thanh

Tôi nhớ hồi đó nhiều đoàn thể, nhiều giáo phái có tiếng nói trên các đài phát thanh Sài Gòn cũng như Đài Phát thanh Quân đội. Một lần vào khoảng năm 1970 hay 71, Tổng Thống Nguyễn

Văn Thiệu đi dự một cái lễ ở Long Xuyên do Phật Giáo Hòa Hảo tổ chức. Sau đó tổ chức này có một bản tin gửi cho các báo trong nước. Đài Phát thanh Quân đội cũng nhận được bản tin này. Bản tin chia làm ba hay bốn phần gì đó, cả mấy phần trên đều là những lời lẽ ủng hộ chính phủ, đoạn cuối cùng có đề nghị chính phủ phát súng cho giáo phái để tự giữ gìn an ninh tổ quốc.

Tôi suy nghĩ mãi mới bỏ đoạn cuối cùng này. Bởi nếu phát súng cho một tổ chức khác chẳng khác nào một quốc gia có hai quân đội nên tôi sửa lại chỉ tóm tắt nội dung chứ không cho đọc nguyên văn, cuối cùng chỉ loan tin là những đề nghị khác sẽ được Tổng Thống và Chính Phủ cứu xét cẩn trọng.

Quả nhiên bí thư của Tổng Thống lúc đó là ông Hoàng Đức Nhã, được gọi là “ông trùm truyền thông” thời đó điện thoại cho tôi hỏi “Anh có cho đọc nguyên văn bản tin của Phật Giáo Hòa Hảo không?”. Tôi thẳng thắn trả lời: “Không, tôi chỉ tóm tắt nội dung chính còn đề nghị phát súng tôi không loan bởi vì...”. Ông Hoàng Đức Nhã ngắt lời tôi ngay: “Đúng rồi, anh làm vậy là đúng lắm”. Từ đó ông Nhã nhìn tôi bằng con mắt khác. Đúng là một câu hỏi “mẹo” rất khôn khéo của ông “trùm truyền thông”.

### Đi làm phóng sự Tết

Phòng báo chí của chúng tôi có cái lệ là phải đi làm phóng sự Tết ở các đơn vị từ miền Nam đến miền Trung và Cao Nguyên. Tòa soạn quá ít người nên chính tôi cũng phải làm phóng viên. Anh em đi hết, chẳng lẽ trưởng phòng ngồi nhà nên dù mới cưới vợ cũng phải bỏ đi làm phóng sự Tết. Tôi nhớ năm đó, vào ngày 28 Tết có trận đá bóng giữa đội của Tổng Tham Mưu VN với một đội của Peru. Thế mà tôi phải rong ruổi ra miền Trung làm phóng sự. Tôi là dân mê đá bóng từ nhỏ nên mang theo cái radio transistor, đi trên xe lửa nghe anh Huyền Vũ tường thuật trận đấu cho đã ghiền.

### Giao thừa trên đỉnh đèo Hải Vân

Ra đến Đà Nẵng tôi vào chào Trung Tướng Đỗ Cao Trí là Tư Lệnh Phó Quân Khu 2, tôi còn một mục đích khác là lời Thanh Nam mới bị tái ngũ học ở trường Huấn luyện ra cùng đi. Tướng Trí ra lệnh cho Thanh Nam ra đi cùng tôi ngay hôm đó. Chúng tôi đi qua đèo Hải Vân vào buổi chiều sắp tàn. Nhìn thấy một tiền đồn đóng tuốt trên ngọn núi Hải Vân nằm lẫn trong mây. Tôi thấy sinh hoạt ở đơn vị nằm cao tít tắp chín tầng mây này chắc là đặc biệt nên tôi cho xe Jeep theo đường mòn leo lên đỉnh đèo. Anh lính gác ở đồn canh cho tôi biết đây là một trung đội Địa Phương Quân trấn giữ mỏm núi. Phía sau còn hai trung đội khác. Tôi và Thanh Nam quyết định ăn Giao thừa cùng anh em trong đơn vị này. Một buổi tối khác hẳn mọi buổi tối, chúng tôi nằm giữa những đám mây mỏng không nhìn thấy lưng đèo. Giao thừa thật thú vị với những màn lửa trại và thi hát, thi nói chuyện vui. Có một anh tân binh nói chuyện tình yêu của chính mình rất lấu cá. Anh em chất vấn tại sao mà lấy được vợ giàu và đẹp thế? Anh ta kể rằng bị gia đình nhà vợ phản đối, hai đứa bàn nhau “ăn cơm trước kẻng”. Em bị con vợ em nó tát cho một cái nên thân, tưởng em lợi dụng nó. Em nói chúng mình chỉ giả vờ thế thôi mà. Em cứ giả vờ thú nhận với mẹ em là có bầu rồi. Con vợ em nó đồng ý. Thế là nhà nó bắt em phải làm đám cưới ngay. Cưới xong vài tháng thì em vào địa phương quân rồi lên đây. Thanh Nam khoái chí bèn tặng ngay cái khăn quàng mà cô bồ là ca sĩ trẻ đẹp vừa gửi tôi mang ra tặng chàng làm quà Tết. Trong đời tôi sẽ không bao giờ có được một đêm giao thừa như thế nữa.

### Nhưng làm báo ngoài thì sướng

Hồi đó tôi thường viết khá nhiều feuilleton cho các báo. Mỗi dịp xuân về, chẳng cần biết các ông ở tòa soạn bận rộn ra sao, chúng tôi chỉ việc gửi bài rồi ung dung chờ lãnh tiền lương tháng 13 và dự tiệc tất niên của chủ báo. Có lẽ làm với báo Truyền Phim của ông Nguyễn Ngọc



Linh vào khoảng những năm 58- 60 là khoái hơn cả. Tờ báo lớn đầu tiên về điện ảnh quốc tế và VN do anh em ông Linh sáng lập ở đường Ký Con. Cái tòa soạn bé tẹo nhưng rất... Ấng Lê. Chủ nhiệm ngồi một mình trong phòng kính. Bên ngoài là bàn giấy của Tổng Thư Ký tòa soạn, hồi đó là ông Quốc Phong nên chúng tôi gọi là “ông Tổng Cốc”, cạnh đó là chiếc bàn nhỏ xíu của biên tập viên Gia Tuấn đeo kính trắng, gọi là “Gia Tuấn Sì Cốp”.

Tờ báo được hầu hết các bạn trẻ, học sinh, sinh viên đón đọc hằng tuần. Tất nhiên năm nào cũng có báo xuân và đặc biệt khán giả mua báo được tặng một cuốn lịch thật đẹp của hãng Paramount Pictures, in màu trên giấy couché trắng nõn với 12 tấm hình tài tử thượng thặng quốc tế như Marilyn Monroe, Ava Gardner, Audrey Hepbur, Grace Kelly... cũng nõn nà chết người. Riêng anh em cộng tác, cuối năm còn được tặng một tập báo đủ 12 tháng đóng gáy da mạ chữ vàng cẩn thận. Sau đó lại là một châu ăn uống nhẩy nhót tưng bừng tại một nhà hàng lớn, tầng 2 có thể đi có thể không tùy thích. Tôi chưa bao giờ quên được những kỷ niệm đó.

Nhật báo Chính Luận và ông chủ nhiệm đáng yêu của tôi

Đó là phía tuần báo còn phía nhật báo có tờ báo lớn là Chính Luận, do bác sĩ Đặng Văn Sung làm chủ nhiệm. Cuối năm cũng có châu tất niên tưng bừng nhưng ông chủ nhiệm đứng đắn nên không cho anh em “múa tay múa chân” ở vũ trường. Ông tổ chức đánh phé ở nhà ông thủ quỹ Lê Tâm Việt.

Tôi nhớ năm đó vừa lãnh lương xong, về chơi phé với anh em trong tòa soạn. Chẳng may thua nhẵn túi. Tôi đứng dậy ra về thì ông chủ nhiệm hất đầu cho anh thủ quỹ Lê Tâm Việt ra lệnh “Phát cho cậu ấy lương tháng 13 đi”. Lê Tâm Việt nói em phát rồi. Ông BS Sung cười hiền lành “Nó thua hết rồi, lấy gì cho nó ăn Tết, phát cho cậu ấy ngay đi”. Thế là tôi lãnh thêm 1 tháng lương nữa rồi ra về, hồi đó tháng lương viết feuilleton cho báo Chính Luận tôi nhớ mang máng là 12.000 VNĐ. Bằng ấy là một khoản tiền khá lớn rồi lại có “thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ, cây nêu tràng pháo bánh chưng xanh ở nhà”. Thật thú vị cho một năm mệt nhoài người vì viết, nhưng hồi đó viết là viết chứ không phải lách như bây giờ.

Bạn đã thấy công việc của dân làm báo hay nói chung làm truyền thông xã hội không hề dễ dàng chút nào. Nhưng tôi vẫn nhớ, vẫn chưa bao giờ từ bỏ được cái “nghiep” của tôi. Tính ra bây giờ là hơn 60 năm rồi, cuộc đời tôi vẫn chẳng làm được nghề ngỗng gì ngoài viết và viết. Tết cũng chẳng bao giờ được nghỉ vì “báo bà nghỉ thì báo ông ra” cho nên cứ phải có đủ bài cho báo. Năm nay cũng vậy thôi. Nhưng đã trở thành thói quen, tôi chưa bao giờ ân hận vì cái nghề này.

Đây cái nghề làm báo nó long đong như thế, nhưng các bạn trẻ vào nghề rồi khó lòng dứt áo ra đi cho đành. Nó có ma lực quyến rũ đẩy các bạn ạ.

## Văn Quang, người viết được nét còn lại của chữ “nhân”

### Du Tử Lê

Cũng vậy, trả lời câu hỏi khác về sức ép, lương tâm của một nhà văn khi nhân vật chính của mình là người lính? Nhà văn Văn Quang đã thẳng thắn cho thấy quan niệm của ông về văn chương như sau:

Với ông, khi viết về cái tốt hay cái xấu, đều khó như nhau. Viết về một nhân vật tốt quá, nhân vật sẽ trở thành ông thánh. Viết xấu quá, có thể sẽ chỉ tỏ rõ lòng thù hận không đáng có. Cả hai trường hợp đều không thật.

Để rõ hơn, quan điểm của mình, nhà văn Văn Quang giải thích, khi chúng ta đặt ra một vấn đề nào, nó luôn có hai mặt. Mặt phải và mặt trái. Thí dụ nói đến đời sống quân nhân, nói đến sự hào hùng, anh dũng, tình yêu quân ngũ, tình yêu đồng đội không thôi, chưa đủ... Nó phiến diện. Theo ông, một quân nhân không phải là một ông thánh. Cũng chẳng là một thầy tu! Không ai

hoàn hảo. Cho nên vẫn có những cái không tốt, hay nói trắng ra là những cái xấu. Cái xấu tầm thường và bình thường của mọi con người. Như lòng ganh ghét, đố kỵ. Sự hợm hĩnh, kiêu ngạo...

“Vậy nói bao nhiêu, nói thế nào cho đúng?”

Ông tự đặt câu hỏi, cho mình. Đó là một thứ áp lực của lương tâm người cầm bút. Ông nói, ông đã hết sức cố gắng gạn lọc để nói được một phần nào sự thật. Phần nào “mặt trái” trong tác phẩm của mình.

Diễn hình, như trong tiểu thuyết “Chân Trời Tím,” bên cạnh những nhân vật như Phi, như Điền, ông còn có nhân vật khác, như ông Minh. Ông cũng đã đề cập nói sự kiện quân đội bị lôi kéo vào những chuyện có tính chính trị, phe phái. Trong một cuộc đảo chính giữa các phe phái trong quân đội, dẫn tới thảm trạng “quân ta bắn quân mình!” Ông khẳng định:

“Quân đội không phản bội ai cả! Chỉ có những người lợi dụng quân đội mà thôi.”

Nhưng:

“...Tuy nhiên, tôi cũng thành thật thú nhận rằng, áp lực này luôn đè nặng lên tâm tư người cầm bút. Đôi khi đặt một vấn đề nặng quá sẽ làm mình ân hận. Đặt nhẹ quá thì không đủ. Áp lực đó sẽ là lâu dài...”

Tôi không biết có phải vì cuộc chiến “không tiếng súng” là cuộc chiến cân não giữa nhu cầu hiện thực và trách nhiệm của một người nhà văn trong hoàn cảnh phức tạp, tế nhị của một đất nước chiến tranh - Như phần đất miền Nam tự do - Khiến tác giả “Chân Trời Tím” phải thú nhận ông luôn bị một sức nặng vô hình, sức nặng nghìn cân treo lủng đầu đó, trước ngòi bút của ông?

Cái ý thức và trách nhiệm kia, ở nơi Văn Quang, qua hầu hết những tác phẩm viết về người lính miền Nam, cho thấy ông không hề là nhà văn như một thứ “Thượng đế!” một “Ông trời” ban phước, giáng họa cho nhân vật của mình. Ông cũng không cho thấy sự lạm dụng cái quyền lực... ảo, mà ngòi bút đem lại. Để cùng lúc, đóng cả hai vai, “khai sinh/khai tử” nhân vật.

Sự kiện nhà văn cùng lúc đóng cả hai vai khai sinh và, khai tử nhân vật của mình, vốn thường thấy nơi những nhà văn viết tiểu thuyết dạng feuilleton, tức viết từng ngày cho các báo, từ Đông qua Tây.

Sự kiện này cũng thường thấy nơi những tác phẩm viết về chiến tranh. Nhất là khi mảnh đất mà cuộc chiến đó diễn ra, lại như một bàn cờ, một sa-bàn được điều khiển... từ xa! Để trải nghiệm một quan niệm chiến lược, chiến thuật mới! Để kiểm chứng hay điều chỉnh một chủ thuyết chính trị! Để đo lường những hiệu quả súng, đạn mới! Thử thách sáng kiến... “tiền đồn!” Trường hợp này, sinh mạng người lính (cũng như người dân) trong mảnh đất ấy, chỉ là những con số vô nghĩa!

Hiểu như thế, người đọc sẽ thấm thía hơn trước câu văn Văn Quang, khi ông can đảm, chua chát viết xuống:

“Quân đội không phản bội ai cả! Chỉ có những người lợi dụng quân đội mà thôi!”

Câu nói trên, ghi nhận đó, không phải nhà văn quân đội nào cũng có thể viết được.

Trong cuộc chiến miền Nam, hai mươi năm, không chỉ có một mình Văn Quang là người lính mà, ngay từ những năm khởi đầu cuộc chiến, đã là một phóng viên chiến trường, có điều kiện sống thực, sống sát, sống cùng cuộc chiến. Ngoài ông, chúng ta còn có nhiều nhà văn quân đội khác.

Cũng không phải chỉ một mình Văn Quang có được những ghi nhận vĩ tế từ thực địa! Chúng ta có nhiều cây bút trong/ngoài quân đội. Nhiều phần họ cũng có những thụ cảm bén nhạy như ông. Nhưng, khi ngồi vào bàn viết, trước trang giấy của mình, không ai cấm họ ném người lính, nhân vật trong tiểu thuyết/phóng sự của họ về một trong hai cực: “Thiên sứ!” Hoặc “tội đồ!” Cả hai cực, dù chỉ là nhân vật trong tiểu thuyết, đều bắt cập! Chúng mất hẳn tính người!

Phải chăng vì bản chất lương thiện, nhân ái nên, mặc dù số tiểu thuyết được in thành sách của Văn Quang, không nhiều lắm (chỉ trên dưới mười tác phẩm) mà, đã có tới 3 cuốn được chuyển thể, thành phim? (Tôi muốn nhắc tới các tiểu thuyết “Chân Trời Tím,” “Ngàn Năm Mây Bay,” “Tiếng Hát Học Trò” của ông.)

Trong chừng mực nào đó, thành tựu vừa kể của Văn Quang, dường không xảy tới cho một số tác giả cùng thời. Những cây bút viết về người lính miền Nam, như ông. Dù số lượng tiêu thuyết của họ, có thể nhiều hơn.

Tuy nhiên, một cách chủ quan, theo tôi, ở một khía cạnh khác, Văn Quang/Nguyễn Quang Tuyền cũng đạt được những thành tựu rực rỡ không kém. Nếu không muốn nói là có phần rực rỡ hơn cả khía cạnh văn chương của ông. Đó là khía cạnh: Làm người. Sống.

Ở khía cạnh này, với 12 năm tù cải tạo, họ Nguyễn không những đủ điều kiện để ra đi theo chương trình H.O. Mà, như ông cho biết, nếu quyết định sống ở nước ngoài, ông sẽ được đôn từ danh sách H.O. 22 lên danh sách H.O. 18; vì ông nhận được nhiều hơn một giấy cam kết bảo lãnh cần thiết.

Không cần biết lý do sâu xa của khước từ kia! Chỉ cần biết, thực tế, Văn Quang/Nguyễn Quang Tuyền, đã chọn ở lại. Ông chọn ở lại với đồng đội, bằng hữu, độc giả của mình.

Họ Nguyễn chọn ở lại trong thời điểm mà, dư luận khi ấy, từng phản ánh qua một câu nói đau đớn, được truyền tụng rộng rãi:

“Nếu những cột đèn ở Việt Nam có chân, chúng cũng sẽ ra đi.”

Sự chọn lựa ở lại với đồng đội, bằng hữu, độc giả của mình của họ Nguyễn, từ đó tới nay, đã trên dưới hai mươi năm.

Cũng trên dưới hai mươi năm, ông tình nguyện đóng vai chiếc cầu nối giữa những tấm lòng biết ơn một cách cụ thể của rất nhiều trái tim Việt nơi quê người, với hàng trăm thương phế binh VNCH cũ.

Đó là một trong những việc làm thuần tính nhân ái, tình người của tác giả “Ngàn năm mây bay.” Nhưng cuối cùng, ông vẫn bị chặn đứng bởi bức tường nghi kỵ của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam!

Kết quả, họ Nguyễn bị cảnh cáo. Computer bị tịch thu. Ông phải ngưng viết!

Dù cho, viết, với Văn Quang/Nguyễn Quang Tuyền là “một cách sống khác” như phát biểu của nhà văn Gustave Flaubert. (2)

Chọn lựa ở lại, quên mình, sống cho kẻ khác (dẫn tới hoạn nạn) của Văn Quang/Nguyễn Quang Tuyền, tôi nghĩ, không phải là một chọn lựa dễ dàng. Nó càng không phải là cách sống (dẫn tới hoạn nạn) mà, bất cứ một nhà văn ở lại nào, cũng có thể làm được!

Tại họa vẫn nóng hực, như quả cầu lửa, luôn chực chờ nổ chụp lên số phận ông. Số phận một nhà văn miền Nam sắp bước vào tuổi 80! Vậy mà, trong một thư ngắn, gửi bạn, họ Nguyễn vẫn bản khoăn:

“Tôi biết mình đã cố gắng làm nhiều việc nhưng vẫn cứ thấy là chưa đủ! Tôi làm vì thấy cần phải làm vậy thôi. Danh tiếng và những thứ khác là lúc mình còn trẻ, còn ham chứ đừng tuổi rồi, nhất là sau những năm tháng gian khổ thì chẳng còn nghĩ đến điều gì khác ngoài cái việc thích làm và cần làm, bỏ hết ngoài tai những mưu toan và thị phi...”

Nếu được là một trong những người bạn có đủ tình thân với Văn Quang/Nguyễn Quang Tuyền, tôi sẽ nhân danh tình bạn ấy, để nhắc nhở ông:

Người xưa từng nói, tuy sống suốt một đời thật đấy, nhưng nghiệm lại xem, đã mấy ai, tới khi từ trần, viết được trọn vẹn chỉ một nét thôi, của chữ “Nhân” hai nét, theo Hán tự? Càng hiếm hoi hơn nữa, số người viết nốt được nét còn lại của chữ “Nhân” ấy!

Riêng ông, trong ghi nhận của tôi thì, chẳng những ông đã viết được trọn vẹn chữ “Nhân” hai nét - Mà, ông còn viết được trong một hoàn cảnh khó khăn hơn những gì chúng ta có thể tưởng. Vì thế, thưa ông, cho phép tôi được gửi tới ông, lời chúc mừng chân thành, của một người ở bên ngoài đất nước.

(Calif. 13 tháng 4, 2011)

## Cái muống

Tôi không nhớ rõ năm đó là năm thứ mấy chúng tôi “học tập cải tạo”, chỉ biết rằng khi ấy trong chúng tôi đã có những người “quen” với những ngày tháng cực khổ, dài lê thê trong những căn nhà giam được “xây dựng” bằng đủ thứ kiểu giữa những vùng rừng núi âm u miền Bắc. Ở Sơn La thì “trại” được làm trên những nhà tù từ thời xa xưa, trên những cái nền nhà lổ chỗ, người ta dựng vách đất trộn rơm, mái lợp bằng các kiểu lá rừng, miễn sao che kín được khung trời.

Nơi này xưa kia, Pháp dùng để giam giữ tù chính trị, rồi một thời gian sau, VN giam những người tù Thái Lan và trong chiến tranh đã có khi người ta dùng làm “công binh xưởng” chế tạo lựu đạn. Vì thế nên thỉnh thoảng chúng tôi nhặt được vài cái vỏ lựu đạn ở đâu đó quanh khu vực này. Ở Vĩnh Phú thì nhà tranh vách đất, ngoại trừ một khu người ta gọi là khu “biệt kích” gồm vài căn nhà “xây dựng kiên cố” bằng gạch lợp tôn xi măng. Chúng tôi “được học tập cải tạo” trong dãy nhà này. Cũng nghe người ta nói lại là khu này trước kia dùng để giam giữ những người lính biệt kích đã từng nhảy dù ra Bắc rồi bị bắt giam ở những khu đặc biệt đó. Muốn vào khu này phải qua hai lần cổng có tường gạch bao quanh. Nhưng có lẽ khi giam giữ biệt kích thì khác, còn khi chúng tôi “được giam” ở đây có vẻ như “cởi mở” hơn vì những cánh cổng thường không đóng bao giờ. Họ để cho chúng tôi đi lao động hàng ngày cho khỏi phải mở ra đóng vào.

Cuộc sống dù cực khổ đến đâu, sống mãi rồi người ta cũng phải quen. Nhịp sống hàng ngày cứ thế trôi đi dù là trong đói rét, thiếu thốn và trong những cấm đoán vô cùng khe khắt. Nhà tù nào chẳng thế, nó có những quy luật và quy định riêng. Những ngày đầu người ta cấm luôn cả trà, cà phê, thậm chí cấm cả người tù đeo kính cận. Nhưng sau này nói dần, những thứ như thế không bị cấm nữa. Chỉ còn những thứ đã thành “luật” thì luôn bị cấm và cấm ở bất cứ đâu. Cấm “mua bán đổi chác linh tinh”, cấm dùng thức ăn lâu ngày bằng bột, cấm tỏi và cấm tất cả những dụng cụ sinh hoạt bằng sắt như dao, kéo, muống nĩa... Tuy vậy có anh tù nào lại ngậy thơ ngoan ngoãn đến nỗi tuân theo hoàn toàn những quy định ấy. Mua bán đổi chác linh tinh vẫn cứ diễn ra, dao kéo vẫn cứ được lén lút sử dụng hàng ngày nhưng đó là những thứ đã được “cải biên” thành dao kéo mini nhỏ xíu cho dễ cất giấu. Nó là những vật dụng cần thiết cho đời sống hàng ngày, dù có bị bắt thì cũng chỉ bị tịch thu chứ không đến nỗi bị cùm một hoặc hai chân – tùy theo tội – hay bị đưa vào “thiên lao” tức là thứ phòng giam đặc biệt trong trại tù.

Ngày qua ngày, cái “không khí êm ả” của trại giam trở nên phẳng lặng nhưng dĩ nhiên là không thể nào nói rằng đó là thứ “an tâm, hồ hởi phấn khởi” mà bất kỳ anh “trại viên” nào cũng cứ phải viết khi phải làm những “bản kiểm điểm”, mặc dù kể cả người viết và người đọc đều chẳng ai tin.

Nhưng cái không khí ấy đôi khi bỗng nhiên bị xáo trộn. Vào một buổi sáng tinh mơ, khi chúng tôi đang ngồi ở cái sân đất giữa trại, chờ gọi tên từng đội đi lao động để “một ngày lại vinh quang như mọi ngày” thì bỗng đâu toán lính gác trại tù sừng sọc chạy vào. Họ chạy rầm rập như ra trận, súng ống chĩa về phía “quân thù”, mặt mũi “khẩn trương” rõ rệt. Họ sọc thẳng vào những phòng giam trống hốc cứ làm như có địch ẩn nấp đâu trong đó.

Chúng tôi ngẩn ngơ đứng nhìn, không hiểu họ giờ trò gì. Có những khuôn mặt lo lắng, một nỗi lo âu hoang. Chuyển trại hay có ai đó trốn trại? Chưa biết. Toán lính lục tung hết mọi thứ đồ đạc ít ỏi mà mỗi người tù có được trong gói hành trang của riêng mình. Sau đó chừng nửa giờ, một vài gói đồ bị tịch thu được vác lên “phòng thi đua”. Lúc đó thì chúng tôi mới hiểu rằng đó chỉ là một kiểu khám phòng để tìm ra những thứ đồ “quốc cấm” mà trại đã quy định tù không được dùng.

Thật ra, đó cũng là cái cung cách mà ở những “trại cải tạo” thường dùng để khuấy động cái không khí trầm lặng để phát sinh ra những “tiêu cực”. Bởi trong cái sự yên bình của một trại giam, người tù có thể liên kết với nhau làm một chuyện gì đó như tổ chức trốn trại hoặc có thể có những vụ xúi giục “tuyệt thực”, bàn bạc chống đối... Và nếu nói đến sự chống đối thì có hàng trăm thứ để có thể chống đối được. Thí dụ sự ăn đói, sự đối xử bất công, sự oan ức vô lý, sự trù dập của một vài anh “quản giáo”, sự thô bạo của mấy anh lính võ trang. Chuyện gì cũng có thể chống đối được. Vì thế thỉnh thoảng họ phải làm cho cái không khí đó mất hẳn cái vẻ trầm lặng để chứng tỏ lúc nào họ cũng đề phòng, lúc nào họ cũng “đề cao cảnh giác”, lúc nào họ cũng sẵn sàng đối phó với mọi “mưu đồ”.

Các anh tù đừng có tưởng bở, chẳng bao giờ yên đâu. Cứ sau mỗi lần như thế, chắc chắn thế nào họ chẳng vớ được vài anh tù nào đó giấu những thứ vớ vẩn như dao kéo, thư từ, sách vở tiếng nước ngoài, tiền bạc, đồ dùng ngoài quy định. Tất nhiên sẽ có những cuộc “kiểm điểm, phê bình” mà chúng tôi gọi là những “buổi tối ngồi đồng” để từ đó lôi ra một vài cái “tội”. Đội nào khôn ngoan thì cứ ngồi im, ai “phê” thì cứ mặc, còn cãi là còn “ngồi đồng”. Đi làm suốt ngày mệt mỏi đến thở không ra, tối về còn ngồi đồng, còn “phê bình” còn “kiểm thảo” thì chịu sao nổi. Nay “làm chưa xong” thì mai lại ngồi tiếp, ngồi cho đến khi nào tìm ra tội mới thôi. Tội nặng, tội nhẹ tùy theo tình hình của từng thời điểm.

Thời điểm “căng” thì vào tù phạm tội vào nhà kỷ luật đặc biệt nằm “treo một chân”, thời điểm nhẹ nhàng thì cảnh cáo, ghi tội vào biên bản. Và họ sẽ có những biện pháp an toàn như chuyển đổi năm bảy anh tù đội này sang đội khác để phòng tránh những vụ tù kết hợp thành tổ chức, những phe nhóm có thể gây nguy hại đến an ninh của trại tù.

Chung quy đó chỉ là một cách đào xới tung cái tinh thần “tưởng rằng yên ổn” của mấy anh “trại viên” còn tỏ ra cứng đầu, còn có mưu toan lôi kéo người này người kia vào trong phe mình để từ đó có những yêu sách hoặc toan tính bất lợi cho trại tù. Quả là mỗi lần như thế trại tù cũng rối tung lên và làm cho những anh yếu bóng vía thường phải sống dựa vào tinh thần bè bạn càng thêm rụt rè, chẳng biết tin vào ai được nữa. Nhưng riết rồi trò gì cũng thành quen và đối với một số người tù “chẳng còn có gì để mất” thì họ trở như đá, muốn làm gì thì làm, chỉ có cái thân tù đói này thôi, sống cũng được mà chết cũng chẳng sao.

Có lẽ tôi cũng đã học tập được cái tinh thần ấy của những anh bạn trẻ, bởi tôi cũng chẳng còn có gì để mất. Vợ con nhà cửa đều đã mất tất cả rồi, chẳng có gì phải lo. Đôi khi tôi sống tưng tưng, ông anh rề ở Sài Gòn gửi cho cái gì thì nhận cái nấy. Và một sự thật không thể quên là nếu không có ông anh rề tốt bụng đó thì tôi cũng đã trở thành một thứ “Tù Caritas” như một số anh em ở trong trại tù rồi. Tức là những người tù chẳng có ai thăm nuôi.

Những bà vợ đau khổ với những gia đình đói rách lầm than, họ lo cho chính họ còn không xong thì lấy gì đi “thăm nuôi” người ở trong tù mà lại tù ở tuốt tận miền Bắc xa tít mù tấp. Thậm chí có người tù còn vui mừng khi thấy vợ mình bước đi bước nữa với một anh nào đó và đưa các con ra được nước ngoài. Tôi nói thế để chứng minh rằng không nên trách cứ bất kỳ một ai trong hoàn cảnh cay nghiệt này. Theo tôi thì những anh “mồ côi” không ai thăm nuôi trong trại tù mới chính là những anh hưởng trọn vẹn được cái “thú đau thương”.

Trở lại chuyện buổi sáng tinh mơ, khi toán lính chạy sòng sọc vào trại. Đó là một buổi sáng cuối mùa đông, trước Tết âm lịch chừng vài ngày. Đây cũng là biện pháp an ninh thông thường của các trại tù trước những ngày lễ Tết lớn. Tôi thành thạo theo đội đi làm ở ngoài đồng. Tôi vẫn cứ yên trí rằng tôi chẳng có gì để mất, hay cái vật tôi mất chẳng có gì quan trọng.

Vào mùa đông cái thứ quan trọng nhất với người tù chỉ là rau. Mùa này thiếu rau đến... khô quắt cả dạ dày, rau muống bầu bí không trồng được, chỉ còn rau cải và trồng cải thì lâu mới được ăn và năng suất không cao, cho nên có được tí rau là hạnh phúc nhất. Tôi ngồi lê la trước mấy luống su hào, đó là thứ “thực phẩm cao cấp” nhất trong khu vườn rau của toàn đội. Những củ su hào bắt đầu to hơn nắm tay nằm tròn trĩnh dưới những tàu lá xanh mượt mà, tôi trông coi chúng vì cái công sức tôi bỏ ra hơn một tháng trời. Tôi coi chúng cũng như một tác phẩm nào đó mà tôi đã từng viết ra, ở đây không có gì để coi như tác phẩm thì coi nó là tác phẩm vậy, để có cái mà thú vị và để có cái mà quên đi những thứ quanh mình.

Cứ như thế tôi tha hồ đặt tên từng luống su hào, có khi là một cái tên nghe có vẻ “lả lướt” như tên người tôi đã gặp ở tiệm khiêu vũ, có khi là một cái tên rất dung tục. Ấu cũng là một trò “nghịch ngâm” giữa vùng rừng núi âm u, hầu như không có mặt trời mùa đông này. Nhưng tôi biết rằng trò chơi của tôi sẽ phải chấm dứt trong một hai ngày nữa. Bởi Tết đã đến, dù 12 luống su hào còn non chưa đến ngày “thu hoạch” nhưng cần thức ăn trong ba ngày Tết nên họ sẽ nhổ. Nếu tù không ăn thì cai tù ăn, chứ không đời nào họ chịu để đến mùa xuân. Nhưng vui chơi được giờ nào hay giờ ấy trong cuộc sống phù du này.

Buổi trưa về đến trại, trong khi bạn bè xung quanh đang xôn xao, kẻ bị tịch thu cái này, người bị mất cái kia thì tôi vẫn nhón nhơ vì tôi chẳng có gì để mất. Tôi xách xô đi lấy cơm, gọi là phần cơm, nhưng thật ra chỉ có đúng một bát bo bo tương đối khá đầy đặn. Tôi ăn thì tạm lửng lửng, nhưng những người bạn tôi thì không bao giờ đủ. Họ thường nói “Vừa ăn xong mà vẫn cứ tưởng như mình chưa ăn”. Cái đói cứ lửng lơ mãi ngày này qua ngày khác, thế mới là khó chịu. Có những ông bạn tôi ăn theo cái kiểu câu dằm, tức là lấy cái muống tre nhỏ xíu, hoặc một cái gì đó lớn hơn cái đầu đũa, múc từng muống bo bo ăn rải rác suốt ngày để có cảm tưởng lúc nào cũng được ăn, nó làm lu mờ cái cảm giác đói, đó là cách tự đánh lừa mình.

Tôi cũng “ăn dè hà tiện” nhưng tôi ăn bằng muống. Cái muống rất đặc biệt bằng inox hẵn hoi, có chạm trở tinh vi và luôn được chùi rửa sáng bóng. Nhưng sáng nay, được chia hai củ khoai lang ăn sáng nên tôi để cái muống ở nhà. Tôi thường cất nó vào trong chiếc lon Guigoz – một loại vỏ hộp sữa được chế biến thành đồ dùng rất thông dụng và nhiều lợi ích của hầu hết những anh tù, nó có thể dùng “trăm công ngàn việc” từ đựng các loại thức ăn, thức uống đến đun nấu, câu móc, đựng mắm muối, chứa đồ để dành, múc nước tắm rửa đánh răng, rửa mặt. Nhưng hôm nay thì cái muống biến mất, tất nhiên là nó đã bị tịch thu trong buổi khám xét trại sáng nay.

Đây là thứ “gia bảo” tôi đã cất giấu nó suốt mấy năm nay chưa hề lơ lửng. Nó luôn nằm sát bên tôi, lúc đi lao động cũng như khi nằm ngủ. Có thể ví như cái nạng của một anh què, cái gậy của ông lão chín mươi, một thứ đã thành thói quen bám vào cuộc sống.

Sau một buổi trưa mưu toan tính kế, chiều hôm đó tôi quyết định đến gặp Dục, anh chàng trưởng ban thi đua của trại. Dục cũng chỉ là một “trại viên”, nhưng trước đây anh ta là cán bộ, anh “thoái hóa tiêu cực” sao đó nên bị đi tù. Những anh cán bộ và quân nhân trong trại tù thường được gọi là “phạm binh, phạm cán” tức là tội phạm thuộc binh sĩ hoặc cán bộ cũ. Họ có một chế độ đãi ngộ riêng và thường được dùng vào trong các công việc cần đến sự tin cậy của giám thị.

Bữa khai lý lịch, thấy tôi khai là dân huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình, Dục liền hỏi quê quán và nhận là người cùng quê. Một lần Dục dẫn chúng tôi đi lấy quần áo ngoài trại chính, qua khoảng đồi núi quanh co, anh ta chỉ tay lên mảng cây cối thưa thớt, nói với tôi rằng “Cậu Huyện Nhụ nằm ở đó”.

Tôi hỏi anh có họ hàng thế nào với ông Huyện Nhự, anh ta nói anh là cháu gọi ông Nhự bằng cậu, nhưng gia đình cụ Nhự vào Nam còn gia đình anh vốn là nông dân nên ở lại miền Bắc. Cụ Nguyễn Mạnh Nhự trước năm 75 làm chánh án ở Tòa án Sài Gòn và tôi nghe nói là cũng có họ hàng với gia đình tôi, nhưng là họ xa. Cụ làm tri huyện từ khi còn rất trẻ. Sau này tôi có gặp cụ vài lần. Tôi kể cho Dục nghe đôi ba chuyện về cuộc sống của cụ Huyện Nhự khi còn ở Sài Gòn. Sau này đi “cải tạo” cụ Huyện Nhự mất ở trại này. Dục nói là trước khi cụ chết, cụ chỉ thêm được ăn một cái bánh dò. Dục nhắn người nhà ở Thái Bình khi đi thăm nuôi thì ghé qua Hà Nội mua lên vài cái, nhưng khi bánh dò mang lên thì cụ mất rồi.

Từ đó, đối với tôi, Dục có phần dễ dãi hơn. Nhưng dĩ nhiên cái khoảng cách giữa một bên là “ngụ” một bên là “cán” thì khó mà san lấp được...

Nhưng hôm nay thì tôi cần đến hẳn. Suốt buổi trưa tôi không gặp được Dục. Cho đến hai hôm sau, khi trại đã xôn xao chuẩn bị cho những ngày Tết tôi mới gặp được Dục. Trong khi đó tôi dò hỏi mấy tay làm văn hóa xem những thứ bị tịch thu còn để trong phòng thi đua không. Họ nói còn để trong kho lẫn lộn với những thứ đồ dùng khác. Tôi mang cho Dục một ít thuốc đau dạ dày của ông anh tôi mới gửi vào. Rất may cho tôi là hẳn cũng bị đau dạ dày. Mà cái thứ thuốc trị bệnh dạ dày ở miền Bắc hồi đó chỉ là tí mật ong trộn với nghệ nên không công hiệu. Tôi có thứ thuốc “cao cấp” hơn là Maalox, uống vào là cơn đau dịu xuống ngay. Thuốc Mỹ đàng hoàng, người ta ghét Mỹ nhưng thuốc của nó tốt thì cứ thích, có sao đâu.

Tôi gạ chuyện để xin lại cái muống. Dục trợn mắt:

- “Anh làm cái gì mà cần cái muống đến thế? Bây giờ để trong kho, chui vào đấy mà trực trại nó biết thì tôi vào nhà đá.”

Tôi nằn nì:

- “Đấy là đồ gia bảo của tôi đấy. Anh biết không, tôi mất nhiều thứ lắm, một cái bằng lái xe ba dấu, một cuốn tự điển. Nhưng tôi không cần, tôi chỉ cần cái muống thôi.”

Dục nhìn tôi nghi ngại:

- “Mày giấu cái gì trong đó?”

Dục hơn tôi hai tuổi nên hẳn có gọi tôi bằng mày tôi cũng không tự ái, mà dù hẳn có kém tôi vài ba tuổi mà lúc đó hẳn gọi tôi bằng mày tôi cũng cho qua luôn.

- “Cái muống đặc và nhỏ như thế làm sao giấu cái gì trong nó được?”

Dục nửa đùa nửa thật:

- “Bọn mày thì lắm trò lắm, cái gì chúng mày chẳng làm được. Chưa biết chừng mày giấu cả cái máy quay phim trong đó cũng nên. Tao nghe nói mày có sách làm phim phải không?”

- “Đúng, nhưng là tôi viết truyện rồi người ta lấy làm phim chứ tôi biết cái cóc khô gì.”

- “Vậy sao mày chỉ đòi lấy lại cái muống, mày mua chuộc tao bằng hai vỉ thuốc đau dạ dày, không bỏ. Khéo không chết cả đám. Tao không chơi.”

Tôi thất bại, nhưng vẫn không chịu bỏ cuộc. Chiều hôm đó, Dục lại được lệnh phải làm một cái phòng đọc sách vào dịp Tết. Tôi đang loay hoay dán mấy cành hoa đào lên tấm phông trên hội trường thì Dục kéo tôi xuống. Nó bảo tôi đi khuôn sách trên thư viện về hội trường, kê bàn ghế, trang trí thành khu đọc sách báo trong ba ngày Tết cho ra vẻ “có văn hóa”. Nhưng nếu coi thư viện thì không được ăn Tết ở phòng mà phải ngồi trực ở hội trường. Tôi nhận lời ngay dù biết rằng tôi sẽ mất cái thú dự những ngày Tết với anh em trong phòng giam và mất cái thú ngồi đánh mạt chược bằng những con bài gỗ do chúng tôi tự làm lấy.

Thế là tôi lại có dịp lần la nói chuyện với Dục về cái muống của tôi. Dục vẫn nghi ngờ rằng tôi có cái gì giấu trong đó, hay tôi cần cái muống để làm việc gì đó. Tôi đành kể cho Dục nghe:



- “Buổi sáng hôm tôi phải đi “học tập cải tạo”, vợ tôi chuẩn bị một số đồ dùng cho vào túi xách để tôi mang đi. Đưa con gái của tôi, khi đó mới hơn ba tuổi, thấy mẹ nó bỏ vào túi xách nào là quần áo, khăn mặt, thuốc... nó đang ăn sáng, cũng bỏ vào xách tay của tôi cái muống nó đang ăn và dặn: “Con cho bố mượn, khi nào bố về, phải trả lại cho con đấy”.

Tôi ôm con gái gật đầu hứa khi về bố sẽ trả con. Nhưng quả thật tôi vẫn nghĩ chẳng bao giờ tôi trả lại được cho nó. Lần chia tay này có thể là vĩnh viễn... Chúng tôi ngậm ngùi chia tay, không thể hẹn được ngày về vì có biết ngày nào về đâu mà hẹn!

Thế là từ đó, cái muống theo tôi suốt trong những bữa ăn, suốt trong những giấc ngủ. Hình ảnh con gái và gia đình tôi hiện lên qua cái muống đó. Tôi vẫn đánh lừa tôi rằng tôi đang được ăn bên con gái tôi, bên những người thân yêu của tôi. Dù tôi biết rất rõ sự lừa dối ấy là một niềm ước vọng không bao giờ thành hiện thực, nhưng vậy mà đôi lúc tôi cũng thấy ấm lòng.

Nghe câu chuyện ấy, Dục tỏ ra chần chừ, nhưng hẳn vổ vai tôi:

- “Thôi được, nếu là như thế thì tôi giúp cậu. Tối nay, khi cậu ngồi coi phòng đọc sách, tôi sẽ giữ phần bánh chưng lại cho cậu, tôi sẽ gọi cậu xuống phòng thi đưa cho cậu ngồi ăn ở đó, trong khi tôi gọi ban thi đưa lên phòng hội thi tôi giả vờ để quên chìa khóa kho. Cậu mở cửa kho vào mà tìm, nhưng có gì thì cậu chịu trách nhiệm. Nó mà vớ được thì ‘kỷ luật’ suốt cái Tết này đấy, chưa biết chừng suốt mùa xuân.”

Chẳng còn cách nào khác, tôi đành làm theo cách “ăn trộm” này. Tối đó tôi mở khóa mò vào gian nhà kho. Ánh điện từ nhà ngoài hắt vào, vừa đủ soi sáng cái đồng hồ bàn làng đủ thứ đồ dùng lặt vặt vừa bị thu mấy hôm trước. Tôi sục ngay vào cái đồng hồ linh tinh đó, quả là những anh bạn tù của tôi có lắm trò chơi thật.

Thôi thì đủ thứ, cái điều cày được làm bằng những ống hỏa châu hoặc những cẳng băng ca được cắt ngắn, chạm trổ rồng phượng, khắc gọt rất tinh vi. Những cái trâm cài đầu, những cái lược cho con gái hay cho người yêu, làm bằng nhôm được khắc những cái tên “Hồng Hoa, Bích Phượng, Thúy Hường...” nghe nao cả lòng. Những con dao nhỏ xíu, những cái muống gò bằng tôn cũng có hoa lá cành. Tất cả những cái gì bằng sắt đều nằm gọn ở đó.

Sách vở tiếng Anh tiếng Pháp và đủ thứ giấy tờ lộn xộn. Cái mà tôi kiếm được trước tiên lại là cái bằng lái xe của tôi. Tôi không dại gì mà không đút vào túi, dù chẳng biết để làm gì. Tôi lại hí hục lục tiếp, vừa hồi hộp vừa phải làm thật nhanh tay, tôi đâm ra lỉnh quỳnh. Dù chỉ một tiếng động nhỏ cũng khiến tôi giật mình. Cái muống của tôi vẫn chưa tìm thấy. Ruột nóng như lửa đốt, tôi bới tung hết cả cái đồng hồ ấy và đâm hốt hoảng nếu cái muống không còn ở đó nữa. Nhưng may quá, cái muống kia rồi, nó nằm dưới cuốn sách dày cộm của “thằng chết tiệt” nào đó. Nó chỉ thò ra có mỗi cái đuôi, tôi cũng nhận ra nó ngay. Lúc đó tôi có cảm tưởng như “Con có ở xa bố hàng cây số thì bố cũng cứ nhận ra con như thường”.

Tôi vồ lấy nó như sợ bị người ta giật mất. Tôi nhìn cái hoa văn chạy dọc theo cán muống mà tôi đã quá thân thuộc như chính cái nét mặt con gái tôi khi nó “nhí nhảnh” đưa cái muống vào trong túi xách. Nó vẫn cứ tưởng là một chuyện vui, bố đi chơi vài ngày rồi bố về. Ừ thì vui. Tôi cười trong nụ cười méo máo của mẹ nó và trong nụ cười hồn nhiên của nó. Không hiểu sao trong lúc gay cấn như thế mà hình ảnh xưa lại hiện lên rất nhanh như một ánh chớp. Tôi vọt ra khỏi phòng, khóa cửa lại, biến nhanh vào bóng tối trên con đường về “khu biệt kích”. Thoát nạn!

Cái Tết ấy tôi lại được vui chơi với cái muống của tôi, dù tôi đã phải hy sinh suốt ba ngày, trong khi mọi người được nghỉ ngơi thì tôi cứ phải quanh quẩn trong cái “phòng đọc sách” chẳng có ma nào thèm ghé đến ấy.

Những dịp nghỉ ngơi như thế cũng hiếm hoi như chuyện được ăn một bữa cơm đúng là cơm chứ không phải khoai sắn hay bo bo. Nhưng quả là tôi thấy hạnh phúc dù ngồi thui thủi một mình. Tôi có cái muống rồi, còn cần gì vui chơi nữa. Đó chính là mùa xuân của tôi.

Nhưng không phải đó là một lần duy nhất tôi phải “cứu lấy” cái vật gia bảo của mình. Hai lần sau cũng tương tự, cũng bị tịch thu rồi cứu lại được cứ như sắp ra pháp trường rồi lại được cứu. Chỉ tiếc rằng người cứu tôi không phải là người bạn đồng minh đã từng chiến đấu với các đồng ngũ của tôi trong những năm qua, người đồng minh đó đã “gan dạ” cuốn cờ chạy nhanh và chạy xa quá rồi. Thôi thì tôi tự cứu lấy cái muống của tôi vậy.

Một lần khác, tôi lội qua con suối sau cơn mưa lớn. Chỗ chúng tôi làm phải đi qua một con suối, gọi là suối lạnh. Bình thường nó cạn, dòng nước trong vắt dịu dàng trôi lơ lửng trên những tảng đá xanh. Chúng tôi thường dùng nơi này làm bến tắm. Nhưng cứ có một cơn mưa lớn là nước từ những triền đồi vây quanh bốn hướng ào ạt đổ xuống, chỉ cần nửa giờ sau là con suối trở nên hung hãn, nước chảy cuộn cuộn và mang theo những cành cây, những khúc gỗ lao băng băng. Chúng tôi phải gấp rút lội qua con suối trở về trước khi con suối trở thành hung dữ. Sang gần tới bờ bên kia, tôi loạng choạng làm đổ cái túi đồ đựng những thứ lặt vặt trong đó có cái muống. Ở đây tôi thuộc từng khe đá nên tôi không ngần ngại nhào người xuống mò.

Anh bạn nhảy dù, la lên:

- “Bộ ông điên sao?”

Tôi điên thật, tôi muốn mò tìm cái muống của tôi. Nhưng nước chảy xiết quá tôi lại thua. Anh bạn nhảy dù trẻ, què một tay vì bị thương ngoài chiến trường, rất hiểu tôi nên anh đi xa hơn một chút, anh khom người xuống, thò một tay vào cái khe hờn đá là tìm được lại cho tôi cái muống. Đôi mắt anh rất tinh, anh mỉm cười:

- “Tôi biết ông mất cái gì rồi. Tôi tìm được nó cho ông nè.”

Chuyện trở trêu là hơn 12 năm sau, tôi trở về, nhưng tôi chưa trả lại cái muống cho con gái tôi được vì mẹ con nó đã vượt biên, đã định cư ở nước ngoài. Hơn hai mươi năm, tôi chưa một lần được gặp lại con gái tôi. Tính đến năm nay là 27 năm, con gái tôi đã 30 tuổi. Ngày 29 tháng 9-2002 vừa qua, cháu lập gia đình ở Miami, Florida.

Nhận được thiệp báo tin, tôi không biết mình vui hay buồn. Hình như không phải là vui hay buồn mà là một thứ cảm giác kỳ lạ cứ lơ lơ lửng lửng lẫn lộn. Chú thím nó và các anh chị nó ở Mỹ đều hẹn nhau đi dự đám cưới nó. Tôi thì không, chẳng hẹn hò được gì cả và chẳng làm được cái gì cả. Tôi có cảm giác như mình thừa. Rất may là trước ngày đám cưới, cô chú nó về Sài Gòn, chính tay tôi gửi được tấm thiệp mừng con gái tôi. Tôi gửi theo cái muống trả lại cho con gái tôi như lời hứa 27 năm về trước. Vật đó có thể thay cho sự có mặt của tôi không? Tôi không biết. Nhưng tôi chỉ nghĩ rằng gửi cho cháu để cháu hiểu rằng lúc nào tôi cũng coi như cháu còn nhỏ lắm, như mới hôm qua hai bố con còn ở bên nhau. Tôi đi chơi đâu đó và hôm nay trở về. Nhưng cháu đã đi xa và tôi còn ở lại Sài Gòn, nơi nó đã sinh ra. Cháu sẽ nghĩ gì, tôi không biết.

Nhưng vài hôm sau thì có một điều tôi biết rất rõ là từ khi cái muống được gửi đi, tôi cảm thấy trống trải như mất mát một cái gì, xa vắng một cái gì thân thiết hàng ngày ở bên mình. Tôi cho rằng nó cũng giống như cái cảm giác của những ông bố bà mẹ khi cho con gái mình đi lấy chồng xa. Nỗi buồn lâng lâng bay chập chờn khắp nơi. Nhưng đó chính là sợi dây vô hình nối liền mãi mãi tình thương yêu dù ở bất kỳ nơi nào trên hành tinh này. Cuối cùng người ta chỉ còn lại cái Tình. Cái Tình ấy dù gửi đi tới đâu cũng vẫn còn lại, đôi khi mạnh và sâu hơn, chỉ khi nào

người ta tự đánh mất nó thì nó mới mất mãi mãi. Tôi chắc chẳng ai dại gì làm mất cái thứ báu vật trên đời không gì có thể so sánh được.

Lẽ ra chuyện này tôi đã viết ngay từ tháng 9/2002 khi tôi được tin cháu lập gia đình. Nhưng nhiều lần muốn viết tôi cứ ngồi mãi trước computer, không gõ được chữ nào, đầu óc lung tung. Dường như khi cảm xúc quá đầy, người ta không thể làm gì được ngoài việc cứ để cho nó tuôn trào lênh láng như ngồi dưới cơn mưa. Không nghĩ ngợi gì cả, không làm gì cả, cứ ngửa mặt lên cho mưa đầy mặt, thế thôi! Đúng là chuyện của người thì làm xong nhanh mà chuyện của mình thì nghẹn. Mãi đến hôm nay tôi mới ghi lại được những dòng chữ này, nhưng tôi cho rằng chẳng bao giờ muộn vì nó là thứ chuyện của cả một đời hay là của muôn đời.

## Về chuyến đi xa của hai nghệ sĩ

### Ngọc Bích một thời để nhớ \*

Tôi nhớ vào khoảng năm 1947-48, khi còn đi trọ học ở trường Quang Trung tại thị xã Đông Năm thuộc tỉnh Thái Bình, mới lên học lớp Trung học - đệ ngũ, đệ lục - nghe có mấy ông ở Liên Khu 3 về diễn kịch và tổ chức ca nhạc giúp vui ở Đình, thế là tôi hào hứng chờ đợi cái giây phút thiêng liêng đó. Những giây phút đầu đời nghe và thấy tình yêu văn nghệ thấm vào mạch máu. Bây giờ tôi không còn nhớ rõ tối đó có những vị nhạc sĩ nào. Nguyễn Xuân Khoát, Tô Vũ hay Đỗ Nhuận nhưng đó là những người cùng thời với các anh Ngọc Bích, Phạm Duy. Hồi đó, Cống Thần, Chợ Đại, Sêu Đặng, Đông Năm, Quỳnh Côi.. được kể là những thủ phủ của nền "văn minh hậu phương". Những người đi kháng chiến có dịp nào đi qua không thể không ghé lại đây để nhất được thưởng thức một ly cà phê sữa, một điếu Cotab hoặc Philip Morris, một ly trứng sữa sục nức mùi va-ni, một tô phở áp chảo nước áp chảo khô để được sống ít giờ với cái thú tiểu tư sản thành thị.

Vào thời tản cư, thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, cả tỉnh tôi mới có được một trường trung học. Cả tỉnh tôi mới có một sân khấu cải lương, thỉnh thoảng mới có một đoàn "danh tiếng" như Phụng Khánh về hát. Là học sinh, làm gì có tiền mua vé xem cải lương, nhưng hầu như đêm nào tôi cũng có mặt ở rạp cải lương. Cả năm sáu tên học trò chung nhau mua một cái vé hát, về lấy củ khoai, nhái đúng theo mẫu vé, khắc một con dấu, đóng vào. Thế là buổi tối năm sáu cậu lựa lúc đông người đưa vé vào xem hát. Dĩ nhiên chỉ dám làm giả vé "đi tuần" tức là vé hạng bét, vé đứng cuối rạp. Chúng tôi thường chọn đúng lúc bắt đầu hát bản chào cờ, đưa vé vào cửa. Nhưng rồi âm mưu cũng bị lộ, đêm đó tôi thấy mấy tay canh cửa kiểm soát vé gắt gao, đã tính chùn bước. Mấy cậu học trò theo tôi đều chuồn êm về ngủ. Nhưng máu mê nổi lên, tôi đưa vé vào giữa lúc chào cờ. Thế là bị tóm lại. Nhưng sau rồi họ biết là học sinh trường Quang Trung chỉ vì mê xem hát làm vé giả nên họ tha. Cái thời trẻ trung ấy làm sao quên được.

Tôi gọi lại kỷ niệm này vì không thể không nói đến khi nói về tuổi trẻ và những trò chơi cùng những đam mê. Nếu buổi tối hôm đó có Ngọc Bích hay Phạm Duy về đàn hát, chắc chắn tôi sẽ phải để dành tiền mua vé và nếu rách thì cũng làm vé giả để đi xem. Tuy anh Ngọc Bích chẳng phải là thần tượng của tôi, nhưng anh cũng là một trong những nhạc sĩ mà tôi thầm ngưỡng mộ.

Vài năm sau đó, bài hát mà tôi thích thú nhất là bài Say Chiến công. Bài hát vui vẻ, tự nhiên với lối trình diễn rất mới mẻ. Từ đó đến nay, lâu quá rồi, không ai hát lại và tôi quên khuấy mất tác giả, có lẽ nhiều bạn cũng như tôi không nhớ rằng bài đó là của anh Ngọc Bích nếu không được anh Phạm Duy nhắc lại.

.....

Có một điều anh P.Duy nhắc đến bài về Bảo Đại của anh Ngọc Bích và "suy tôn Ngô Thủ tướng" sau đổi thành "Suy tôn Ngô Tổng thống" của hai anh Ngọc Bích và Thanh Nam. Anh PD viết: "Tích cực hơn nữa, cùng với văn sĩ Thanh Nam, anh còn soạn ra bài Suy Tôn Ngô Thủ Tướng. Về sau, khi ông Diệm thành công thì bài này mới trở thành bài Suy Tôn Ngô Tổng Thống với một sửa đổi nhỏ trong lời ca :

*Ai bao năm từng lê gót nơi quê người  
sửa lại là :  
Ai bao năm từng in gót nơi quê người."*

Tôi cho rằng chưa đúng hẳn đó là "tâm huyết" thật sự của hai nghệ sĩ này. Theo tôi hiểu thì bài hát này được làm theo kiểu "chiến dịch". Nói cho rõ hơn là mỗi khi có một chiến dịch đặc biệt nào trong cuộc chiến tranh hoặc một chủ trương lớn như chiến dịch "Bắc tiến", "xây dựng nông thôn", "lập làng chiến lược, ấp chiến lược", "tam túc tam giác" hoặc một chiến dịch nhỏ như ca ngợi một chiến thắng nào đó thì chúng ta thường thấy có một vài bài hát tức khắc được tung ra mà trước hết là qua các đài phát thanh Quân Đội hay đài PT Sài Gòn. Những bài hát đó ở đâu ra? Rất nhiều người hiểu rằng đó là những văn nghệ sĩ phục vụ trong các đơn vị đã sáng tác cấp tốc ra nó theo lệnh của cấp trên. Loại nhạc như thế gọi là "nhạc chiến dịch". Nghe qua rồi bỏ, dùng cho một giai đoạn rồi thôi, người ta quên nó đi và chẳng cần biết tác giả là ai. Và ngay cả tác giả cũng chẳng muốn nêu tên tuổi của mình. Trường hợp của Ngọc Bích và Thanh Nam cũng vậy. Vào thời đó hai anh đều phục vụ tại Đài PT QĐ với cấp bậc trung sĩ. Bản nhạc "suy tôn" được làm theo chiến dịch hạ bệ Bảo Đại, đưa Ngô Thủ Tướng lên làm Tổng Thống thời Đệ Nhất Cộng Hoà. Không biết là hên hay xui, bài hát hay và dễ hát nên nó được in và phổ biến và khi nó được in thì dĩ nhiên phải có tên tác giả cho nên người ta biết nhiều đến bản nhạc này. Trong khi có hàng trăm bản nhạc như thế đến nay không ai còn nhớ và ngay tác giả cũng chẳng buồn nhớ. Tôi không dính chính hay cải chính giùm vì cả hai nghệ sĩ đã qua đời và cũng chẳng ai cần nhờ tôi làm cái công việc đó. Ở đây tôi chỉ muốn nhấn mạnh đến một sự thật cho rõ ràng.

Sau này, vào khoảng năm 1957-58, tôi thường ghé đài phát thanh Quân Đội, khi thì liên hệ công việc, đôi khi chỉ đến chơi. Hồi đó anh Vũ Quang Ninh làm Quản đốc, anh Vũ Đức Vinh tức nhà văn Huy Quang làm phụ tá kiêm trưởng ban biên tập. Đó chính là nơi tập trung khá đông những nhạc sĩ nổi tiếng của miền Nam VN. Các anh Văn Phụng, Đan Thọ, Ngọc Bích, Canh Thân, Anh Ngọc, Hoàng Hải, Vũ Huyền đều là quân nhân của Đài này. Vũ Huyền chính là animateur trong cái đám cưới của tôi vào năm 1960 (hồi đó người ta gọi là animateur chứ không gọi là MC như thời nay). Gọi là quân nhân nhưng thực chất đó chỉ là "nghề tay trái" hay đúng hơn là "chỗ dung thân" trong thời chiến. Các anh hầu hết là những quân nhân "đồng hoá".

Thời đó, anh Ngọc Bích còn có cái quán Nghệ sĩ trên đường Phan Đình Phùng. Một cái quán cà phê nhỏ, mỗi tối đều có chương trình ca nhạc. Nếu tôi nhớ không lầm thì nữ danh ca Thu Hương bắt đầu sự nghiệp sân khấu của cô từ đó. Và Thu Hương cũng là nữ diễn viên chính trong một cuốn phim, phóng tác từ một cuốn tiểu thuyết do Alpha Films của ông Thái Thức Nha thực hiện. Chỉ tiếc rằng sau này Thu Hương không đóng phim nữa mặc dầu vóc dáng của cô rất đẹp và rất "ăn ảnh".

Băng đi một thời gian, Ngọc Bích lại xuất hiện trên quán Hoà Bình ở giữa 2 khu Chợ Bến Thành và Nhà ga xe lửa cũ của Sài Gòn. Ngày nay mỗi lần có dịp đi qua, tôi vẫn còn nhớ căn lầu hai bên tường trống nhìn ra khắp mấy dãy phố giữa trung tâm thành phố. Cũng ở phòng trà này, thời đó tập trung khá nhiều những ca sĩ tên tuổi của Sài Gòn. Ở nhiều phòng trà, quán khiêu vũ, ca sĩ thường được chia ra làm vài ba thứ hạng. Những ca sĩ đến hát sớm thường là

ca sĩ mới ra lò hoặc ca sĩ hạng B, hạng C. người ta gọi là "hát độn" trong khi chờ những danh ca thượng thặng đến trình diễn. Còn những "ngôi sao" thì lơ lửng khi đến khi không, khi chạy sô lớn sô nhỏ, khi trái gió trở trời chẳng biết đằng nào mà mò. Nhưng ở phòng trà Hoà Bình thì dưới quyền điều khiển của "chú" Ngọc Bích, các ca sĩ tương đối đồng đều hơn. Những ca sĩ ăn khách hàng đầu thời đó như Thanh Thuý, Bằng Tâm, Bạch Yến, Kim Chi, Minh Hiếu, Thuý Nhiên, Trúc Mai, Thuý Hương, Thanh Lan... đều có mặt hàng đêm. Và có một số nữ danh ca chỉ xuất hiện một thời như Bạch Quyên, Bích Chiêu, Thuý Tú rồi sau đó "có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi".

Vào thời kỳ đó, chúng tôi có rất nhiều kỷ niệm. Tôi còn nhớ vào một đêm cũng gần đến Lễ Giáng Sinh, chúng tôi ngồi chơi ở Hoà Bình rồi rủ nhau đi ăn đêm. Ăn chán ghé về nhà ông Nhân (thân phụ của nữ ca sĩ Bạch Quyên) ở Tân Định, đánh xì còm. Hôm đó có Mai Thảo, Hoài Bắc, Thanh Nam, Quốc Phong, Ngọc Bích. Hoài Bắc đánh xì "xi măng" lắm, Vũ Thế Quang tặng cho cái danh hiệu là "gánh gánh vè". Mai Thảo thì đánh lơ mơ, Thanh Nam cũng vậy. Tôi không nhớ bữa đó có Thái Thủy không, nhưng có Hoàng Thư và ông này chỉ ngồi châu rìa chứ không đánh. Ngọc Bích thì lâu lâu mới ngồi vào bàn cờ bạc một lần gọi là "vui anh em" thôi. Đánh đến gần sáng thì nhiều anh thua hết. Ngọc Bích vay tôi một khoản chừng năm mươi ngàn gì đó. Nhưng rồi "tiền cờ bạc gác ngọn tre", chẳng bao giờ trả và dĩ nhiên tôi cũng chẳng bao giờ đòi. Rồi sau đó vài tháng, Ngọc Bích theo phái đoàn đi dự hội chợ Philippines. Khi anh về, anh đưa tặng tôi một cặp khuy manchette. Cặp khuy tay áo rất đẹp, có hình hai cái mặt nạ mạ vàng, tượng trưng cho sân khấu kịch nghệ. Tôi thích thú vì được bạn bè tặng quà. Nhưng anh giao hẹn: "Tôi trả ông cái khoản ở nhà ông Nhân đấy nhé". Tôi cho anh là người sòng phẳng, nhưng cũng hỏi: "Nếu không có cái khoản nợ đó thì ông không cho quà tôi à?". Ngọc Bích cười xoà: "Hai cái nhập làm một".

Sau này, vào những năm 1969, tôi về Đài PT QĐ, anh Ngọc Bích vẫn còn làm ở đó trong khi các anh khác đã giải ngũ đi làm việc khác cả rồi. Anh giải ngũ nhưng không có cơ sở nào làm ăn nên trở thành nhân viên dân chính. Cuộc sống của anh dường như lúc nào cũng túng thiếu. Đi xe hơi cũng là xe cũ, xộc xệch chẳng buồn thay. Nói năng rất ít, thỉnh thoảng anh ghé phòng tôi, nói chuyện công việc dăm ba phút rồi đi. Có buổi trưa, trời mưa tầm tã, xe hỏng, anh ngồi ngoài xe ngẩn mặt nhìn mưa qua hàng rào kẽm gai. Tôi chưa thấy đôi mắt nào buồn hơn thế. Tôi vẫy anh vào phòng tôi ăn trưa, hôm đó có cả Mai Thảo. Anh ăn uống uể oải. Mai Thảo nháy tôi:

"Mày bảo tài xế đưa chúng tao lên Quang Minh Đỉnh thì nó mới vui được."

Ngọc Bích cười thành tiếng:

"Không ai hiểu tôi hơn anh này."

Tôi gạt đầu ra giá:

"Muốn lên Quang Minh Đỉnh thì phải ăn hết con gà quay này, chứ bỏ phí à? Gà quay Thiên Nam đấy."

Thế là sau bữa ăn trưa, hai ông bạn tôi kéo nhau đi.

Có những buổi sáng, tôi ghé qua phòng ghi âm chuyên thu thanh cho các chương trình nhạc. Trong cái không khí nhộn nháo của các ca sĩ già trẻ và ban nhạc đệm của đài yểm trợ, bao giờ anh Ngọc Bích cũng thu mình vào với cây đàn, đôi mắt nhắm nghiền chẳng buồn chú ý đến ai, chẳng buồn để ý đến nhân tình thế thái. Cuộc đời như đã lợt ra ngoài con người anh. Suốt

những năm tháng dài như thế, cho đến năm 1975, chúng tôi sống và làm việc bên nhau. Anh vẫn lặng lẽ như một cái bóng. Hầu như anh không còn sáng tác gì thêm được nữa.

Hai mươi sáu năm rồi, tôi và những người bạn còn ở lại Việt Nam được tin anh mất, thông tin cho nhau rồi nhìn nhau lặng lẽ. Âm thầm vĩnh biệt một người bạn.

### **Đoàn Chuẩn cũng đã vĩnh biệt...**

*Có những đêm về sáng*

*Đời sao buồn chi lắm cố nhân ơi!*

Nhạc của ông thường vang lên trong tâm tưởng tôi suốt 12 năm giữa những núi rừng miền Bắc giá buốt và miền Nam hiu quạnh. Không còn là nỗi nhớ, không còn là những tiếc nuối mà là nỗi u uất, thăm thẳm mịt mờ. Còn gì bi thảm hơn những đêm về sáng, nằm một mình giữa rừng núi hoang dại và mình cũng dại dột nhìn về dĩ vãng. Tuy thế, nhìn về dĩ vãng vẫn hơn là nhìn về tương lai chẳng có gì, chẳng còn gì, cũng thăm thẳm mịt mờ như núi rừng đêm nay và tất cả mọi đêm.

Nỗi ao ước âm thầm: Ước gì được nghe trọn vẹn một bản nhạc của Đoàn Chuẩn! Đau xót mà nghe, càng nghe càng thấm, nghe bao nhiêu đau bấy nhiêu, như người ta muốn khóc thật to để vơi được phần nào những buồn khổ. Nhưng làm sao nghe được trong hoàn cảnh đó. Cho nên nó cứ vương vất nghẹn nỗi đau làm sao. Chỉ trong hai câu trong bản nhạc đó thôi, hình ảnh của người yêu, của bạn bè bật dậy, cả một quãng đời hiện lên mơ hồ, quẩn quại như điệu múa từ tiền kiếp, không bao giờ gặp lại.

Hôm nay thì tôi ngồi nghe lại cả một cuốn CD nhạc Đoàn Chuẩn khi nghe tin anh mất. Từ Hà Nội một người bạn tôi điện thoại cho biết tin này đầu tiên, trước khi những tờ báo ở Sài Gòn loan đòì dòng về tin buồn này. Người bạn tôi đã có từng có thời gian ở Hải Phòng vào những năm 1952-1953 và cũng đã có một số kỷ niệm với anh Đoàn Chuẩn. Tôi cũng có một vài kỷ niệm nhưng là rất nhỏ, trước hết là nó nhỏ với một nghệ sĩ lớn tuổi như Đoàn Chuẩn, có lẽ đến sau này anh chẳng còn nhớ tôi là "thằng nhóc" nào. Bởi anh hơn tôi đến gần 10 tuổi. (Anh sinh ngày 15-6-1924, tôi sinh năm 1933). Tuổi 19-20 với tuổi 30 khác nhau nhiều lắm. Còn hơn thế, hồi đó anh đã là một nghệ sĩ có tên tuổi, còn tôi chỉ là một anh "nhí", đang là một "mầm non văn nghệ".

### **Đoàn Chuẩn và nhóm văn nghệ Hoa Niên**

Nhóm Văn nghệ Hoa Niên của Hải Phòng thành hình vào khoảng năm 1952 do họa sĩ Trọng Thường thành lập. Thời kỳ của những thành phố mới hồi sinh sau giai đoạn đầu của kháng chiến chống Pháp. Cả thành phố Cảng của miền Bắc dường như chỉ có một nhóm văn nghệ duy nhất đó thôi. Người trưởng thành nhất là họa sĩ Trọng Thường, anh đã từng tham gia trong một vài đoàn văn công kháng chiến rồi trở về "thành", hồi ấy người ta gọi là "dinh tê". Nhóm văn nghệ gồm khoảng chừng trên 10 người, những ca sĩ hạng nhất như Ngọc Quang, Tường Vi và những ca nhạc sĩ mới ra lò như Hoài An, Huyền Linh, Phó Quốc Thăng, Thu Huyền, Lương Thảo, Trần Hải. Sở dĩ tôi được gia nhập nhóm này vào cái tuổi 19-20 vì thỉnh thoảng đi chơi với Lương Thảo, Trần Hải và cũng đã có vài bài viết lách trên mấy tờ báo ở tận Hà Nội như Cải Tạo, Tia Sáng. Thời đó, Hải Phòng chưa hề có một tờ báo nào.

Vì thế nhóm văn nghệ "tài tử" này được dư luận chú ý. Khoảng giữa năm 1952, chúng tôi chuẩn bị tổ chức một buổi trình diễn thi ca nhạc kịch tại nhà hát lớn thành phố. Một tờ chương

trình được in rất xôm, bài thơ của tôi đã "được đăng" trên nhật báo Tia Sáng cũng xuất hiện trên trang 2 của tờ chương trình này.

Trước buổi trình diễn thi ca nhạc kịch chừng một tuần lễ, anh Đoàn Chuẩn đến thăm. Trụ sở của chúng tôi là căn nhà ngoài của anh em ca sĩ Ngọc Quang, trên con đường nhỏ gọi là Ngõ Nghè. Anh Đoàn Chuẩn lúc đó đã đạo mạo lắm rồi. Dáng người khỏe mạnh, bảnh bao nhưng rất hiền lành. Anh hỏi thăm về đêm trình diễn và dĩ nhiên anh Trọng Thường không bỏ qua dịp may mời anh Đoàn Chuẩn trình diễn một bản guitare Hawaienne vốn là thứ đàn mà anh Đoàn Chuẩn rất thành thạo. Anh nhã nhặn từ chối lấy cớ bận đi Hà Nội. Anh chỉ hứa sẵn sàng cho mượn một cái mangétophone để thu lại toàn bộ chương trình hôm đó. Vào thời này có được cái máy như thế không phải là chuyện nhỏ. Không những phải là con nhà giàu mà con phải là tay biết chơi mới gửi mua thứ này tận bên Tây. Nhưng rồi đến đêm trình diễn, chuyên viên thu thanh đã làm cháy cái máy ghi âm đó của anh.

### Công tử của thành phố Cảng

Cũng vì chuyện này mà sau đó vài tuần tôi còn được gặp lại anh Đoàn Chuẩn. Anh hỏi thăm anh Trọng Thường để lấy lại chiếc mangétophone. Anh Đoàn Chuẩn cho tôi leo lên chiếc xe hơi, đó là chiếc xe Buick kền càng, láng coóng. Hồi đó cả miền Bắc chỉ có hai chiếc xe Buick nên anh Đoàn Chuẩn rất tự hào về điều này. Nếu không có vụ này chắc chẳng bao giờ tôi được ngồi trên chiếc xe đó. Tôi đưa anh đến nhà anh Trọng Thường ở phố Cầu Đất lấy lại chiếc máy dù nó đã bị cháy. Anh nhận lại máy mà không hề phàn nàn một tiếng. Tôi lo ngại theo dõi từng thái độ của anh và tôi lễ phép nói: "Cả nhóm lo lắm, anh Trọng Thường rất ân hận, phải trốn anh đấy. Không biết lấy gì mà đền anh đây". Anh lắc đầu: "Anh sẽ gửi đi sửa, có ai muốn làm cháy đâu." Tôi kính phục cử chỉ đó của anh.

Hồi đó anh được tiếng là công tử thành phố cảng. Một thành phố có hoa phượng đỏ trên cao, có lá me bay vàng đường và có những tàn lá bàng che rợp những mái hiên, nhưng không có những hàng sấu như Hà Nội. Gia đình anh nổi tiếng, hầu như khắp thành phố này không ai không biết tên. Hãng nước mắt Vạn Vân không chỉ nổi tiếng ở Việt Nam mà là ở cả Đông Dương. Nhà anh gồm bốn năm gian rộng trên đường vào Chợ Sắt. Thỉnh thoảng có dịp đi qua trước cửa nhà anh tôi thường lén nhìn vào, cũng chẳng biết để làm gì.

Trong óc tưởng tượng của tôi, đôi khi tôi nghĩ đến một ngày nào đó sẽ được thấy chị Đoàn Chuẩn. Qua những bản nhạc của anh, qua cung cách sống của anh, tôi hình dung ra một thiếu phụ rất hiền rất đẹp, da trắng như trứng gà bóc, vận chiếc áo dài bằng nhung xanh (màu xanh vốn là màu của Đoàn Chuẩn), cổ đeo chiếc khuyên vàng, chân đi đôi hài thêu, đầu vấn tóc trần, có đôi mắt bồ câu đen lánh. Nhưng quả là tôi chưa thấy bao giờ, cho nên đến bây giờ hình ảnh ấy vẫn còn nguyên vẹn trong tôi.

Sau năm 1954, anh ở lại miền Bắc, tôi ở miền Nam. Tôi có nhiều dịp để tìm hiểu về anh và những nghệ sĩ còn ở lại miền Bắc. Nhưng về anh thì tuyệt vô âm tín. Những nghệ sĩ như Văn Cao, Tô Vũ còn thấy sáng tác, còn tham gia hoạt động ở một số cơ quan. Song Đoàn Chuẩn thì vẫn yên lặng. Thỉnh thoảng nghe lại những bản nhạc của anh, tôi thực sự thấy lòng nao nao. Gửi gió cho mây ngàn bay, Thu quyến rũ, Tà áo xanh, Tình nghệ sĩ... đều là những tác phẩm bất hủ.

Tôi phát biểu ở đây một nhận định rất riêng tư, một so sánh đầy cảm tính. Nếu nhạc của cố nhạc sĩ Văn Cao có vẻ "thanh cao", lời lẽ rất văn hoa, bay như cánh chim trong khung trời hoa thơm cỏ lạ đến tận Thiên Thai thì nhạc của cố nhạc sĩ Đoàn Chuẩn lời lẽ bình dị, không bay bổng nhưng thấm sâu, rất sâu, hầu như bài nào cũng là nỗi nuối tiếc, đau đớn của con người thật đang sống. Có cảm tưởng như nỗi đau ở trước mặt, có thể sờ thấy, có thể cảm nhận, nó



quanh quần đầu đó như một phần cơ thể của chính mình. Có lẽ tôi không cần phải kể ra đây những lời ca ấy. Nó gần gũi với người nghe lắm, như một lời tâm tình giản dị mang xuyên suốt một tình yêu tuyệt vọng với hình bóng thân thuộc của quá khứ đã tàn rồi nhưng không bao giờ phai. Những bản nhạc của anh thường ký tên chung với một người bạn thân là Từ Linh, có người nói Đoàn Chuẩn chỉ ký tên chứ Từ Linh không làm nhạc, nhưng có người bạn tôi là anh em kết nghĩa với Từ Linh lại cam đoan rằng đã từng thấy Từ Linh làm nhạc. Nhưng Từ Linh không xuất hiện bao giờ nên Từ Linh như một "ẩn số" với nhiều thính giả. Theo tin tức tôi có thì Từ Linh đã mất vào năm 1987.

Những bí mật về bài ca được công bố cuối cùng

Ngoài những bản nhạc tôi đã nghe đi nghe lại không biết bao nhiêu lần, tôi thật sự kinh ngạc khi nghe bài Vĩnh Biệt trong CD "Gửi gió cho mây ngàn bay" do nữ ca sĩ Ánh Tuyết hát, Trung tâm băng nhạc Trẻ thực hiện, Bảo Chấn hòa âm. Thoạt tiên mở đầu bản nhạc, nghe như có tiếng trống thúc đầu đầu, cứ ngỡ là bài hùng ca. Và ngay câu đầu tiên người ta đã nghe thấy lời ai oán của một "chiến tướng" đứng trước một thành quách bị tàn thành dưới tay quân địch: "Ai đốt Cô Tô thành vì đời mất giai nhân hề, lửa cháy báo tin rằng thành quách ta. Ai trót nhấp men tình để Mỹ Cơ thương nhớ, khi khóc rồi Tiểu Nhiên còn mơ." "Em khác gì Quỳnh Giao, lúc cam lòng phung phí hết xuân xanh, lúc đêm về, thương cho đời mà cũng ghét cho đời mà cũng chán cho đời." Tâm tình Tiểu Nhiên ở Mỹ Cơ, Phạm Lãi - Tây Thi phải chăng chính là tâm trạng tác giả: Thương, ghét và chán? Nỗi niềm u ám cho cuộc tình và cho cuộc đời mình. Bài ca Vĩnh biệt còn được gọi là "Bài ca bị xé". (Tôi được biết ở hải ngoại bài này còn được đặt tên là Vàng phai mấy lá). Và bài ca cho đến mãi sau này mới được phổ biến. Tại sao vậy? Đây là một bí mật riêng tư của tác giả. Nhưng nay anh đã thành người quá cố, những người yêu nhạc của anh thì chắc nhiều người muốn biết. Có người cho rằng bài này được làm từ năm 1955, đó là kết quả của một mối tình tuyệt vọng giữa Đoàn Chuẩn và một danh ca thời xưa, nay còn sống. Có nghĩa là tác giả yêu nhưng không bao giờ được yêu lại. Bởi thế nên bài ca bị xé.

Nhưng tôi đã đem ý kiến này hỏi một người bạn thân của anh Đoàn Chuẩn và một vài người khác. Có người cho rằng đó là kết quả của một mối tình nồng nàn say đắm. Hồi đó anh Đoàn Chuẩn ở Hải Phòng yêu một nữ danh ca ở Sài Gòn. Anh đã yêu cầu một hàng bán hoa ở đường Catinat, mỗi ngày đưa đến tặng nữ ca sĩ một bó hoa tươi. Nhưng nữ ca sĩ này không nhận và đòi phải cho biết tên. Đoàn Chuẩn hứa là sẽ cho biết tên sau nửa tháng. Và nửa tháng sau đó Đoàn Chuẩn đã tiết lộ tên người gửi hoa. Trong hoàn cảnh như thế ai cảm lòng cho đặng. Mối tình bắt đầu. Nhưng tiếc rằng cả hai người đều đã có gia đình nên một thời gian sau mối tình tan vỡ. Bài ca cũng đã nói lên sự "đàn trùng dây, phím lờ".

Bài ca không được phổ biến và bị xé vì mang nỗi đau thương như không thể nói thành lời như người ta muốn khóc mà không khóc được. Nhưng tất cả chỉ là dự đoán. Sự thật như thế nào chỉ có ông mới biết và chúng ta là những yêu nhạc Đoàn Chuẩn bây giờ coi như một giai thoại đẹp và buồn khi vĩnh viễn chia tay với người nghệ sĩ tài hoa, người mãi mãi là một công tử, một tài tử đúng nghĩa nhất đối với tôi.?

\*\*\*

*\* Nhạc sĩ Ngọc Bích sinh năm 1925 tại Hà Nội. Chơi nhạc cho các vũ trường Hà Nội từ 1942. Trong nhóm nhạc sĩ Việt Nam đầu tiên xuất ngoại sang giúp vui cho binh sĩ đồng minh ở Côn Minh, Trung Quốc trong Đệ Nhị Thế Chiến. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động văn nghệ ở Liên khu 3. Sau 1954, ông vào Nam, làm việc tại các đài phát thanh Quân Đội, đài Sài Gòn, đài Mẹ Việt Nam. Di tản sang Hoa Kỳ vào cuối tháng Tư, 1975. Khoảng đầu thập niên vừa qua ông đã cùng nhạc sĩ Nguyễn Hiền lập ban nhạc "Saigon band".*

\*\*\*

## Phụ đính

### Quan niệm về văn chương và người lính trong tiểu thuyết Văn Quang Du Tử Lê



tranh Đinh Cường

Tùy theo định tâm của người viết mà, hình ảnh người lính miền Nam sẽ có diện mạo hoặc chân dung nào đó, trong trang viết. Đồng thời, người lính kia, sẽ giữ vai trò “tâm bão,” hay chỉ như một giới thiệu nhân thân, thoáng qua, làm nền mờ nhạt cho những động thái quan trọng khác. Với những tác giả chỉ muốn mượn hình ảnh người lính miền Nam để dẫn tới những chủ tâm khác thì đã có không ít nhà văn chẳng những “hư cấu” sự kiện, tâm lý nhân vật mà còn...”hư cấu” cả hệ thống tổ chức của QL/VNCH nữa!

Chẳng hạn họ có thể cho một nhân vật mang cấp bậc Trung Sĩ làm trung đội trưởng một trung đội; hay làm Thượng vụ Đại đội... Trong khi trên thực tế, theo hệ thống tổ chức thì với cấp trung sĩ, vị hạ sĩ quan này không bao giờ được bổ nhiệm vào chức vụ trung đội trưởng - Trừ trường hợp đang giao chiến mà, các sĩ quan trung đội trưởng, trung đội phó, hoặc thượng sĩ... đều bị tử trận, vị trung sĩ thâm niên nhất sẽ thay thế trung đội trưởng, chỉ huy số binh sĩ còn lại. Nhưng khi trận chiến chấm dứt, vai trò tạm thời kia, cũng chấm dứt theo.

Lại nữa, vẫn theo tổ chức của QL/VNCH cũ, chức vụ Thượng vụ Đại đội, được giao cho một thượng sĩ thâm niên nhất, chứ không bao giờ là một trung sĩ.

Những trường hợp viết theo cảm tính về một thực thể như thế, không hiếm lắm, trong văn xuôi của chúng ta.

Nếu không kể những nhà văn vì mặc cảm, muốn chứng tỏ mình là một “trí thức tiến bộ,” qua văn chương cho thấy quan điểm chống chiến tranh thì, người lính trong văn xuôi miền Nam, khi xuất hiện như một (hay những) nhân vật “trung tâm,” họ thường bị mô tả ở một trong hai diện mạo:

Diện mạo thứ nhất: Hình ảnh của một (hay những người hùng) xông pha trận mạc với lý tưởng chống cộng sản, cứu quê hương.

Ở dạng thức này, những người lính đó, là những người cực kỳ hoàn hảo, từ tư tưởng, kiến thức tới hành động. Họ cũng là những người được phụ nữ vây quanh, nhìn ngắm như những thần tượng... Nhưng vì là “người hùng lý tưởng,” nên chẳng những họ không màng tới phụ nữ; mà họ cũng không có những buồn, vui, ham hố, như một người thường. Họ không được phép có lúc quên nhiệm vụ. Có lúc điên rồ. Có lúc thất thố. Có lúc chán nản. Thất vọng. Họ cũng không được phép nghĩ tới tình riêng mà, lúc nào cũng canh cánh trong lòng một tình yêu duy nhất: Tình yêu tổ quốc.

Ở một cực khác, cực đối nghịch, diện mạo người lính lại hiện ra trên trang giấy như một con người dị dạng, thiếu nhân tính! Hình ảnh này thường được tô đậm bởi những nhà văn chủ tâm cho “người anh em phía bên kia” để mắt tới họ...

Dù mô tả người lính cực nào, những hình ảnh tốt/xấu kia, đều không thật. Theo tôi, những tác giả ấy đã chọn thế đứng chông chênh, sau khi tự chặt cụt một chân mình. May thay, giữa hai hình ảnh người lính miền Nam cực tốt và cực xấu đó, văn chương miền Nam cũng có một số nhà văn trụ được đôi chân mình trên hai phạm trù: Thực tế và ý thức. Tôi muốn nói, người lính vẫn là nhân vật “trung tâm” nơi những sáng tác của số nhà văn ấy. Nhưng người lính trong tác phẩm của họ, là một người bình thường. Họ cũng có những khiếm khuyết, những sai lầm, những ham hố, yêu đương, thất tình như bất cứ một thanh niên nào khác. Một trong những nhà văn viết về người lính miền Nam, trụ được đôi chân mình trên hai phạm trù Thực tế và, Ý thức kia, là nhà văn Văn Quang.

Được biết, nhà văn Văn Quang tên thật là Nguyễn Quang Tuyền, sinh năm 1933 tại Thái Bình. Ông khởi sự viết văn từ những ngày còn trẻ ở thành phố Hải Phòng. Khi được hỏi, trường hợp nào đã đưa một Nguyễn Quang Tuyền, trở thành nhà văn Văn Quang, tác giả tiểu thuyết “Chân Trời Tím” (1) cho biết, thuở nhỏ, ông sống ở vùng quê. Cả huyện không có một bệnh viện, tất nhiên không có bác sĩ. Cả tỉnh cũng chỉ có một hai bệnh viện. Cho nên ông đã thầm mong trở thành bác sĩ và mở bệnh viện ngay tại con phố chứng kiến, chia sẻ tuổi thơ ông. Ông nói: “Nhưng rồi loạn ly, nhà cửa bị tiêu thổ kháng chiến, tôi phải ra Hải Phòng, vừa đi dạy học vừa đi học. Từ đó quen biết với một vài nhạc sĩ, vài nhóm văn nghệ, vài anh em viết văn, làm báo ở Hà Nội xuống chơi. Thế là tôi bắt đầu viết văn, làm báo. Hồi đó ở Hải Phòng chưa có một tờ báo nào. Thời gian đầu (khoảng đầu năm 1953) tôi làm thông tin viên, làm tin hàng ngày ở thành phố cảng cho 1 tờ nhật báo ở Hà Nội. Sau đó tôi viết truyện ngắn, phóng sự cho tuần báo Cải Tạo xuất bản tại Hà Nội. Truyện dài đầu tay của tôi được đăng trên nhật báo Thân Dân-Hà Nội năm 1953...”

Trước khi theo đơn vị dự cư vào miền Nam, năm 1954, nhà văn Văn Quang bị động viên khóa 4 trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ông tốt nghiệp khóa này tháng 9 năm 1953.

Sau khi vào miền Nam, ông được bổ nhiệm về cục Tâm Lý Chiến, Saigon. Nhờ thế, ông có nhiều môi trường, cơ hội để tiếp tục nghiệp văn. Ông kể:

“Viết văn như một cái nghiệp nó bám theo mình và cũng phải kể đến môi trường cho mình theo đuổi chí hướng và khả năng sáng tạo nữa. Có nhiều người tôi quen, cũng thích viết văn làm báo, và cũng rất có khả năng. Nhưng trở trêu thay, hoàn cảnh lại không cho phép vì nhiều lý do khác nhau, nên chỉ có vài truyện rồi bỏ dở. Rất đáng tiếc cho những tài năng bị mai một. Trường hợp đó không phải là hiếm.”

Có lẽ đây là lần đầu tiên, tác giả những tiểu thuyết nổi tiếng như “Chân Trời Tím,” “Đời Chưa Trạng Đầm,” “Ngàn Năm Mây Bay,” “Tiếng Hát Học Trò” v.v... đã cho biết một cách chi tiết về giai đoạn khởi nghiệp văn của mình. Có thể, cũng là lần đầu tiên, khi trả lời câu hỏi “chủ đề và sự thật” nào có trong văn chương của ông, nhà văn Văn Quang nói, đại ý:

Ông thường chỉ viết những gì ông ghi nhận được từ đời sống hàng ngày. Thí dụ trong “Chân Trời Tím,” ông xác định đã viết về người lính trong tác phẩm này, với tất cả phần đời riêng tư, và tinh thần đồng đội qua những biến chuyển thời đại mà bản thân ông trải nghiệm. Ông nhấn mạnh:

“Thời trước tháng 4, 1975, là một quân nhân đi nhiều chiến trường và đơn vị, tôi có nhiều tài liệu, có nhiều cảm xúc. Tôi hoàn toàn tự tin có thể diễn tả được trung thực mọi sự kiện, mọi tâm tình trong tác phẩm của mình. Cũng thời gian ấy, đời sống xã hội Saigon có nhiều điều đáng ghi lại. Cuộc sống của những người trẻ tuổi chịu ảnh hưởng của lối sống Âu Mỹ du nhập vào Việt Nam. Tôi chọn đề tài này và chọn thể loại phóng sự như ‘Những Ngày Hoa Mộng’ đăng trên báo Truyện Phim, phóng sự ‘Saigon Tốc’ đăng trên nhật báo Chính Luận...”

Khi được thả ra từ trại tù cải tạo năm 1987, ông viết truyện dài “Ngã Tư Hoàng Hôn.” Ông chọn đề tài xã hội Việt Nam những năm 1990, cũng với tất cả những gì ông chứng kiến. Từ mặt phải tới mặt trái của những con người sống trong giai đoạn ấy.

Sau đó cuộc sống ở Saigon lại có quá nhiều biến chuyển. Một tầng lớp tư sản mới ra đời. Những băng đảng xã hội đen lộng hành, ông lại chọn thể loại tiểu thuyết phóng sự, để dễ dàng

hơn trong việc diễn tả tính cách nhân vật, và sự kiện thời đại. Tiểu thuyết phóng sự “Lên Đờ” của ông, được ra mắt bạn đọc từ hoàn cảnh đó.

“Tuy vậy đôi khi tôi cũng đau đầu vì những chi tiết hợp lý hay gượng ép. Nên hay không nên đưa sự kiện này vào truyện? Có cần tìm kiếm thêm tài liệu nữa hay không?... Cũng có khi đang viết, tôi bị khựng lại vì một nguyên nhân nào đó... Đến nỗi sự đặt bút viết trở thành khó khăn như bị búa giáng vào đầu. Nhưng tôi vẫn cố gắng vượt qua để hoàn thành tác phẩm của mình,” ông nói.

Bằng vào kinh nghiệm riêng của mình sau hơn nửa thế kỷ cầm bút, ông kể, về phương diện kỹ thuật, khi viết một tiểu thuyết, bố cục truyện là cần thiết. Nhưng nó cũng chỉ có tính tương đối. Bởi vì, có nhiều trường hợp viết xong chương 1, thì trong ông lại nảy sinh nhiều ý mới. Vì thế, chương 2 không còn như bố cục ban đầu. Chương 3 cũng vậy! Ông kết luận:

“Nói cho đúng là vừa viết vừa sáng tạo thêm. Không nhất thiết phải đi theo bố cục có sẵn.

Nhưng chủ đề thì tôi nhất định không thay đổi, để tránh cho truyện bị loãng và, lạc đề...”

Trả lời câu hỏi có hài lòng về những tiểu thuyết được viết trong dạng “feuilleton,” Văn Quang đã rất thẳng thắn khi cho biết, những truyện ông viết đăng báo hàng ngày, hàng tuần không thể sửa chữa được vì viết đến đâu cho đăng báo đến đó rồi. Ông nói:

“Mặc dù, khi xuất bản, tôi cũng có thể sửa lại. Nhưng khó mà có thể sửa chữa hoàn chỉnh như mong ước...”

*Chú thích:*

*Tiểu thuyết này đã được đăng tải từng kỳ trên nhật báo Người Việt.*

## 60 năm Sài Gòn trong tôi



Tượng đài Thuỷ Quân Lục Chiến giữa công viên Sài Gòn trước năm 1975 nay đã không còn. Văn Quang viết:

“Tôi đứng trước Nhà Hát Thành Phố nhìn cảnh “vườn không nhà trống” đó mà ngậm ngùi nhớ tới pho tượng

Thuỷ Quân Lục Chiến sừng sững đứng bảo vệ thành phố ngày nào, và nhớ tới những đồng đội TQLC đã ngã

xuống hoặc giờ này đã ở khắp phương trời xa.

‘Nhưng với tôi, Sài Gòn vẫn là Sài Gòn từ trong tâm thức mình, từ trong tận cùng tim óc mình. Thế là đủ và tôi lại phải sống cũng như những người Sài Gòn khác, bất chấp gian khổ.’

Hai tuần nay người Sài Gòn xôn xao về một số công trình xưa cũ sẽ bị phá bỏ lấy đất làm tàu điện ngầm. Rầm rộ nhất là khu thương xá Tax đã bị “bao vây” bởi những hàng rào chắn chạy dài và tất cả các cửa hàng trong thương xá này phải dời đi vào tháng 10 này để làm một siêu thị 40 tầng văn minh hơn. Hầu như cả thành phố xôn xao, người ta kéo đến mua hàng giảm giá đông như hội. Và cũng có nhiều người đến để nhìn lại chút kỷ niệm xưa với một công trình kiến

trúc được xây dựng từ xa xưa khiến bất cứ ai dù chỉ sống ở thành phố này ít năm cũng cảm thấy tiếc nuối. Lứa tuổi già đã có từng hơn nửa thế kỷ với Sài Gòn bỗng nhận ra cái khu thương xá đó không chỉ gắn liền với thành phố mà còn gắn liền với cả gia đình mình.

Hầu như gia đình nào cũng đã từng đưa nhau vào đây mua sắm vài thứ đồ dùng lặt vặt hoặc chỉ dạo quanh, ăn một ly kem, uống một ly cà phê. Nỗi buồn vẫn vơ thật nhưng lại rất sâu sắc như người ta vừa lấy đi một phần đời mình. Bởi cái mất đi đã từng có những kỷ niệm với người thân quen không bao giờ tìm lại được nữa. Người mất kẻ còn, người ra đi, kẻ ở lại đã từng cùng nhau đến đây.

Và còn một số công trình gắn liền với Sài Gòn chẳng phải chỉ là biểu tượng mà còn là da thịt của một thành phố từng được vinh danh là “hòn ngọc viễn đông” này cũng sắp mãi mãi biến mất để nhường chỗ cho công trình ga tàu điện ngầm đầu tiên của tuyến Metro số 1 Bến Thành - Suối Tiên. Dẫu biết vạn vật đổi dời không có gì là vĩnh cửu cả nhưng cái gì quá thân quen mất đi cũng thấy lòng trống rỗng. Có khi chỉ một cửa hàng như quán cơm bình dân Bà Cả Đợi, tiệm cắt tóc Đàm, nước mía Viễn Đông... mất tích vĩnh viễn, thay vào đó là những tòa nhà chọc trời, những cửa hàng choáng lộn cũng thấy nó lạnh lùng xa lạ.

Người còn ở trong nước xót xa, người Việt ở nước ngoài tiếc nuối, đó là điểm những người thân quen gặp nhau ở nỗi nhớ nhung tiếc nuối này. Tôi đã đọc khá nhiều bài viết từ nước ngoài và e mail của bạn bè chia sẻ nỗi hoài niệm đó. Như Thế Hải từ Hawaii đã mượn hai câu thơ bất hủ của Bà Huyện Thanh Quan, chia sẻ cùng bạn khắp nơi khi nhớ về những cái sắp mất đi của Sài Gòn: “Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo. Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.”

Với một người còn ở lại như tôi, đã hơn nửa thế kỷ gắn bó với hòn ngọc viễn đông này, hai tuần nay càng thấy lòng hoài cổ dâng trào. Nhớ, nhớ đến từng chi tiết từ cái bước chân đầu tiên đặt lên đất Sài Thành, nhớ từng ngõ ngách, từng nhân vật thuộc về quá khứ ấy cho đến ngày nay. Mặc cho Sài Gòn đã có nhiều tang thương dâu biển, từ cái tên thành phố đến những con đường đã thay họ đổi tên, từ con người đến xã hội cho đến cả cái cách sống cũng đã khác xưa nhiều lắm. Chẳng trách khi xã hội đổi thay, người ta chép miệng than: “Trời làm một trận lảng nhãng, ông hạ xuống thẳng, thẳng nhảy lên ông, con đĩ đánh bồng nhảy lên bà lớn” cũng chẳng sai. Nhưng với tôi, Sài Gòn vẫn là Sài Gòn từ trong tâm thức mình, từ trong tận cùng tim óc mình. Thế là đủ và tôi lại phải sống cũng như những người Sài Gòn khác, bất chấp gian khổ. Có chăng chỉ là nỗi ngẩn ngơ khi những dấu tích xưa dần mất đi, chẳng bao giờ tìm lại được. Trong nỗi hoài niệm sâu sắc ấy nhiều buổi chiều đứng trong hành lang hẹp chung cư, nhìn lên khung trời cao, hướng về ánh đèn đêm mờ hồ của thành phố, tôi cố tưởng tượng lại đó vẫn là khung trời xưa, tôi nhớ lại những năm tháng dài tôi sống ở Sài Gòn. Ở đây không chỉ có cảnh quan mà còn có cả những nhân vật là bạn hoặc là người tôi đã từng gặp, từng quen, từng biết đến. Người ở đâu bây giờ? Có biết Sài Gòn của chúng ta hiện có rất nhiều người đang nhớ, đang mong các “bạn ta” không?

### **Bước chân đầu tiên trên đất Sài Gòn**

Thế mà 60 năm rồi đấy, kể từ ngày tôi mới đặt chân lên thành phố Sài Gòn. Tôi nhớ như in, ngày đầu tiên ấy. Cuối tháng 1 năm 1954, sau hai tháng học ở Trường Sĩ Quan Thủ Đức, ngày thứ bảy chúng tôi được đi phép ở Sài Gòn. Niềm mơ ước của tôi từ những ngày còn nhỏ ở trường trung học, ước gì có ngày mình được vào Sài Gòn. Niềm mơ ước ấy còn rộn ràng hơn khi khóa học sĩ quan khai giảng. Thủ Đức – Sài Gòn chỉ có hơn 10 cây số, tuy chỉ cách thành phố rất gần nhưng theo đúng chương trình khóa học, hai tháng sau chúng tôi mới được đi phép. Mấy anh “Bắc kỳ” nôn nao hỏi thăm mấy ông bạn “Nam Kỳ” về Sài Gòn. Từ cái xe taxi nó ra sao, đi thế nào, bởi hồi đó miền Bắc chưa hề có taxi, cho đến Chợ Lớn có những gì... Mấy ông bạn Nam Kỳ tha hồ tán dóc. Đầu óc tôi cứ lơ mơ về cái chuyến đi phép này.

Rồi ngày đi phép cũng đến, một nửa số sinh viên sĩ quan (SVSQ) đi phép mặc bộ tenue sortie là ủi thẳng tắp, áo bốn túi, chemise trắng tít, thắt cravate đen đảng hoàng, giày đánh bóng lộn có thể soi gương được. Vô phúc quên cái gì là bị phạt ở lại ngay. Nhưng hầu như chưa có anh nào bị phạt. Đoàn xe GMC của trường chở chúng tôi chạy vèo vèo vào thành phố. Ôi cái cửa ngõ vào thành phố hồi đó chưa có gì lộng lẫy mà chúng tôi cũng mở to mắt ra nhìn. Đoàn xe “diều” qua vài con phố rồi dừng lại trên đường Hai Bà Trưng (hồi đó còn gọi là đường Paul Blanchy), ngay phía sau Nhà Hát Lớn Thành Phố mà sau này là Trụ Sở Hạ Nghị Viện VNCH. Cú nhảy từ sàn xe GMC xuống con đường Hai Bà Trưng là bước chân đầu tiên của tôi đến đất Sài Thành hoa lệ. Ông Hồ Trung Hậu là dân miền Nam chính hiệu, ông đã hứa hướng dẫn tôi đi chơi... cho khỏi “ngớ”. Chúng tôi đi bộ vào con đường nhỏ bên hông Nhà Hát Thành Phố và khách sạn Continental, vòng ra trước bùng binh Catinat – Lê Lợi (hồi đó còn gọi là Boulevard Bonard) và Nhà hát TP. Nhìn mặt trước nhà hát TP có mấy bức tượng bà đầm cứ tượng... mình ở bên Tây. Lúc đó đã có nhà hàng Givral rồi, nhưng tôi vẫn còn “kính nhi viễn chi” cái nhà hàng vẫn minh lịch sự giữa thành phố lớn rộng đó, chưa dám mơ bước chân vào. Ông Hậu vẫy một cái taxi chở chúng tôi về nhà ông. Taxi hồi đó toàn là loại deux cheveaux, nhỏ hẹp sơn hai màu xanh vàng. Khi bước lên xe, đồng hồ con số chỉ là 0, đi quãng nào số tiền nhảy quãng đó. Trong ngày đầu tiên, tôi ngu ngơ làm quen với không khí Sài Gòn qua gia đình anh em ông Hậu. Hôm sau ông bạn tôi đi với bồ nên tôi bắt đầu cuộc solo giữa thành phố xa lạ này. Tất cả Sinh Viên SQ đều không được đi xe buýt hay xích lô, phải đi taxi. Nhưng lệnh là lệnh, chúng tôi học các đàn anh khóa trước, cởi áo bốn túi, bỏ cravate, cất cái nón đi là lại tha hồ vung vẩy.

### **Trở thành người Sài Gòn từ bao giờ**

Nơi tôi đến đầu tiên là Chợ Lớn. Một cuộc taxi từ giữa trung tâm TP đến cuối Chợ Lớn mất 12 đồng. Tôi tìm đến khách sạn rẻ tiền của mấy thằng bạn Bắc Kỳ ở đường Tân Đà, một con phố nhỏ, ba bốn thằng thuê chung một phòng cũng chẳng có “ông mã tà” nào hỏi đến. Chợ Lớn hồi đó tấp nập hơn ở Sài Gòn, con phố Đồng Khánh chỉ chít những khách sạn, hàng ăn, cửa tiệm tạp hóa lu bù tưng tưng như mua gì cũng có. Chúng tôi cũng biết cách chui vào Kim Chung Đại Thế Giới xem thiên hạ đánh bạc. Hôm đó có anh Nguyễn Trọng Bảo cùng Đại Đội tôi nhưng lớn hơn chúng tôi vài tuổi và là một cặp với Nguyễn Năng Tế (lúc đó mới là người yêu của nữ diễn viên điện ảnh Kiều Chinh). Anh thử đánh “tài xỉu”, may mắn làm sao, một lúc sau đó anh được khoảng vài trăm ngàn. Thế là chúng tôi xúi anh “ăn non”, không chơi nữa, rủ nhau đi ăn.

Bắt đầu từ hôm đó chúng tôi đi “khám phá” Sài Gòn và rồi theo cùng năm tháng trở thành người Sài Gòn lúc nào không biết. Càng có nhiều thăng trầm chúng tôi càng gắn bó với Sài Gòn hơn.

### **Lần thứ hai trở lại Sài Gòn**

Tôi lại nhớ ngày trở về Sài Gòn sau hơn 12 năm đi tù cải tạo từ Sơn La đến Vĩnh Phú rồi Hàm Tân. Đó là vào buổi chiều tháng 9 năm 1987. Khi đoàn xe thả tù cải tạo bị giữ lại nhà giam Chí Hòa nghe các ông quan chức trấn an về số phận chúng tôi khi được trở về, khoảng hơn 5 giờ chiều chúng tôi mới được thoát ra khỏi cánh cửa sắt nhà tù Chí Hòa. Ngay từ cổng trại tù đã có đoàn quay phim đợi sẵn để quay cảnh “vui mừng đoàn tụ” của tù nhân, chắc là để chứng tỏ cái sự “khoan hồng bác ái” của nhà nước cho những thằng may mắn không chết trong ngục tù. Lại là lần thứ hai tôi đặt chân lên đất Sài Gòn nhưng với tư cách khác giữa một thành phố đã đổi chủ.

Thấy cái cảnh sẽ bị quay phim, Trần Dạ Từ kéo tôi lên vỉa hè đi lẩn trong đám thân nhân được vận động ra đón tù cùng những người dân tò mò nhìn “cảnh lạ”. Tránh được cái máy quay phim, chúng tôi đi gần như chạy ra khỏi con phố nhỏ này. Ra đến đường Lê Văn Duyệt, chúng

tôi đi chậm lại, nhìn đường phố mà cứ thấy đường phố như đang nhìn chúng tôi với một vẻ xa lạ và xót thương?

Trần Dạ Từ còn lại ít tiền, anh rủ tôi ghé vào đường Hiền Vương ăn phở. Chẳng biết là bao nhiêu năm mới lại được ăn tô phở Hiền Vương đây. Tôi chọn quán phở ngay sát cạnh tiệm cắt tóc Đàm mà mấy chục năm tôi cùng nhiều bạn bè vẫn thường đến cắt tóc. Có lẽ Trần Dạ Từ hiểu rằng anh về đoàn tụ cùng gia đình chứ còn tôi, vợ con đi hết, nhà cửa chẳng còn, sẽ rất cô đơn, nên anh níu tôi lại. Ngồi ăn tô phở tưởng ngon mà thấy đắng vì thật ra cho đến lúc đó tôi chưa biết sống ra sao giữa thành phố này.

Ở tiệm phở bước ra, chúng tôi đi bên nhau dưới ánh đèn chập choạng của con đường Duy Tân mà Phạm Duy gọi là con đường Đại Học “uống ly chanh đường, uống môi em ngọt.” Đến ngã tư Phan Đình Phùng, tôi chia tay người bạn tù Trần Dạ Từ, đi lang thang trong cô đơn, trong bóng tối của chính đời mình. Bây giờ tôi mới hiểu hết nghĩa của sự cô đơn là thế nào. Tôi bắt đầu cuộc sống lưu lạc trên chính quê hương mình.

Tôi tìm về nhà ông anh rể đã từng nuôi nấng tôi suốt những năm tháng trong tù. Bắt đầu từ đó tôi trở thành người Sài Gòn khác trước. Và rồi với những cùng khổ, những khó khăn, tôi đã tự mình đứng lên. Bởi tôi thám thía rằng thằng bạn đồng minh xỏ lá đã phản phé mình, lúc này không ai cứu mình cả, anh không vượt qua nó, nó sẽ đè chết anh. Vì thế cho đến bây giờ sống giữa Sài Gòn, tôi phải là người Sài Gòn và mãi mãi sẽ là người Sài Gòn. Làm được cái gì hay chết bẹp dí là do mình thôi.



Tác giả thẫn thờ đứng nhìn công trường Lam Sơn đang bị phá bỏ

### **Đi tìm hoài niệm**

Tôi không lan man về chuyện cũ tích xưa nữa, bởi nói tới những ngày tháng đó chẳng biết bao giờ mới đủ. Cho đến hôm nay, 25 tháng Tám năm 2014, hơn 60 năm ở Sài Gòn, mọi người đang xôn xao về những đổi thay lớn của Sài Gòn, tôi không thể ngồi yên. Tôi muốn chính mắt mình được nhìn thấy những thay đổi ấy. Mặc dù qua 2 lần nằm bệnh viện và với cái tuổi trên tám mươi, tôi đã mất sức nhiều, hầu như suốt ngày ngồi nhà đã từ ba tháng nay. Tôi điện thoại cho Thanh Sài Gòn rủ anh đi thăm “cảnh cũ người xưa”. Chúng tôi vào phở Hòa, một tiệm phở nổi tiếng từ trước năm 1975 cho đến nay. Con đường Pasteur đan kín xe cộ, tiệm phở Hòa có vẻ tấp nập hơn xưa. Bạn khó có thể tìm lại một chút gì đó của “muôn năm cũ”. Tô phở bị “Mỹ hóa” vì cái tô to chình ình và miếng thịt cũng to tướng, có lẽ ông bà chủ đã học theo phong cách những tiệm phở VN ở Mỹ. Nó “to khỏe” chứ không còn cái vẻ “thanh cảnh” như xưa nữa.

Sau đó, nơi tôi tìm đến đầu tiên chính là Thương Xá Tax. Vừa đến đầu hai con đường gặp



nhau Pasteur – Lê Lợi đã nhìn thấy một hàng rào bằng tôn chạy dài. Đường Lê Lợi chỉ còn đủ một lối đi nhỏ dẫn đến Thương Xá Tax và công viên Lam Sơn. Chiếc xe gắn máy len lỏi cho đến tận cuối đường Lê Lợi sát mép đường Tự Do. Chúng tôi đứng trước cửa TX Tax đang bày ra cảnh vô cùng vắng vẻ, chỉ có tôi và anh bảo vệ nhìn nhau. Anh thừa biết tôi đến đây để làm gì. Anh bảo vệ cũng không còn làm cái nhiệm vụ cao quý là mở cửa đón khách, anh để mặc tôi tự do đẩy cánh cửa kính nặng chịch đi vào trong khu thương mại. Đèn đuốc vẫn thấp sáng choang, chiếc thang máy cuốn vẫn lặng lẽ chạy không một bóng người. Nó mang một vẻ gì như người ta vẫn lặng lẽ theo sau một đám tang.

Trong quầy hàng đầu tiên, điều khiến tôi chú ý là hàng chữ nổi bật hàng đại hạ giá (Big Sale) tới 70% đỏ loét chạy dài theo quầy hàng và hàng chữ “TẠM BIỆT THƯƠNG XÁ TAX”.

Tôi cố gọi chuyện với cô chủ hàng xinh xắn: Cô phải đề là “TỪ BIỆT” THƯƠNG XÁ TAX mới đúng chứ, sao lại là “TẠM BIỆT”? Cô hàng trẻ đẹp thờ dãi ngao ngán: “Áy người ta còn hứa khi nào căn nhà 40 tầng làm xong sẽ cho chúng tôi được ưu tiên thuê cửa hàng đấy.” Nhưng ngay sau đó cô lại lắc đầu: “Hứa là hứa chứ khi đó mình không cở cánh, đứt lốt thì đừng hòng bèn mắng tới, ông có tin không?”

Bị hỏi ngược, tôi đăm lúng túng áp úng nói lảng: Phải đợi tới lúc đó mới biết được. Cô bán hàng quay đi, dường như cô chẳng tin gì cả.

Các quầy hàng khác vẫn mở cửa, mỗi gian hàng chỉ còn lại vài ba người, chắc toàn là những ông bà chủ. Tôi nghĩ họ đang làm công việc khác chứ không để bán hàng. Có ai mua đâu mà bán. Tôi đến hỏi thăm vài ông bà chủ cửa hàng, không tìm thấy bất cứ nụ cười nào trên những khuôn mặt buồn hiu ảm.

Có lẽ vài tuần nay, người đi tìm đồ hạ giá đã “khuân” đi khá nhiều rồi, lúc này những thứ hàng còn lại không còn giá trị nữa. Tuy nhiên cửa hàng nào cũng còn bệ bộn hàng ế. Nhìn lên tầng lầu cũng vậy, nó còn vắng vẻ thê thảm hơn.

Tôi bước lên mấy bậc của bậc gỗ, ghé vào một tiệm bán máy hình còn nguyên si bởi ông chủ quyết không giảm giá. Tôi hỏi lý do, ông có vẻ liều:

- Thà ế chứ không giảm.

Tôi lại tò mò hỏi tiếp:

- Vậy là ông có một cửa hàng ở nơi khác nữa?

Ông lắc đầu:

- Không.

Tôi hỏi:

-Vậy ông sẽ làm gì?

Câu trả lời của ông cụt lủn:

- Về quê làm ruộng.

Tôi yên lặng trước sự bất bình đó. Đứng nhìn hàng loạt máy hình, máy quay phim đủ loại còn nằm rất thứ tự trong tủ kính sáng bóng. Tôi lại hỏi:

- Chắc họ phải đền bù cho ông những thiệt hại này chứ?
- Chưa có xu nào cả. Thời hạn bắt đi dòi nhanh quá, trở tay không kịp.

Tôi nghĩ chắc ông này cũng chỉ là người đi thuê lại cửa hàng của một ông nhà giàu nào đó mà thôi, ông có vẻ bất cần đời. Tôi từ giã, ông chỉ gật đầu nhẹ.

Nhìn sang hàng loạt cửa hàng vàng bạc đá quý gần như vẫn còn nằm nguyên vẹn và không một bóng khách vắng lại. Các bà, các cô tha hồ nhìn nhau ăn cơm hộp. Tôi có cảm tưởng một thành phố chết vì chiến tranh gần kề hay vì một nạn dịch nào đó.

Vậy mà tôi vẫn còn đi vợ vẫn trong cái không gian như nghĩa trang sống đó. Tôi đi tìm hình bóng của một thời dĩ vãng, nào vợ con, nào bè bạn, nào những người xa lạ trong cái nhịp thở rộn ràng thân thiện của tất cả Sài Gòn xưa ở chốn này. Chẳng bao giờ trở lại. Tôi muốn gọi tên tất cả trong hoài niệm tận cùng sâu lắng.

### **Ngậm ngùi nhìn công viên Lam Sơn trống rỗng**

Rồi tôi cũng phải bước ra. Trở về với thực tại, nhưng vẫn gặp cái vắng lặng của vỉa hè chạy dài theo đại lộ Nguyễn Huệ. Dường như chỉ còn có Thanh Sài Gòn ngời ngát ngư với “người xưa trong ảnh” của một ô quảng cáo vuông vắn phía ngoài thương xá.

Chúng tôi đi qua khu công viên Lam Sơn, lúc này đã được phá sạch, chỉ còn vài cây cổ thụ cao lêu nghêu bên cạnh “công trường” đang làm, dường như hàng cây đứng chờ giờ hành quyết như các “đồng nghiệp” của nó đã bị đốn hạ vài hôm trước. Các bác thợ quần áo xanh, dây đeo chằng chịt đã và đang dọn dẹp cho công trường trống rỗng. Tôi đứng trước Nhà Hát Thành Phố nhìn cảnh “vườn không nhà trống” đó mà ngậm ngùi nhớ tới pho tượng Thủy Quân Lục Chiến sừng sững đứng bảo vệ thành phố ngày nào và nhớ tới những đồng đội TQLC đã ngã xuống hoặc giờ này đã ở khắp phương trời xa.

Chắc hẳn bạn còn nhớ ngay cạnh đó là góc bùng binh Nguyễn Huệ - Lê Lợi còn là nơi tổ chức đường hoa vào dịp Tết. Gia đình nào chẳng một lần kéo nhau đi giữa đường hoa với tâm trạng rộn ràng của một ngày hội hoa xuân. Từ năm nay sẽ mất hẳn, chẳng bao giờ thấy bóng dáng mùa xuân ở đây nữa. Cuối cùng tôi trở lại nơi mà lần đầu tiên tôi đặt chân lên TP Sài Gòn. Tôi đã nhảy xuống xe GMC ở đây, đúng nơi này, phía sau Nhà Hát Thành Phố, bây giờ là trụ sở của Tổng Công Ty Cấp Nước của TP. Mặt đường nhựa chẳng có gì thay đổi, nó cũng nhẵn mơn như những con đường nhựa khác, nhưng với tôi nó là một dấu son đáng nhớ nhất trong đời. Vậy mà đã đúng 60 năm rồi sao?

Mai này Sài Gòn sẽ còn mất đi nhiều thứ nữa như vòng xoay trước cửa Chợ Bến Thành, một biểu tượng mà bất cứ ai đã đến Sài Gòn dù chỉ một lần cũng không thể nào quên. Đó là những thứ sẽ mất đi để làm tuyến metro số 1 Bến Thành - Suối Tiên. Ngoài tuyến metro số 1, còn xây dựng thêm 6 tuyến metro khác. Chúng ta sẽ mất đi nhiều di tích xưa cũ. Sài Gòn sẽ đổi khác rất nhiều, để lại trong người Sài Gòn dù ở đâu cũng thấy cảm thấy một nỗi buồn ngùi, nhớ tiếc. 60 năm Sài Gòn, hồn ở đâu bây giờ?

## Chuyện “cờ bạc” ngày xưa ở Việt Nam



Tuần cuối tháng 8-2013 này, dư luận tại Việt Nam đang sôi nổi về đề tài cờ bạc nhân dịp chính phủ Việt Nam vừa có tờ trình cho nghị định kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế (nghị định về cá cược), cùng với nghị định hoạt động kinh doanh casino (nghị định về casino). Có nhiều nỗi băn khoăn được đặt ra, như: mỗi ngày cá cược không được quá 1 triệu đồng, mỗi lần chơi ít nhất là 10.000 đồng; tại sao không được cá cược bóng đá trong nước; vào casino có cần “xác minh nhân thân”... Nhân đó, họ bàn luận đến chuyện có hay không nên thành lập những khu mại dâm hợp pháp. Dư luận đã có chiều hướng đồng tình với sự “mở cửa” cho phép những hoạt động này. Nhưng từ lúc ra nghị định đến những hướng dẫn thi hành cũng rất phức tạp và có thể sẽ còn thay đổi, có nhiều chi tiết thực tế đáng quan tâm hơn. Nên kỳ báo sau, tôi sẽ bàn với bạn đọc về vấn đề hiện nay. Kỳ này, tôi ghi lại vài điều về kỷ ức cờ bạc ngày xưa cùng đôi chút kỷ niệm về những người bạn có mặt trong các cuộc chơi đó. Những kỷ niệm riêng tư gom lại, hy vọng phản ánh được một phần của những cuộc chơi cờ bạc thuở xa xưa, tôi không có tham vọng trình bày đầy đủ về món ăn chơi này.

### **Biết có hại vẫn làm**

Ai cũng biết “*cờ bạc là bác thằng bần*”, ngay từ hồi còn học trường làng, chúng tôi cũng đã được học bài này và nhớ mãi câu này. Dĩ nhiên ai cũng biết, cũng nhớ, nhưng người ta vẫn đánh bạc, cũng như ngay trên bao thuốc lá có ghi rõ “hút thuốc lá dễ bị ung thư” nhưng người ta vẫn hút. Sau này có nhiều vị đã bỏ được, nhưng còn khối vị vẫn phì phà như không có gì xảy ra, trong số đó có tôi. Tôi xin tỏ lòng ngưỡng mộ các vị đã đoạn tuyệt với thuốc lá. Tôi bỏ vài tháng, nhưng sau này không đi chơi, không “cờ bạc” nữa, chẳng còn cái thú gì. Và lại khi ngồi gõ máy, cứ thấy “thiếu thiếu” một cái gì ấy, có lẽ là thiếu thứ tạo thêm cảm hứng nên lại hút thuốc lá “cho đời lên hương”. Tôi biết đó chỉ là “ngụy biện” cho cái thói hư tật xấu của mình, nhưng “không thích bỏ thì cứ hút”. Tám bó có lẽ rồi, mà mình hút thuốc lá đã hơn “60 năm cuộc đời” có chết vì ho lao hay ung thư đâu. Khối ông từ bé tới lớn không hút thuốc, vậy mà lăn quay ra chết vì bệnh ung thư phổi. Như ông Thái Thủy từ nhỏ tới già không hút thuốc thế mà chết vì bệnh phổi đầy các cụ ạ. Thế có “phản khoa học” không? Tôi chịu thua!

Tôi lại nhớ đến câu nói của ông bác sĩ Hà Xuân Du, khi ở San Jose về Việt Nam, ông ấy nói “anh hút thuốc lá lâu năm, có khi cơ thể anh quen với chất nicotin rồi, thiếu nó, anh bệnh đấy”. Tôi không biết ông bạn tôi nói thật hay nói đùa, tuy vậy tôi cũng cứ tin như thật để có thêm lý do mua thuốc lá đều đều.

Cũng xin nói thêm là, tôi chỉ hút thuốc lá có cái tên SAIGON. Tôi khoái cái tên ấy từ ngày ở “tù cải tạo” ra cho nên nhất định chỉ hút thuốc lá Saigon. Ông nào ở Mễ về cho ba số 5, Cravena, xì gà gộc... tôi đem đổi hoặc đem cho hết. Một tút thuốc ba số 5 đổi được hơn hai tút thuốc Saigon, bởi thứ thuốc lá tôi hút bây giờ ở Việt Nam, một gói chỉ có giá 11 ngàn đồng Việt Nam, chỉ bằng nửa đô la Mỹ. Song, giá cả chưa phải là chính, vẫn chỉ là cái tên tôi thích “THUỐC LÁ

SAIGON”. Tuy vậy, tôi vẫn đề nghị với bạn không nên hút thuốc lá. Còn tôi không bỏ được thì có chết cũng mang theo SAIGON trong túi áo.

Trở lại với chuyện “cờ bịch”. Dù là “vui chơi, giải trí” hay tán gia bại sản cũng là “cờ bịch”. Chữ này vốn là chữ của tôi dùng trong các bài phóng sự và nó đã được “bảo chứng” khi nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh cũng đã có lần dùng trong bài viết của mình, và ông còn cẩn thận ghi thêm sau hai chữ “cờ bịch” là “*chữ của anh Văn Quang*”. Chắc ông cũng chỉ có ẩn ý muốn nhắc lại vài kỷ niệm của anh em chúng tôi thời xa xưa thôi. Ông Nguyễn Đạt Thịnh hơn tôi vài ba tuổi và tốt nghiệp khóa 6 Trường Võ Bị Đà Lạt. Hồi sau tết Mậu Thân 1968, còn cấm trại “chăm phần chăm em ơi”, chúng tôi cũng ngồi đánh phé còm với nhau ở phòng báo chí. Hồi đó tôi đã về Đai Phát Thanh Quân Đội, anh Thịnh làm Trưởng phòng Báo Chí. Đánh phé còm cho đỡ buồn, bắt kể cấp bậc, quan cũng như lính, ngồi vào chơi cùng nhau rất “bình đẳng bình quyền”. Cũng “tổ”, cũng “thấu cáy” như điên. Rất hào hứng, đến nỗi có những anh em thích “chăm phần chăm” ở trại hơn là ở nhà với vợ. Chúng tôi bày ra cái trò này để anh em chơi cho đỡ “trốn cấm trại”. Ngay trong Cục Tâm Lý Chiến, buổi tối đã có 3 bàn phé còm. Ngoài phòng báo chí, ở trong phòng vi âm của đài phát thanh QĐ, máy lạnh 24/24, cũng có “sòng bài” nhỏ cho các ông nhạc sĩ, biên tập viên, phóng viên “oánh thả cửa”, nhưng dĩ nhiên là có kiểm soát, không vượt quá giới hạn. Nhật báo *Tiền Tuyến* do cụ Hà Thượng Nhân cai quản cũng có sòng xì phé và mạt chược còm.

Nhân nhắc tới chuyện cũ tích xưa này, tôi điểm lại đôi nét về chuyện “cờ bịch” tại Việt Nam, trong giới hạn thời gian, không gian nhỏ và bạn bè mà tôi biết, tất nhiên không thể nói hết.

### **Cờ bạc trước 1945**

Tôi lấy cái mốc thời gian đó như nhiều ông bạn có tuổi bây giờ thường hay nghĩ đến. Thực ra từ hồi trước năm 1945, tôi chỉ biết vài thứ cờ bạc ở làng tôi. Miền Bắc hồi đó chỉ có xóc đĩa hay còn gọi là “lắc đĩa”. Ngay trong nhà tôi, cứ vào dịp Tết hoặc ngày giỗ ông nội tôi, thường tổ chức một canh xóc đĩa gồm nhiều vị “chức sắc” và điền chủ trong huyện đến chơi, đôi khi có cả các vị ở huyện khác thân quen với gia chủ cũng tới ngồi sòng. Có khi lên đến 50-60 người. Canh xóc đĩa này được coi là khá lớn, giấy “bạc con công” như bươm bướm. Thường là chừng hơn chục cái chiếu hoa cạp điều được trải dài trong dãy nhà khách khá lớn của nhà tôi. Nhà khách được thắp sáng trưng bởi mấy cái đèn “măng sông” và đèn đất. Canh bạc bắt đầu ngay từ chiều cho tới sáng hôm sau. Nhà tôi chỉ lập sòng mỗi năm một lần.

Tôi còn nhớ nên chỉ biết có mỗi cách đánh là chắn lẻ. Tôi khoái nhất là khi sắp mở đĩa để quyết định thắng thua. Nhà cái hô hoán lung tung, khi cả “làng” đặt tiền và đặt cược xong mới mở. Cái cử chỉ mở bát rất phóng túng, rất “tay chơi”, rất chuyên nghiệp. Cái bát được nhón lên cho khỏi va chạm, khỏi ảnh hưởng tới cái đĩa, nhưng vừa lên khỏi đĩa là cái bát được vung mạnh bật ra xa nằm quay cu lơ. Mọi con mắt đổ dồn vào 4 đồng trinh trong đĩa sắp ngửa ra sao, nó có ảnh hưởng tới số phận hên xui, có khi tới cả vận mạng mình. Bởi có những ván bài rất lớn, bằng cả cơ nghiệp của một số “bá hộ” mà bây giờ người ta gọi là “đại gia miệt vườn”. Sau xóc đĩa là những bàn bài nhỏ như chắn cạ, tổ tôm, đánh lú thì hầu như những nhà khá giả trong làng, ngoài tỉnh đều tổ chức đánh với hàng xóm, bạn bè mua vui. Cũng đôi khi có những sòng chắn cạ tổ tôm chuyên nghiệp, hầu hết họ ở gần phố, gần chợ, gần những “xóm cô đầu”. Còn ở làng khi có hội hè cũng tổ chức vài món chơi phổ thông như cờ tướng, tổ tôm điểm, tùy theo phong tục của từng làng.

Ở cổng các trường học, nhất là vào dịp có kỳ thi, thường có mấy bàn “bầu cua cá cạp” đứng dụ mấy cậu học sinh. Nó thoáng cho mình thấy cái con cờ bằng gỗ úp xuống là con cua, nên mình tưởng bỏ nhào vào đặt vài xu, khi lật lên lại là con cá nên nhiều anh thua hết cả tiền cơm. Nói thêm một tí là cái thú “cờ bịch” của các cụ thời đó, nhiều nhất và “tốn kém đến mất nghiệp” là xóc đĩa, thường đi kèm với cái thú hút thuốc phiện và “đi hát cô đầu”, các ông anh và ông chú

tôi đi hát cô đầu gọi tắt là “đi hát”, hoặc đi hút thuốc phiện là “đi hít”. Hồi đó, chưa có những loại ma túy ghê gớm như bây giờ. Phải bảnh lắm mới hút thuốc phiện và đi “hát cô đầu” được. Có lẽ nhiều bạn còn nhớ, hai phố cô đầu nổi tiếng đất Bắc xưa là Quán Bà Mau ở Hải Phòng và Khâm Thiên ở Hà Nội. Ở thành phố có vài dancing, hầu hết là trong các khách sạn lớn. Dân văn minh lắm mới đi nhảy với mấy “ông Tây bà đầm”.

Đó là vài thú chơi thường thấy thời tôi còn thơ ấu từ trước 1945 ở miền Bắc, còn ở miền Nam, tôi không biết nhiều nhưng chắc chắn là dân miền Nam không đánh xóc đĩa; theo tôi biết thì phần đông người miền Nam và miền Trung chơi tứ sắc, bài cào, xập xám và cờ tướng.

### **Cờ bạc trước 1975**

Phần đời khôn lớn của tôi ở miền Nam, có thể kể từ năm 1953, khoảng gần mười năm sau tôi mới biết “cờ bịch”. Thoạt đầu là đánh chắn với mấy ông bạn “Bắc Kỳ chính hiệu con nai”. Tôi biết lơ mơ chắn cạ từ hồi còn nhỏ ngồi bên mẹ. Thế nên khi ông bà Quốc Phong rủ đánh chắn là tôi háng hái nhận lời. Rồi đến Phạm Đình Chương rủ đến nhà đánh chắn cho bà cụ mua vui. Bàn chắn đó chúng tôi gọi là nhà “bà cụ Hoài Bắc”.

Sau đó, tôi biết đánh xì hay còn gọi là đánh phé. Từ năm 1960 có thể gọi là thời kỳ bọc phát của xì phé. Bàn xì phé có mặt lung tung đủ mọi nơi, từ cổng Đài Phát Thanh Sài Gòn, đến nhà Ấn Shell, ông Tú Vopco, hay ở trong các hóc hẻm như nhà ông Hà Huyền Chi, Nguyễn Đình Toàn... Hai ông này thuộc loại “kinh tế suy thoái” nhưng đánh bài như công tử, chẳng kém ai. Sau đó vài năm, đến phong trào chơi mạt chược cũng nảy nở rầm rộ như chơi phé. Ít năm sau, tôi bỏ chơi phé, một trò chơi “không khoan nhượng” chỉ nhằm “giết” lẫn nhau dù là bạn bè thân thuộc, bởi nếu không thế thì không còn là đánh phé, phải giấu kỹ con bài tẩy, hở ra là “chết”. Chơi mạt chược có tính “gia đình” hơn, có thể khoan nhượng được. Nhưng hầu hết là chúng tôi chơi mạt chược còm, “láng” rất ít. Có thua nhiều lắm cũng chỉ mất một ngày lương chứ không thể so sánh với các sòng đại gia.

### **Những sòng bài có bảo kê**

Sau sự kiện đêm Bình Xuyên tan tác, kéo theo Kim Chung Đại Thế Giới đóng cửa, nhiều sòng bài các kiểu mọc lên và một số sòng bài lớn nhất thời đó thường được bảo kê bởi một vài thế lực lớn. Tôi biết khá rõ những địa chỉ bảo kê này qua phóng sự gia Phan Nghị, người thường lẫn lộn ở khắp “chốn giang hồ”. Ông cho tôi biết từng địa chỉ và chính ông cũng được các đại ca thỉnh thoảng chi cho một tí tiền đi ăn chơi. Nhưng nay các vị đứng đầu bảo kê hoặc con em các vị ấy cầm đầu bảo kê đã mất, tôi không nhắc lại làm gì cho “mất đoàn kết”.

Hầu hết các sòng bài đó là xóc đĩa, xì phé, xì dách và cũng có những tổ chức bịp bợm rất tinh vi. Ngay trong tổ chức đánh phé ở nhà tư cũng có nơi bịp. Tôi còn nhớ có lần ông Phan Lạc Phúc và tôi đến nhà một ông ở khu Chợ Cá Trần Quốc Toản đánh phé. Đánh kiểu nào cũng thua. Tôi khám phá ra bài có dấu. Liên dùng chiêu “gậy ông đập lưng ông”, lấy lại đủ tiền. Đánh xong ván đó, tôi nháy ông Phúc ra về ngay. Chính vì sợ bị bịp nên sau này, chúng tôi lập một *club fermer* chừng 7-8 anh em bạn biết nhau, chơi cho yên tâm. Mỗi tuần, thay nhau tổ chức đánh bài ở một nhà, không chơi với người lạ. Vào thời này, trường đua ngựa cũng được phép tổ chức khá bài bản, nhưng chưa có “đua chó”, bởi thời đó không nhiều “đại gia chơi chó” như thời nay. Cá độ bóng đá cũng chỉ có giới hạn nhưng hầu như các ông bạn tôi rất ít người đến trường đua Phú Thọ. (Tôi sẽ nói ở bài sau).

### **Vài cá tính cờ bịch của các ông văn nghệ sĩ**

Nói đến cờ bịch, tôi nhớ lại vài tính cách chơi bài của các ông bạn tôi. Tôi chỉ nhắc đến vài ông có cá tính đặc biệt mà tôi tin rằng sẽ không ai viết tới, dù có viết tiểu sử các ông ấy cũng rất cẩn thận. Những nét rất nhỏ nhưng lại là “giai thoại” mang theo hết cuộc đời của mình.

Tôi nghĩ, bạn đọc cũng có những mẩu chuyện tương tự, chuyện lớn có thể không nhớ, nhưng kỷ niệm rất nhỏ lại cứ nhớ hoài. Gặp nhau là nhắc lại để tiếc thương những gì đã qua mà chỉ có “chúng mình biết với nhau”. Mới chỉ tuần trước đây thôi, một ông bạn tôi ở Úc về, chúng tôi gặp

nhau trong một quán ăn, ông ấy còn nhắc lại một ván bài với ông Quang “hói” khi chơi ở báo Tiền Tuyến cách đây gần nửa thế kỷ. Từng chi tiết sống động như mới xảy ra tháng trước. Lại phải nói về cái sự đánh phé của ông Quang “hói”. Ông đánh phé hùng hục, “cái gì cũng theo” nên ăn tiền của ông “ngon” như đi ăn phở 79. Ông Quang “dù” và ông Quốc Phong chủ báo Kịch Ảnh cũng nóng tính không kém. Tài tử Lê Quỳnh đánh chắn không khá lắm nên thua xiểng liểng. Hoài Bắc – Phạm Đình Chương đánh phé rất “chắc”, có đôi lớn mới theo, khi ông ấy ra tiền là kể như ăn chắc, nên được đặt cái nick name là “gánh gánh về”. Mai Thảo thì luôn uể oải kể cả khi đánh chắn hay đánh phé còm, mắt cứ lơ mơ như buồn ngủ. Dường như ông này không có máu ăn thua đủ. Ông Thái Thủy khi đánh phé, cứ có bài lớn là tay run run, mặt mũi xanh rờn như gặp cướp, nên đối thủ đoán được ngay. Cụ Hà Thượng Nhân chơi tổ tôm rất có “đẳng cấp” nhưng khi đánh phé thì cụ nhất gan, tổ mạnh là cụ “chạy có cò” ngay. Ông Anh Ngọc không đánh phé, có thời ở gần nhà tôi, ông và ông Cung Tiến cùng vài anh em khác hay chơi “băng ky”. Tôi không khoái trò này không hiểu luật chơi ra sao. Nghe nói sau này, qua Mỹ rồi ông cũng chơi mạt chược ở nhà, có bà Nhung phụ tá. Nhưng nay “người” hơi yếu rồi nên ông Hoàng Song Liêm thông báo là “người” chỉ cầm vài ván cho đỡ buồn tay thôi. Ông Duy Trác là dân Hải Phòng với tôi một thời, sau này chơi mạt chược cũng là cao thủ. Nhạc sĩ Y Vân vẫn lao vào chơi mạt chược và vốn là dân đói rách “có hạng”, song nhưng lại hay thua. Ông Nhật Bằng chơi rummy hay và rất kỹ tính, cả nhà ông đều chơi mạt chược rất giỏi, có khi vợ chồng con cái ngồi chơi với nhau, chắc là chơi ăn “búng tai” thôi. Đó là vài “sự kiện” đáng nhớ.

### **Những ông không chơi cờ bịch**

Có những ông không bao giờ bén mảng đến làng cờ bịch và dancing. Ông Hoàng Hải Thủy tức Công Tử Hà Đông viết phóng sự rất “ác liệt”, nhiều độc giả cứ tưởng công tử “ăn chơi kinh lắm” nhưng ông không hề chơi bất cứ món nào. Ông là một ông chồng mẫu mực. Ông Tạ Quang Khôi cũng vậy, ông tự nhận là Giáo Gian nhưng thật ra ông rất hiền, tốt tính, chỉ hay giận vặt, không nhảy đầm, không cờ bịch dù suốt đời chơi với hầu hết anh em văn nghệ sĩ vì ông từng làm “nhơn” ở Phòng Văn Nghệ của Đài Phát thanh Saigon. Ông Uyên Thao cũng là một người “chân chỉ”, cuộc sống của ông là “cày” và “cày”. Làm nhiều đến nỗi anh em... phát ghét. Lê Xuyên còn hiền lành hơn, không cờ bịch rượu chè, thậm chí không bước chân đến phòng trà nghe nhạc. Ông Nguyễn Sa và ông Huy Phương cũng vậy, có lẽ ảnh hưởng từ “nghề làm thầy giáo” nên các ông ấy không “văng mạng” như chúng tôi...

Đặc biệt là mấy ông đạo diễn, làm phim “xã hội đen”, phim “giang hồ uỳnh lộn toi bời”, bắt diễn viên chơi bài bịp như làm xiếc, nhưng đạo diễn lại chưa cầm đến con bài bao giờ, như Hoàng Vĩnh Lộc, Lê Hoàng Hoa, Hoàng Anh Tuấn...

Còn khá nhiều ông như thế nữa. Nhưng tính theo tỷ lệ, ước chừng có 10% các “bố văn nghệ” không cờ bịch, không nhảy nhót. Còn hầu hết là ít nhiều có cờ bịch, có nhảy nhót, có cá độ và những món linh tinh khác.

Trong một ngày gần đây, tôi sẽ có dịp viết tỉ mỉ về “cuộc đời ái tình sự nghiệp” riêng của từng ông này nhưng tất nhiên là những chuyện “đàng hoàng” chứ không có cờ bịch.

### **Từ mạt chược đến các phòng trà tiệm nhậu**

Cùng với mạt chược là các phòng trà, tiệm nhậu mọc lên nhanh chóng. Sau 1975, cô đầu “rượu” ngoài Bắc “dzô Nam”, một số lớn chuyển sang nghề làm gái nhậu, thoát tiên là “vào học nghề” ở các tiệm nhậu *matinée* có giá rất rẻ, như Lai Yun ở đường Tổng Đốc Phương trong Chợ Lớn. Các ông Huy Sơn, Nguyễn Ái Lữ hiện ở Mỹ, chắc chưa quên, thời chúng ta còn rách, còn “xê li bặt”, những buổi chiều thứ bảy, chủ nhật thường la cà vào đó để nhậu bốn chục một ly nước, ngồi hàng giờ với các em Hương khàn – sau này còn có biệt danh là “Hương National” để phân biệt với Hương Suziki, em Hải 44, em Lan mập... Ông Toàn Phong thời còn trẻ, dường như cũng có vài lần đặt gót giày “đời phi công” đến nơi đó rồi?

Trong khi đó, các phòng trà tiệm nhảy ở Sài Gòn cho giới trung lưu ngày một nhiều và sang trọng thêm. Phòng trà Anh Vũ ra đời sớm rồi cũng tàn sớm ở đường Bùi Viện. Sau đó đến Tự Do, Mỹ Phụng, Baccara, Đại Nam, Queen Bee, Olympia, Versailles, Moulin Rouge... nhiều quá kể không xuể. Các nam nữ ca sĩ bắt đầu xuất hiện và tạo được tên tuổi nhờ phòng trà ca nhạc chứ không phải từ các đài phát thanh. Nhưng sau bước khởi nghiệp ban đầu, các đài phát thanh lại rất quan trọng, bởi đài phát thanh là mảnh đất cho các ca nhạc sĩ lan tỏa tên tuổi nghệ sĩ của mình và “nuôi” tên tuổi đứng vững trong làng giải trí toàn quốc và cho tới tận mai sau.

### **Sau 1975, cờ bịch Saigon biến tướng ra sao**

Những năm đầu, khi tôi còn nằm kỹ trong các trại tù cải tạo và các ông được gọi là “hào hoa phong nhã” của nền cờ bịch Saigon cũng di tản ra nước ngoài. Ở trong các trại cải tạo, chúng tôi tự làm những con bài mạt chược bằng gỗ, làm bàn bằng tre, ngồi đánh cho vui và cá độ đá bóng bằng vài điều thuốc lá. Ở ngoài thành phố Saigon “đi dép lóp”, anh nào cũng rách như tổ đĩa, ăn bo bo thấy mẹ, làm gì có “cờ bịch” nữa. Nhưng chục năm sau, thành phố khá lên và những ông “hào hoa” còn kẹt lại có tí tiền từ bà con ở nước ngoài gửi về, lại tập tễnh cờ bịch. Khi đi tù về, chúng tôi lại bắt đầu tụ họp đánh mạt chược cùng nhau, trước hết là ở nhà ông bà Đăng Giao – Chu Vị Thủy vào chủ nhật hằng tuần. Chỉ có vài anh em rất thân chơi với nhau, vậy mà vẫn có kẻ xấu miệng rêu rao chúng tôi tụ họp để “bàn chuyện chính trị”. Ngày thường chơi ở nhà ông Khương “trực thăng”. Rất đông vui. Nhưng chỉ một thời gian, từng người lần lượt ra đi nên cả hai chốn hẹn hò đó đều ngưng hoạt động. Cho tới bây giờ tìm được một bàn mạt chược ở Saigon hơi khó, chỉ còn vài nơi duy trì được nếp cũ. Và cho tới nay rất ít ông cán bộ và thanh niên biết chơi mạt chược. Các ông ấy chơi thứ khác. Sang Macao, Campuchia, Las Vegas chơi toàn đô la Mỹ và euro, cá độ bóng đá, đi karaoke, chơi ma túy, đi dancing săn chân dài. Hoặc ở vài tỉnh thành và thôn quê, một số anh có tiền lại quay về với thú cổ điển là xóc đĩa và thú “điền viên” là đi nhà nghỉ với “rau sạch”. Nền “văn hóa ngoại tình” phát triển như rươi. Trong kỳ sau tôi sẽ bàn với bạn đọc về những thứ cờ bịch hiện nay và chi tiết cái nghị định về cờ bạc của chính phủ Việt Nam cùng những dư luận của đa số người dân và khi thực hiện sẽ gặp những lợi hại ra sao.

### **Trò chuyện với nhà văn Văn Quang**



#### **Hà Thanh Nguyễn:**

*Thưa ông, ngày nào tôi cũng đón đọc báo Người Việt, để được đọc lại tác phẩm Chân Trời Tím. Cám ơn ông đã cho lại chúng tôi những giây phút hạnh phúc, lãng mạn... của thuở xa xưa. Tôi đã vui, buồn theo câu chuyện. Tôi muốn hỏi thăm ông, hiện tại đời sống ông thế nào?*

#### **Nhà Văn Văn Quang trả lời:**

Trước hết xin cảm ơn tình cảm của bạn dành cho tôi và Chân Trời Tím. Khi nhật báo Người Việt chọn đăng truyện dài CTT, tôi cứ ngại đó là một truyện dài đã quá xa xưa. Từ năm 1964, nửa thế kỷ rồi, phải không bạn? Vậy mà vẫn còn được đọc giả đón nhận. Đây là một niềm an ủi



lớn cho tôi. Ngay cả khi nhà xuất bản Tiếng Quê Hương tái bản truyện dài này tại Mỹ vào năm 2006, tôi cũng đã ngần ngại. Tuy nhiên theo lời nhà xuất bản:

*“Gửi CHÂN TRỜI TÍM tới tay bạn đọc vào lúc này, bên cạnh sự gọi nhắc kỷ niệm với một số người, còn là đáp ứng cần thiết cho yêu cầu lưu giữ những tiếng nói trung thực phản ánh thực tế của một thời kỳ lịch sử.*

*Thêm nữa, trong dòng sinh hoạt văn học Việt Nam thế kỷ 20, CHÂN TRỜI TÍM đã giành được một vị thế đủ để vượt lên với thời gian.*

*Những bản thảo dẫn vật trong tâm tư người dân Việt Nam, những thăng trầm nghiệt ngã mà người dân Việt Nam từng trải, những ước mơ hiền hòa mà người dân Việt Nam ấp ủ bao giờ cũng là những thực tế cần luôn luôn hiện rõ trước mắt mọi người để góp phần ánh sáng trên nẻo đường tìm về một hướng sống phù hợp.*

*Không thể vì một lý do nào để che lấp những thứ đó, cho nên những tác phẩm văn học như CHÂN TRỜI TÍM không thể chìm vào quên lãng.”*

Vì vậy tôi đồng ý tái bản tác phẩm này.

Về đời sống của tôi hiện nay ở Sài Gòn, từ tháng 6 năm 2009 đến nay, tôi “ngồi chơi xơi nước”.

Tuy vậy vẫn ấp ủ trong lòng một tác phẩm cho đáng một tác phẩm. Riêng cuộc sống vật chất, vẫn “com ăn hai bữa, quần áo mặc cả ngày”, không có gì khó khăn.

Xin cảm ơn những tình cảm của bạn HTN.

#### **John Trần:**

*Thưa ông, tôi tin là ông biết cuộc sống ngoại quốc khá hơn nhiều so với cuộc sống trong nước, không hẳn chỉ khá về vật chất. Nếu không có gì trở ngại, ông có thể cho biết tại sao ông chọn ở lại mà không ra đi như nhiều người khác? Và nghe đâu, khi ở lại ông lại chọn sống ở Tây Ninh. Vì sao ông cứ tìm những chốn đoạ trường mà đi vậy, thưa ông?*

#### **Nhà Văn Văn Quang trả lời:**

Bạn nói đúng, tôi biết cuộc sống ở nước ngoài, cụ thể như ở Mỹ, đầy đủ hơn ở VN. Thí dụ, ở Mỹ, bạn thất nghiệp hoặc già yếu sẽ được nhà nước hỗ trợ hàng tháng, còn ở VN thì không có chuyện đó. Sau hơn 12 năm đi “học tập cải tạo”, tôi cũng đã làm thủ tục để đi theo diện H.O.. Không những thế, tôi còn được đôn từ H.O. 22 lên H.O. 18. Nói cho rõ hơn là được đi trước những anh em khác chừng 5-7 tháng hay 1 năm gì đó. Lý do là tôi có thêm người bảo lãnh. Nhưng cũng chính vì sự bảo lãnh này mà nảy sinh chuyện phức tạp. Vì thế nên khi ra phỏng vấn, tôi quyết định không đi nữa, tôi không muốn phải mang ơn bất kỳ một cá nhân nào. Thà chẳng ai bảo lãnh, tôi đi như những anh em khác, hầu hết họ có cần ai bảo lãnh đâu. Chuyện này hoàn toàn trong phạm vi chuyện riêng của gia đình. Tôi không muốn nhắc lại chứ không phải muốn tìm lối đoạ trường đâu bạn ơi. Có ai đại thế bao giờ. Phần khác có lẽ lại là do số mệnh chăng?

Lý do thứ hai tại sao tôi chọn Lộc Ninh để sống trong một thời gian, tôi đã có dịp trả lời phỏng vấn của nhà văn Lê Thị Huệ, chủ biên trang web Gio-O vào năm 2007. Xin tóm tắt câu trả lời của tôi:

*“Tôi vẫn nghĩ: một nhà văn, nhà báo, phải biết “làm mới mình”. Ở thành phố mãi, đề tài quen thuộc sẽ cùn dần. Quay đi quay lại “nó vẫn thế”. Về nhà quê, có lẽ là cách tốt nhất để “làm mới” mình. Nơi này từ năm 1972, người dân Lộc Ninh đã sống trong vùng được gọi là “giải phóng”, nói thẳng ra là họ sống trong vùng của miền Bắc kiểm soát nhiều hơn, dưới cái tên “Mặt trận Giải Phóng miền Nam”. Bên cạnh đó là chiến trường đẫm máu An Lộc, Bình Long năm 74- 75 và những vùng nghèo khó, giáp ranh biên giới Campuchia... Tôi có thể tìm hiểu được thực chất đời sống cùng tâm tư của họ. Người dân quê đã mất gì, được gì, từ năm 1975 đến nay? Đích thực họ nghĩ gì, làm gì, hy vọng gì? Những biến chuyển sâu sắc nhất trong từng gia đình như thế nào? Từ đó so sánh với cuộc sống ở những thành phố, từ đó tìm biết được những mảnh đời khác với những gì tôi đã biết. Từ đó cho tôi một cái nhìn sâu hơn, xa hơn, thật hơn, về toàn bộ những gì dân tộc mình qua những triều đại mà tôi đã sống.”*

Đó là lý do thứ hai. Sau hơn 4 năm sống ở vùng quê này, tôi đã tìm hiểu, đã học hỏi được rất nhiều điều, hiểu rõ hơn tâm tư tình cảm rất thật, nguyện vọng tha thiết của người dân vùng quê có thể gọi theo chữ nghĩa bây giờ ở VN là “vùng sâu, vùng xa”. Những cảnh đói đời, lên đời và xuống đời, nếu sống ở thành phố, không trực tiếp sống với họ, không tâm tình với họ, không chia ngọt sẻ bùi thì ít có ai hình dung ra được.

Có lẽ bạn đã nhầm giữa Lộc Ninh và Tây Ninh. Tôi đã sống ở Lộc Ninh thuộc tỉnh Bình Phước chứ không phải tỉnh Tây Ninh. Nhưng hiện nay tôi đã trở lại sống trong một căn chung cư nhỏ ở TP Sài Gòn.



**Người giấu tên:**

*Thưa ông, với trên nửa thế kỷ cầm bút, trải qua nhiều thời kỳ văn học VN, từ thời kháng chiến chống Pháp tới ngày hôm nay, ông có nhận định gì về:*

*a- Nền văn học VN hiện tại?*

*b- Về những người trẻ cầm bút, thế hệ trưởng thành sau cột mốc 30 tháng 4-1975?*

**Nhà Văn Văn Quang Trả Lời:**

Hai câu hỏi của bạn đúng là “hóc búa”. Nhưng tôi không hiểu tại sao bạn cần giấu tên? Trước hết xin trả lời bạn, tôi không phải là nhà phê bình, nghiên cứu hay lý luận văn học. Tôi chú trọng đến sáng tác của chính mình nhiều hơn. Người sáng tác sau khi buông bút ra, cũng chỉ là một độc giả. Nếu có khác, tôi đọc của những tác giả khác để biết, để học tập thêm cái hay, loại trừ được cái dở của chính mình. Nhận định về nền văn học với tư cách là một độc giả, tôi đã thấy có quá nhiều khó khăn rồi. Nền văn học hiện tại cũng phải chia ra làm nhiều thời kỳ và hiểu theo nghĩa thông thường, có hai nền văn học khác nhau. Một ở trong nước từ năm 1975 tới nay và một ở nước ngoài.

Ở trong nước cũng phải kể qua vài giai đoạn theo với trào lưu của xã hội như “thời bao cấp, thời đóng cửa, thời bắt đầu mở cửa...” Còn mở cái gì, mở ra sao, phải nhận định cụ thể và chính xác chứ không nên nói mơ hồ. Việc này tôi xin dành cho những nhà nghiên cứu phê bình văn học lên tiếng chắc chắn sẽ sâu sắc hơn.

Riêng tôi, tuy chưa thấy được những tác phẩm văn học điển hình của các nhà văn trẻ, nhưng tôi vẫn luôn hy vọng rằng những nhà văn trẻ VN sẽ mang đến cho chúng ta một dòng văn học mới, tiến bộ hơn, chân thật hơn, không vì những ham muốn cá nhân, không vì bất cứ một thế lực nào áp đặt được.

Tôi hiểu rằng câu trả lời của tôi chưa thể làm bạn hài lòng và cũng có thể khác với nhận định của bạn. Nhưng thật ra tôi có nói mãi cũng chẳng bao giờ hết. Nó là vấn đề bao la quá. Tôi xin nhường chỗ cho những nhà phê bình văn học, những vị có đầy đủ tài liệu, bỏ công nghiên cứu và đánh giá chính xác hơn. Tôi không dám ăn ốc nói mò và không dám phê phán văng mạng, như thế là tự mình làm mất sự tôn trọng của độc giả mà thôi.

Chúc bạn tìm hiểu được vấn đề này nhiều hơn qua những tài liệu khác.

### **Hoàng Thanh Hùng:**

*Thưa nhà văn Văn Quang không phải là nhà văn hay nhà thơ, nhưng là người yêu văn chương nên tôi tìm đọc được cũng khá nhiều tác phẩm thơ cũng như truyện của những cây bút trẻ Việt Nam hiện nay.*

*Cảm tưởng nổi bật nhất trong tôi là thể hệ nhà văn cũng như nhà thơ mới hiện nay, họ có vẻ như ganh đua nhau trong việc mô tả một cách táo tợn về những vụ làm tình...*

*Nếu tôi nhớ không lầm thì có tác giả đã tưởng tượng nhân vật của mình được làm tình với cha chồng khi cô đứng trước bàn thờ cha chồng...*

*Tôi cũng có cảm tưởng mà tôi hy vọng là tôi sai, khi thấy dường như các tác giả trẻ càng ngày càng cố gắng nghĩ ra những cuộc làm tình quái đản, ma quái, dễ sợ hơn nữa, để chứng tỏ “đẳng cấp cao” trong “sự nghiệp” văn chương của họ.*

*Nếu nhà văn có nhận thấy hiện tượng này thì tôi xin nhà văn cho biết ý kiến riêng của mình.*

*Xin cảm ơn nhà văn.*

### **Nhà Văn Văn Quang Trả Lời:**

Bạn hơi khắt khe với những nhà văn trẻ đây bạn ạ. Tuy nhiên tôi thông cảm với những nhận xét của bạn. Bạn đã rất bức mình khi đọc một số nhà văn trẻ (ở cả “bên này” hay bên kia”) diễn tả quá đáng về những vụ làm tình. Tôi phải thừa với bạn rằng đôi khi mô tả như thế là sự cần thiết trong bố cục của một tác phẩm, dù là truyện dài hay truyện ngắn. Nó cần thiết vì phải làm nổi bật một tính cách nào đó của nhân vật mình đã khai sinh ra nó hay hơn thế, đó lại là một sự thật. Song tôi cho là hầu hết những đoạn văn tả tình tả cảnh đó là tưởng tượng. Óc tưởng tượng càng phong phú, càng lôi cuốn. Và cũng chính vì muốn lôi cuốn hơn người khác, muốn “trội” hơn người khác nên trở thành “quái đản, ma quái, dễ sợ” đúng như bạn nói.

Đáng trách là nếu nhà văn trẻ của chúng ta mượn con đường “khiêu dâm” đó làm bậc thang đi lên cho sự nghiệp văn chương của mình. Nhưng bạn không nên buồn vì chẳng sớm thì muộn luật đào thải sẽ loại những “nhà văn” đó ra bên lề cuộc sống văn chương đích thực. Họ không thể trụ lại trong cái lâu đài óng ánh xây trên cát.

Tôi cũng như bạn, đã đọc một số những truyện ngắn truyện dài mà bạn cho là quái đản ấy. Tôi thấy lối viết như vậy chẳng khác gì mấy cô căng dài, mấy ca sĩ mồm non tự tạo scandal về tình ái, thậm chí cả tình dục để làm nổi tên tuổi mình. Tự mình sẽ hại mình thôi.

Riêng chuyện bạn đề cập tới “có tác giả đã tưởng tượng nhân vật của mình được làm tình với cha chồng khi cô đứng trước bàn thờ cha chồng...”, có lẽ tôi hiểu bạn muốn nói đến tập truyện ngắn gồm 7 truyện của một nhà văn nữ Đỗ Hoàng Diệu, trong đó có truyện nàng dâu theo chồng về làm giỗ cho bố chồng ở nhà quê, cách thành phố khoảng 3 giờ tàu hỏa.

Cô vợ nằm mơ thấy ông già chồng từ trên bàn thờ bò xuống hiếp dâm mình. (Tôi đã có nhận định này trong loạt bài Lầm Cầm Sài Gòn Thiên Hạ Sự số 153 vào giữa tháng 4 năm 2006).

Tôi cho đó là một truyện hoàn toàn tưởng tượng nhưng có tính ẩn dụ. Chỉ có điều tác giả đã mô tả quá chi tiết về những cử chỉ làm tình lộ liễu, có phần thô bỉ. Ông bố chồng như cái bóng nhào ra ôm ghì lấy cô con dâu với đầy đủ những thú tính cuồng nộ.

Nhưng có phải sự cố ý của tác giả để làm nổi bật tính cách của nhân vật tưởng tượng đó không hay chỉ là cách làm cho truyện của mình hấp dẫn thêm, hơn hẳn những người viết văn khác nên nó trở thành thô bỉ? Từ mặt trái đến mặt phải của một bức tranh khỏa thân có nghệ thuật hay chỉ là sự phô trương thân xác tầm thường chỉ cách nhau có một ly thôi. Và cũng tùy theo con mắt thẩm mỹ của mỗi người.



### **Thúy Thu Lê:**

*Cháu có nghe Bố Mẹ nói đến phim Chân Trời Tím, nay mới có dịp đọc trên báo Người Việt, cháu cắt từng kỳ cắt lại, mỗi kỳ họ đăng ít quá, mà cháu thì hồi hộp mong biết kết thúc. Thưa chú, cháu tò mò muốn biết khởi đầu điều gì khiến chú viết nên CTT? Nó có bao nhiêu phần trăm sự thật? Chú viết trong bao lâu thì xong? Chú kể lại, lý do nào nó được quay thành phim? Nói chung là cháu muốn biết những gì chung quanh Chân Trời Tím càng nhiều càng tốt. Cám ơn chú.*

### **Nhà văn Văn Quang trả lời:**

Cảm ơn cháu đã hồi hộp theo dõi CTT, chú nghĩ là cháu còn rất trẻ. Vào thế hệ của bố mẹ cháu, chắc là cùng thế hệ với chú, CTT được nhiều độc giả dành cho tình cảm rất nồng hậu.

Bây giờ truyền ngọn lửa lại cho thế hệ của cháu ở nước ngoài là điều đáng mừng.

Cháu muốn đọc nhiều truyện dài ấy hàng ngày thì chỉ có cách giục ông báo Ng Việt đăng nhiều hơn mà thôi, chú chẳng làm gì được. Trang báo có hạn, còn phải để dành cho những mục khác nữa chứ. Cháu cứ từ từ theo dõi xem kết cục đi đến đâu nhé?

Cháu hỏi “khởi đầu điều gì đã khiến chú viết CTT” là đụng đến máu nghề nghiệp của chú rồi đó. Chú là lính trong QLVNCH, ngay từ những năm khởi đầu cuộc chiến chú đã là phóng viên đi nhiều chiến trường tại miền Nam VN. Cho nên truyện chú viết có đến 90% sự thật. Chỉ có tên các nhân vật, đôi khi vị trí là do chú hình dung ra qua các chiến trường. Chú nghĩ chiến trường nào cũng gần như nhau. Những người lính cũng sống và chiến đấu như nhau. Mỗi người mang một hoàn cảnh khác, một tâm trạng khác, nhưng khi chiến đấu họ là một.

Chú cũng muốn làm nổi bật tính cách thật nhất của người lính, từ đời sống riêng tư đến đời sống trong quân ngũ. Ngoài những giây phút chiến đấu ngoài chiến trường, đời sống tình cảm riêng tư cũng rất sôi nổi. Chú vẫn nghĩ đó là bản anh hùng ca của tình yêu và quân ngũ. CTT ra đời từ những ý thức đó.

Chú viết CTT đăng báo hàng ngày, hồi đó chú cũng viết từng ngày. Cứ sáng ra là tòa báo cho người đến lấy bài về cho thợ sắp chữ, báo in typô. Chú không nhớ rõ đã viết trong bao nhiêu ngày. Có thể là trong hai ba tháng gì đó. Rất may là nó đã gây được tiếng vang và khi xuất bản rồi tái bản nó cũng được đón nhận nồng nhiệt. Lúc đó ở Sài Gòn có nhiều hãng phim tư nhân muốn làm thành phim. Nhưng họ muốn làm một cuốn phim đặc biệt hơn những cuốn khác nên 7 hãng phim tư nhân đã cùng nhau hợp tác để làm cuốn phim này. Lúc đó ông Quốc Phong đang làm chủ nhiệm tuần báo Kịch Ảnh, được các hãng phim bầu là Tổng giám đốc 7 hãng phim, lấy tên là Liên Ảnh Phim.

Vào thời đó kỹ thuật điện ảnh cinemscope mới ra đời, chưa có hãng phim nào ở VN chịu nổi phí tổn quay cinemscope. Hãng Liên Ảnh đã quyết định đầu tư làm phim CTT theo kỹ thuật cinemscope màu.

Chú Mai Thảo và chú được mời viết kịch bản cho phim này. Lúc đó gọi là “phóng tác theo tiểu thuyết CTT”. Tất nhiên khi phóng tác một truyện dài thành phim ảnh phải bỏ đi rất nhiều tình tiết. Còn lại chừng 50% đã là khá rồi.

Chú kể một chuyện ít người biết, tạm gọi là một “bí mật” cho riêng cháu nghe nhé. Lúc đầu Liên Ảnh định mời đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc làm đạo diễn cho phim này với một số tài tử như Kiều Chinh, Thanh Lan cùng một anh sinh viên rất cao ráo bảnh trai làm tài tử chính. Nhưng sau một thời gian, 7 ông chủ hãng phim ngồi vào bàn bạc, không đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của đạo diễn, về phương diện kỹ thuật và diễn viên thôi chứ không phải về tài chánh. Sau đó hãng phim Liên Ảnh mời chú Lê Hoàng Hoa làm đạo diễn và hai vai chính dành cho nghệ sĩ Hùng Cường và Kim Vui. Bản nhạc chính là “Nửa Hồn Thương Đau” của chú Phạm Đình Chương, do cô Thái Thanh hát.

Cuốn phim quay trong vài tháng chú không nhớ rõ, trong đó có Sài Gòn, khách sạn Continental, tiền đồn Suối Dầu ở Nha Trang, bãi bể Cam Ranh...

Sau đó phim được chiếu rộng rãi ở hầu hết các tỉnh thành lớn ở miền Nam VN. Vài tháng sau chiếu ở Pháp và ở Lào.

Chú kể như thế là nhiều rồi, phải không cháu? Chúc cháu khỏe và cho chú gửi lời thăm Bố Mẹ cháu.

### **HoangThanhHung:**

*Thưa ông, như tôi biết mong là không sai lắm thì ông là một trong những nhà văn nổi tiếng của miền nam Việt Nam thời trước tháng 4 năm 1975. Do đó, câu hỏi của tôi là trong tư cách một nhà văn nổi tiếng dài lâu như vậy thì ông đã nhận được những vinh quang gì? Và ngược lại tức mặt bên kia của vinh quang có là những tai họa không thưa ông?*

### **Nhà Văn Văn Quang Trả Lời:**

Trong cuộc đời viết văn làm báo của tôi, cứ tạm kể là hơn 50 năm, làm sao tránh khỏi cái vinh nhục trong nghề nghiệp. Tôi vẫn quan niệm làm báo là một nghề, viết văn là nghiệp. Đó là thứ nghề nghiệp luôn phải va chạm với hầu như mọi sự kiện xã hội, cả tốt và xấu từ chuyện nhỏ để chuyện lớn. “Làm dâu trăm họ” tránh sao khỏi người yêu kẻ ghét, đó là chuyện tất nhiên phải chấp nhận như một phần luôn hiện diện trong sự nghiệp của mình. Khi còn viết là anh còn có nhiều kẻ thù. Kẻ thù trước mặt và kẻ thù sau lưng. Và, tám huy chương nào cũng có hai mặt. Nhưng định nghĩa vinh quang là gì? Với tôi đó là những thành công trong công việc, trong tác phẩm mình đã sáng tạo ra có ích cho con người, có lợi cho xã hội chứ không phải là những ca tụng kiểu mặc áo thụng vái nhau. Sự vinh quang đích thực nằm trong sự đánh giá của độc giả. Đồng thời phải đánh giá chính mình, không ngạo mạn, không kiêu căng coi mình là “cái rốn của vũ trụ”. Dù có là ai, có là gì thì cũng chỉ là hạt cát trong sa mạc.

Khi đã là người “nổi tiếng” như bạn nói, muốn hay không cũng đã là người của công chúng. Có lẽ khi còn trẻ, mới bước vào “nghề”, ai cũng cần có tên tuổi và rất hãnh diện, thích thú với cái “danh” đó. Nhưng lâu dần rồi thấy chính cái “danh” ấy hạn chế rất nhiều điều những sở thích riêng tư và lâu dần nó trở thành một sự phức tạp, đôi khi phiền toái cho cuộc sống tự do cá nhân. Bị những người bất đồng quan điểm hay chỉ vì sự đố kỵ ghen ghét cũng có thể bị xuyên tạc, vu khống. “Chữ tài liền với chữ tai một vần”, tai họa đến với tôi không phải là ít. Tuy nhiên trong cuộc sống đôi khi “phúc” là “họa” mà “họa” lại là “phúc”, như trường hợp tái ông thất mã vậy.

Nhưng thôi bạn ạ “*Đã mang lấy nghiệp vào thân. Cũng đừng trách lẫn, trời gần, trời xa*”.

Nghĩ vậy tôi đã rất thản nhiên trước mọi cám dỗ của danh vọng, đứng vững trước mọi tâm địa xấu xa của kẻ thù. Có lẽ một phần lúc này tuổi cũng đã cao, hướng tới một cuộc sống thanh thản hơn.

### **Bích Thuận:**

*Theo bản tin của trang mạng dultule.com tôi được biết ngoài tư cách nhà văn viết tiểu thuyết lãng mạn ông còn là một nhà văn viết phóng sự xã hội nữa. Tôi hiểu đó là hai thể loại văn xuôi*

khác nhau. Nhưng tôi không thể tự phân biệt một cách rành mạch cụ thể về sự khác biệt của hai thể loại đó. Vậy nên tôi xin ông phân biệt cho tôi biết sự khác nhau giữa hai thể loại văn xuôi ấy. Tôi xin được gửi lời cảm ơn ông trước.

**Nhà Văn Văn Quang Trả Lời:**

Hai thể loại bạn vừa đề cập đến là hai loại gần giống nhau. Khác nhau về nội dung và cách mô tả sự việc. Trong tiểu thuyết, tôi không phân biệt là tiểu thuyết lãng mạn hay không lãng mạn. Cũng như nhiều người thường phân biệt kỹ là tiểu thuyết xã hội, tiểu thuyết tâm lý. Trong tiểu thuyết tự nó đã có tính xã hội trong đó rồi. Chẳng qua, đôi khi người viết nặng về mặt này hay mặt kia thôi.

Điều có thể dễ dàng nhận thấy ở thể loại tiểu thuyết, các nhân vật, hoàn cảnh, sự việc hầu hết được tiểu thuyết hóa, có nghĩa là những thứ đó không phải là sự việc có thật ở ngoài đời. Tất cả hay một phần lớn là do tác giả sáng tạo ra. Từ đó gửi gắm được những suy tư, tâm tình của mình.

Trong phóng sự xã hội lại là những chuyện tai nghe mắt thấy trong đời sống thường ngày. Từ đó nội dung và cách diễn tả cũng phải viết theo cách đó. Trong phóng sự, hầu hết không cần diễn tả tỉ mỉ đến những chi tiết về tình cảm, tâm lý nhân vật khi xảy ra sự việc. Cái cần là sự thật đã xảy ra như thế nào để trả lời được câu hỏi “ai, ở đâu, thế nào?”. Phóng sự xã hội mô tả chi tiết hơn một bản tin trên báo hàng ngày, có thể mô tả sự việc dài dòng hơn, chi tiết hơn nhưng không sáng tạo ra những cái gọi là giả tưởng.

Giữa hai cách viết trên đây, còn có thể loại tiểu thuyết phóng sự. Đúng như tên gọi của nó, thể loại này mang 50 tính hư cấu và 50% sự thật ngoài đời thường. Dựa vào những sự việc, sự kiện có thật ngoài đời, tiểu thuyết hóa thành một tác phẩm tiểu thuyết phóng sự. Cách viết ở thể loại này thường là đậm tính chất khôi hài, châm biếm làm nổi bật tính cách của những nhân vật và sự kiện ngoài xã hội.

Riêng với tôi, tùy theo đề tài muốn gửi đến độc giả, tôi sử dụng một bút pháp khác nhau. Bạn có thể so sánh Chân Trời Tím hay Ngã Tư Hoàng Hôn với Lên Đời hoặc Lắm Cẩm Sài Gòn Thiên Hạ sự sẽ thấy rõ hơn,

**Diệu My Hoàng:**

*Thưa nhà văn Văn Quang, theo như ông hiểu thì tại sao các nhà làm phim không chọn những tiểu khác của ông cũng rất nổi tiếng như các cuốn *Đời Chưa Trang Điểm* hay *Nghìn Năm Mây Bay* mà họ lại chọn các cuốn *Chân Trời Tím* và *Nguyệt áo đỏ*?*

**Nhà văn Văn Quang trả lời:**

Thưa bạn Diệu My Hoàng, trong 2 cuốn tiểu thuyết của tôi mà bạn kể trên đều đã được thực hiện thành phim mang cùng tên truyện.

Cuốn phim *Nghìn năm mây bay* do Thái Lai phim thực hiện và ông Hoàng Anh Tuấn làm đạo diễn. Cuốn *Đời chưa trang điểm* do hãng phim Giao Chỉ thực hiện và do ông Hoàng Vĩnh Lộc làm đạo diễn đã được trình chiếu ở Sài Gòn và nhiều tỉnh thành tại miền Nam VN trước những năm 1975. Còn *Nguyệt Áo Đỏ* chưa thực hiện thành phim. Có lẽ bạn muốn nói đến truyện *Tiếng Hát Học Trò* đã được hãng Alpha phim thực hiện thành phim và do ông Thái Thúc Nha làm đạo diễn.

Thật ra tất cả mọi lý do khi một cuốn tiểu thuyết nào đó được thực hiện thành phim là do trước hết cuốn sách và tác giả có nhiều độc giả gây được tiếng vang, hay nói theo cách nôm na là cuốn sách đó “ăn khách” theo ý “ông chủ hãng phim”. Tác giả thường chẳng bao giờ đưa ra một đề nghị nào với hãng phim cả. Không thể nói ông nên quay cuốn này hay cuốn kia của tôi. Hãng phim tự chọn và khi quyết định ngân sách mới tìm đến thương lượng với tác giả về bản quyền.

**Ông Già Bôn Sa:**

*Chúng tôi được biết nhà văn Văn Quang cũng là sĩ quan cấp tá của QLVNCH xưa mà thời đó, hình như quân nhân muốn viết văn làm báo thì phải xin phép Bộ Tổng Tham Mưu. Là một người nổi tiếng như ông và đã viết văn từ trước khi có cái lệnh này ông có phải xin phép không?*

**Nhà văn Văn Quang trả lời:**

Xem ra ông Già Bôn Sa cũng là người trong Quân Đội VNCH và... rất thuộc luật lệ của quân đội. Ông bạn “phán” rất đúng, quân đội có quy định ấy vào khoảng năm 1956-57 tôi không nhớ rõ lắm. Vào thời đó tôi làm quyền trưởng Phòng Tâm Lý Chiến ở Quân khu 3 và sau đó chuyển sang làm Đại đội trưởng Đại Đội 3 Văn Nghệ cũng ở quân khu này. Tôi nhận được quy định trên và đã làm đơn xin phép bộ Tổng Tham Mưu theo hệ thống quân giai và được Đại Tá Đỗ Cao Trí, Tư lệnh quân đoàn 3 QK3 lúc đó chấp thuận chuyển lên Bộ TTM QLVNCH. Sau đó được Bộ TTM cho phép viết báo dân sự. Còn làm báo trong quân đội thì không phải xin phép. Còn một quy định nữa về báo chí, Ông Già Bôn Sa nhớ không? Quân nhân không được phép làm chủ báo. Muốn làm chủ báo phải ra khỏi quân đội mới đứng tên chủ nhiệm trên “măng sét” báo được.

**LeKinhLuan:**

*Thưa ông, ông viết văn vào những lúc nào? Ông có thói quen gì khi viết văn? Thí dụ hút nhiều thuốc lá, uống nhiều trà hay cà phê trong lúc viết...*

**Nhà Văn Văn Quang Trả Lời:**

Do thói quen nghề nghiệp, chúng tôi thường viết ngay ở tòa báo và viết ngay khi công việc tạm thời rảnh rỗi hay có thể nói rảnh lúc nào viết lúc đó. Nhiều người bạn tôi, buổi trưa trời Saigon nóng bức thường ngồi ở mấy quán ăn có máy lạnh viết túi bụi. Hầu hết là những anh em viết feuilleton cho báo hàng ngày.

Đó là thời trước 1975, khi còn đang được làm việc. Sau này tôi viết vào buổi sáng sớm và buổi chiều khi trời dịu mát. Tuy vậy cũng có thời gian bị “lôi kéo” vào một truyện dài, có khi viết luôn cả đêm. Ngã Tư Hoàng Hôn ra đời sau 28 ngày đêm tôi viết như thế.

Thói quen hút thuốc lá chẳng biết “nhập” vào tôi từ bao giờ, nhưng tôi nhớ là khi còn rất trẻ, khi là Sinh viên sĩ quan trường Thủ Đức năm 1953. Nó bám theo tôi cho đến bây giờ. Ở các “trại cải tạo” không có thuốc lá thì hút thuốc Lào. Khi trở về thành phố lại phì phèo thuốc lá, nhất là trong lúc viết, không có thuốc lá cứ như thiếu một cái gì, khó viết quá. Cà phê và trà cũng là món “khoái khẩu” khi viết văn, tuy nhiên nếu thiếu thì uống nước ngọt hay nước lọc cũng không thấy thiếu.

Cho đến nay tôi đang cố gắng đoạn tuyệt với thuốc lá đây bạn ạ. Bạn bè tôi bỏ thuốc lá nhiều rồi, chỉ còn tôi là hự chưa bỏ hẳn được. Nhưng rồi cũng phải bỏ hẳn thôi, phải không bạn?

**Phước Đào Văn**

*Thưa ông, ông là một trong những nhà văn chuyên viết truyện tình lãng mạn nổi tiếng, ông có nhận được nhiều thư ái mộ của nữ giới? Và nếu không phải là câu hỏi khiến cho ông khó trả lời thì xin ông cho biết có độc giả nào sau đó trở thành “bạn” của ông không? Tôi mở đóng ngoặc chữ bạn đấy ông ạ.*

**Nhà Văn Văn Quang Trả Lời:**

Thưa bạn, cảm ơn sự quan tâm của bạn. Tôi hiểu chữ “bạn” ở câu hỏi này có nghĩa như thế nào. Thôi thì cứ “nói thẳng, nói thật, nói hết” là độc giả đó có trở thành người yêu của tôi hay không cho dễ nói chuyện. Tất nhiên tôi cũng như nhiều người viết văn khác, nhận được thư của độc giả là... chuyện hàng ngày ở huyện. Có độc giả ái mộ, cũng có những độc giả không ái mộ hoặc có những thắc mắc khi đọc truyện. Xin thú thật với bạn là tôi rất vui khi nhận được thư của độc giả nam hay nữ. Nhưng trong số những nữ độc giả đó, hầu như không có ai trở thành người yêu của tôi cả. Có lẽ trong thời gian đó tôi... đã trót có người yêu rồi. Có nữ độc giả trở thành bạn khá thân của tôi từ ngày còn trẻ (khoảng 19-20) đến nay đã thành lão ông lão bà vẫn coi nhau như bạn thân. Cả gia đình tôi và gia đình người bạn tôi đều biết rất rõ chuyện này. Cũng chẳng có gì lạ, phải không bạn? Người yêu của tôi hầu hết là do sự quen biết tình cờ,

không qua tác phẩm nào cả. Có lẽ đó lại là “số mệnh” chăng? Nhìn những người bạn quanh mình, tôi rút ra được một điều là tình bạn thường tốt đẹp và lâu bền hơn. Điều đó không là tuyệt đối, vẫn có những tình yêu qua sự quen biết giữa độc giả và nghệ sĩ nói chung, nhà văn nói riêng, vẫn đẹp như trăng rằm.

## Bây giờ là mùa thu, tôi đi tìm dĩ vãng

### Tiếng hát ngày xưa



Kim Vui và Nhật Trường

Tiếng hát Lệ Thu, Khánh Ly, Thái Thanh, Thanh Lan... và quái lạ sao lại có cả tiếng hát Kim Vui. Tôi quen Kim Vui và cùng đi làm phim *Chân Trời Tím* nhưng chưa bao giờ nghe cô hát bài này của Nhật Trường. Hôm nay tôi mới được nghe lần đầu. Hình ảnh Kim Vui và Nhật Trường hiện ra trước mắt tôi. Sao mà thân quen đến thế. Kim Vui đóng phim như mang cả cuộc đời mình vào nhân vật, lãng mạn “cực kỳ,” táo bạo như Ava Gardner. Nhưng khi hát cô đắm thắm dịu dàng như ve vuốt bên người tình. Lần đầu tiên nghe Kim Vui đây Kim Vui ơi. Và lần cuối cách đây vài năm, tôi nhận được e mail của Kim Vui chỉ có đúng hai chữ “Helo, anh.” Hai chữ thôi nhưng thân thiết lạ thường.

Và Nhật Trường, khi vừa đọc cuốn truyện này anh đã làm bài hát đó. Buổi trưa hè anh nhảy vào phòng tôi ở Đài Phát Thanh Quân Đội, anh khẽ cất tiếng hát rồi rí tai tôi, “*Tối nay Minh Hiếu sẽ hát lần đầu tiên bài này trên dancing Paramount.*”



Rạp Casino Saigon ngày xưa



Tối đó tôi lên nghe Minh Hiếu hát lần đầu. Đó là người hát *Chân Trời Tim* hay nhất. Dường như cô mang cả chuyện tình của mình gửi theo từng lời ca. Mấy lần về Sài Gòn, đến thăm tôi, cô cũng mang nguyên dáng về ấy. Cô bước vào trong ánh sáng chập choạng cũng một buổi chiều mưa, cười, “Tôi về đến VN sáng nay, người đầu tiên tôi đến thăm là anh đấy. Anh cho tôi biết về tình hình bạn bè ở Sài Gòn.”

Trong thế giới riêng chiều nay trong tâm tưởng tôi có nhiều thứ quá. Lại nhìn đến hàng loạt những bài ca, những tác giả, những đạo diễn, diễn viên mà tôi đã từng quen biết.

### **Đóng phim cho vui**

Lại nhảy sang gặp cuốn phim “*Người Tình Không Chân Dung*” của đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc. Trước tháng Tư 1975, anh thường sang nhà tôi ở ngõ Chu Mạnh Trinh nằm dài trên ghế sofa. Con người nghệ sĩ lúc nào cũng ôm ấp những ý tưởng “đặc biệt” quá tầm tay. Anh thích những nhân vật như Steve McQueen trong *Les Sept Mercenaires*. Lắm lì mà gan dạ, cuốn phim “*nổ như bom tấn*” lại mang một triết lý “siêu đẳng” nhưng chẳng “đại gia” nào dám bỏ tiền ra cho anh thực hiện hoài bão gần như ngông cuồng đó. Anh làm phim với tất cả những gì xin được.

Trong cái ê kíp làm phim ấy, tôi gặp lại Kiều Chinh và Vũ Xuân Thông.

Trước khi làm phim này Kiều Chinh và Hoàng Vĩnh Lộc đến gặp tôi ở Nha CTTL. Chúng tôi bàn khoản tìm kiếm những đơn vị quân đội có thể yểm trợ cho cuốn phim này. Khi quay phim, chúng tôi đến ăn ngủ ở ngay tư dinh của ông Thị Trưởng Cam Ranh, Đại tá Vũ Thế Quang tức Quang Dù. Hôm sau quay ngay mấy cảnh trên hòn đảo Cam Ranh. Hoàng Vĩnh Lộc mời một loạt những ông văn nghệ sĩ chỉ biết viết văn làm thơ, chẳng biết một xu diễn xuất nào như Duyên Anh, Hà Huyền Chi, Dương Hùng Cường, có cả Hùng Sùi đóng phim... cho vui.



Kiều Chinh và Vũ Xuân Thông trong phim *Người Tình Không Chân Dung*

Vũ Xuân Thông đóng vai chính với Kiều Chinh, trông đẹp đôi ra trò. Tôi và Vũ Xuân Thông đi “*trình diện vào tù cộng sản*” cùng một lúc. Thông có tài nằm sấp ngủ ngon lành và còn nhiều tài vật khác, chạm trở, vẽ vờ rất điêu luyện. Tác phẩm lớn nhất của anh với chúng tôi trong trại cải tạo là những cái nõ điều cày được mài dũa bằng đá và những chiếc điều cày được “sáng tạo” khắc trở rất công phu. Hút bằng nõ điều đá, vừa không nóng vừa kêu tanh tách.

Còn Kiều Chinh lần nào về VN, dù rất bận với việc quay phim, cô cũng tìm thăm bạn bè. Chúng tôi thường gặp nhau ở nhà vợ chồng họa sĩ Đăng Giao - Chu Vị Thủy. Cái dáng dấp thanh mảnh và quý phái của cô như Grace Kelly cùng với tài diễn xuất thiên phú khiến nhiều hăng

phim Mỹ, phim Việt mời cô cộng tác. Mấy năm nay không thấy cô về VN, mệt mỏi rồi phải không Kiều Chinh?



Từ trái qua: Văn Quang, Kiều Chinh, Đăng Giao, Phan Nghị năm 2004

Hai thằng quý này cái gì cũng chơi được



Hà Huyền Chi và Dương Hùng Cường  
xem đóng phim là một trò chơi

Bên cạnh Vũ Xuân Thông là Hà Huyền Chi và Dương Hùng Cường. Tôi thầm nghĩ: Hai thằng quý này cái gì cũng “chơi” được. Dương Hùng Cường đã từng viết chung với tôi truyện dài “*Người Lính Hào Hoa*” trên nhật báo Tiền Tuyến. Nó cũng là dân Thái Bình nên viết truyện Pilot Thái Bình, thật hay. Tôi giới thiệu bài viết của Dương Hùng Cường trên báo *Chiến Sĩ Cộng Hòa* với lời giới thiệu truyện mang cả mùi dầu nhờn của người lính thợ rất tinh tế và thật hơn những truyện bay bướm khác. Bạn tôi “ra đi” bao giờ tôi cũng không biết, có lẽ lúc đó tôi đang ngập lặn trong nhà tù cải tạo.

Hà Huyền Chi ngoài tài làm thơ về “lính nhảy dù” rất hay còn đóng phim. Hồi đó rách tả tơi, ở cái nhà thấp lè tè đằng sau Viện Ung Thư Gia Định. Vậy mà cũng lập bàn mặt chược còm,

khách “giang hồ” đến chơi khá đông. Ngày “tan hàng” nó rủ tôi chuồn xuống tàu Đại Hàn, nhưng tôi vô duyên không thể đi cùng. Vài năm sau, nó ở Seattle nghe tin tôi chết trong nhà tù, HHC viết bài khóc lóc thảm thiết. Tôi còn sống quay về, viết thư cho HHC, nó lại làm thơ “ngậm ngùi nhớ bạn.”

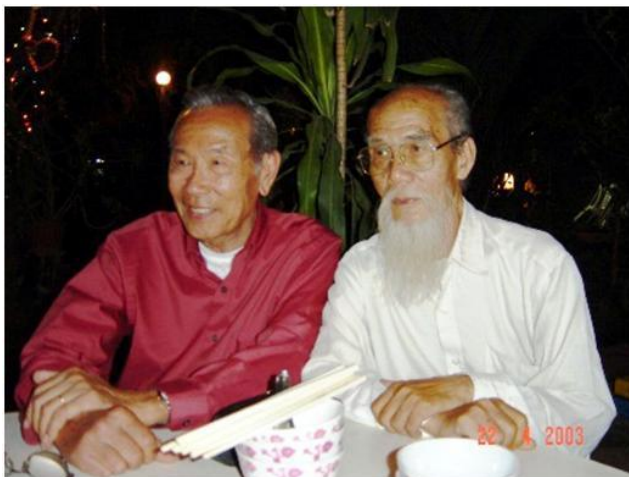
### Vinh danh văn hóa miền Nam trước 1975

Tôi trở lại với những bài ca bất hủ về mùa thu. Trong âm nhạc, mùa thu là mùa được các ông nhạc sĩ nhắc đến nhiều nhất. Từ thuở tiền chiến như Văn Cao, Đoàn Chuẩn... đến thời hiện đại như Cung Tiến, Vũ Thành An, Trịnh Công Sơn... Lạc vào đây như lạc vào rừng bời những cái tên bản nhạc, tên tác giả. Tôi bất chợt nghe “*Gió heo may đã về/ Chiều tím loang vĩa hè/ Và gió hôn tóc thề/ Rồi mùa thu bay đi...*” Đó là tình khúc “*Nhìn Những Mùa Thu Đi*” của Trịnh Công Sơn. Có rất nhiều nam nữ ca sĩ hát bài này, Lệ Thu, Hồng Nhung, Thanh Lam, Hồng Hạnh, Trâm Đăng, Khánh Hà, kể không hết.

Tôi nhớ lại những ngày cùng Trịnh Công Sơn, Khánh Ly, Ngọc Anh rủ nhau đi ăn cơm bụi Bà Cả Đợi. Và tôi khẳng định nhạc của Sơn chỉ hay vào thời trước năm 1975. Thời kỳ vàng son của nền văn hóa Miền Nam, khác hẳn với miền Bắc. Sau những năm đó nhạc Trịnh chỉ còn một, hai bài “nghe được” như “*mùa thu Hà Nội*.” Thật ra 99.9% ca khúc “bất hủ” của Trịnh Công Sơn được sáng tác vào thời trước 75 ở Sài Gòn và Huế. Cho nên ngày nay khi người ta “vinh danh” Trịnh Công Sơn chính là vinh danh nền văn hóa của Miền Nam VN vào thời trước 75. Tôi mỉm cười một mình giữa đêm mùa thu Sài Gòn.

### Tài tử Anh Ngọc với tôi

Bật sang những ca khúc bất hủ khác, tôi gặp lại danh ca Anh Ngọc với vô số những bài hát có vẻ hơi “cổ điển” như tính cách của anh vậy. *Thiên Thai, Con Thuyền Không Bến, Mùa Thu Chết, Nguyệt Cầm* và còn nhiều nữa. Bước lên sân khấu, ông luôn chững chạc, trong bộ complet và nghiêm chỉnh trình bày bài hát. Không điệu nghệ như Nhật Trường luôn vắt chiếc áo veston trên cánh tay như Frank Sinatra. Vì ông đẹp trai “*quá cỡ thợ mộc*” nên chúng tôi thường gọi ông là “*tài tử Anh Ngọc*.”



Anh Ngọc và Mạnh Đan, hai lão bối nhiều tuổi nhất hiện nay đều ở tuổi 90. Một cụ ở VN, một cụ ở Mỹ

Ông sinh năm 1925, hơn tôi 8 tuổi. Chẳng hiểu từ bao giờ, tôi quen biết ông, chúng tôi thường gặp nhau trong căn nhà thuê ở con hẻm hẹp đường Cao Thắng của Thanh Nam, Hoàng Thư,

Thái Thủy... Và những buổi chiều tà lại cùng Mai Thảo, Phạm Đình Chương ngồi ở nhà hàng Point des Blagueurs, tục gọi là “*Mỏm Đẩu Láo*” dưới chân Cột Cờ Thủ Ngũ, bên sông Sài Gòn. Bây giờ ông và gia đình sống ở vùng Virginia bên cạnh một loạt các ông bạn tôi Hoàng Hải Thủy, Tạ Quang Khôi, Uyên Thao, Hoàng Song Liêm.

Mấy lần ông cùng vợ ông (*bà Nhung đi công tác cho đài VOA*) về VN, lần nào cũng đến thăm tôi. Lần sau cùng cách đây khoảng hai năm, tôi bị ốm không thể mời ông ăn bữa cơm với những món gia truyền như nộm rau muống, cuốn ngô, cháo cá ám đã thất truyền ở VN, không nhà hàng nào làm được. Ông mời tôi ra quán Cơm Niêu cùng vài người bạn.

Trước khi chia tay, đứng trên vỉa hè, ông ôm vai tôi nói lớn, “*Bây giờ ở đây chỉ còn mình mày.*” Đây là lần thứ nhất ông xưng hô “mày tao” với tôi, chưa bao giờ tôi nghe ông xưng “mày tao” với bất cứ ai. Cái tình thân 60 năm đọng lại ở đó, sâu lắng ở đó. Tôi ngẩn ngơ nhìn bóng dáng ông cùng bà Nhung bước lên chiếc Taxi màu vàng. Bóng dáng ông khuất sau ngã tư con đường Sài Gòn thân thuộc.

### **Những rạp hát xưa của tôi**

Nói đến phim ảnh và ca nhạc kịch phải nói đến những rạp chiếu phim, rạp hát, sân khấu ca nhạc thời xưa. Tràn lan, tôi không thể kể hết tên những nơi chốn ấy. Từ những rạp hát phố nhỏ đến rạp phố lớn, hàng trăm rạp. Nhìn lại vài rạp nhỏ như Cẩm Vân - Võ Di Nguy, Phú Nhuận; rạp Cao Đồng Hưng – Bạch Đằng chợ Bà Chiểu, Gia Định; rạp Đại Đồng – Cao Thắng; Nam Quang – Lê Văn Duyệt và Trần Quý Cáp... Nhưng vài rạp mang nhiều dấu ấn nhất cho tình yêu tuổi trẻ của phần đông anh em chúng tôi là Rạp Eden nằm giữa đường Catinat, rạp Majestic cũng nằm cuối con đường này, rạp Rex - góc đường Lê Lợi & Nguyễn Huệ, ba rạp được coi là đẹp nhất Sài Gòn.

Nơi ấy khi mới biết yêu, những cặp tình nhân thường đưa nhau đến đây xem những cuốn phim tình cảm lãng mạn. Ở Eden, Majestic có những lô riêng cho bốn người, thường chỉ có hai người cùng nắm tay nhau, vai kề vai xem phim mà đôi khi chẳng biết nó chiếu cái gì. Họ quá bận với tình tự kiểu học trò. Bây giờ còn thấy nóng cả môi.

### **Những phòng trà đi vào ký ức**

Có vài sân khấu nhiều kỷ niệm nhất với chúng tôi. Đó là phòng trà Hòa Bình của nhạc sĩ Ngọc Bích, với những ca sĩ thành danh rồi bay đi như Bích Chiêu, Bạch Yến, Bạch Quyên, Trúc Mai, Băng Tâm... Phòng trà đáng nhớ hơn là Đêm Màu Hồng của ông công tử Trần Quý Phong chủ hotel Catinat. Nơi đó những ông Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo vẫn ngồi uống rượu. Có ban nhạc của gia đình Phạm Đình Chương, Thái Thanh.

Thái Thanh là đệ nhất danh ca VN ai cũng biết rồi, nhưng còn chuyện rất ít người biết. Tôi nhớ lại những năm còn trẻ, chúng tôi thường đến nhà thân mẫu Phạm Đình Chương (*chúng tôi gọi là bà cụ Hoài Bắc*) đánh chén.

Hồi đó Thái Thanh mới lấy chồng, ở trên căn lầu nhỏ xíu phía sau nhà. Cô thường ngồi sau mẹ, chia bài nhanh thoăn thoắt. 120 quân bài chia làm 6 phần, rất ít khi nhầm. Thịnh thoảng cô nhòm vào nhìn bài của mẹ, tay vẫn chia đều... chia đều. Ván bài chưa xong cô đã chia xong. Ở Sài Gòn không ai chia bài nhanh hơn cô. Bây giờ nghe chị Tâm Vấn kể lại, mấy tháng trước, khi sang Mỹ, đến thăm Thái Thanh không còn nhận ra ai nữa. Sao bỗng thấy bùi ngùi quá Thái Thanh ơi.

Làm sao tôi kể hết được những “huyền thoại” đó, nay đã thành “thần thoại” như chẳng bao giờ có thật vì không thể tìm lại được nữa. Một đêm mùa thu đi tìm dĩ vãng để được sống lại với thời xa xưa. Bây giờ là mùa thu. Mùa thu vàng hoa cúc. Mùa thu ở Sài Gòn, mùa thu ở Rừng Phong và ở khắp nơi trên thế giới, nơi có những người bạn của tôi. Nói đến bao giờ cho hết. Trong tôi chỉ còn vương vất mấy câu thơ của Xuân Quỳnh:

*“Thời gian như ngọn gió  
Mùa đi cùng tháng năm  
Tuổi theo mùa đi mãi...  
Chỉ còn anh và em  
Cùng tình yêu ở lại...”*

Sài Gòn một đêm giữa mùa Thu  
4 tháng 9, 2015

Hình:

01- Kim Vui và Nhật Trường

02- Hà Huyền Chi và Dương Hùng Cường đóng phim là một trò chơi.

03- Kiều Chinh - Vũ Xuân Thông trong phim Người Tình Không Chân Dung

04- Từ trái qua: Văn Quang- Kiều Chinh- Đăng Giao- Phan Nghị năm 2004

05- Anh Ngọc và Mạnh Đan 2 lão bối nhiều tuổi nhất hiện nay đều ở tuổi 90. Một cụ ở VN, một cụ ở Mỹ.

06- Rap Casino Saigon ngày xưa.

07- Bìa sách Chân Trời Tím do họa sĩ Hiếu đệ trình bày. Truyện dài đăng hàng ngày trên nhật báo Chính Luận năm 1953, xuất bản năm 1964 ở Sài Gòn.

## Tết trong trại tù cùng bạn bè



Tổng cộng đã có hơn 80 mùa xuân đi qua trong cuộc đời tôi. Nhưng 12 mùa xuân trong những cái được gọi là “trại cải tạo” là những mùa xuân đáng nhớ nhất. Từ Nam chí Bắc, từ Sơn La, Vĩnh Phú đến Hàm Tân, mùa xuân nào đến cũng mang đầy dấu tích buồn như những vết sẹo trong tận cùng tâm khảm, đến nỗi đến bây giờ có đêm còn nằm mơ thấy mình đang bị đày đọa trong lao tù khiếp đảm ấy. Giật mình tỉnh dậy mừng như khi vừa được thả từ trại tù ra.

Tuy nhiên, con người ta thật lạ, sống lâu trong tù rồi cũng... quen. Đó là bản năng sinh tồn hay con người phải thích ứng với từng hoàn cảnh để sống, dù để sống cho qua ngày chờ đợi một cái gì sẽ đến. Nhưng cái gì sẽ đến ở trong một thứ tù đày không có án, không có thời hạn là điều đáng sợ hơn nữa. Tù cải tạo làm gì có thời hạn. Thích bắt thì bắt, thích thả thì thả, người ra trước, kẻ ra sau, chẳng bao giờ biết lý do, tất cả chỉ là suy đoán.

Tôi đã sống như thế suốt 12 năm. Khoảng 8-9 năm, khi đã là “tù cũ”, có lẽ tội cai ngục cũng



“xuê xoa” cho một đôi phần, không còn xiết chặt cùm kẹp như mấy năm đầu nữa. Tôi bị đưa từ trại tù miền Bắc vào miền Nam, bởi hồi đó miền bắc dân đói quá thiếu mọi thứ thực phẩm kể cả ngô khoai sắn, không thể nuôi thêm tù. Chúng tôi bị cùm hai tay suốt ba ngày hai đêm trên xe. Cho đến khi vào đến trại Hàm Tân mới được tháo cùm. Tôi nhớ hôm đó là ngày 19 tháng 5 năm 1978 và biết đó là ngày Sinh nhật “Bác” vì xe chạy qua mấy con đường có dăng mấy cái khẩu hiệu đỏ chói “Nhiệt liệt chào mừng sinh nhật Bác”. Một sự trùng hợp khá thú vị, được trở lại miền Nam cũng như sống lại vậy. Không nhớ sao được.

Gặp lại người người bạn cũ

Thật ra chế độ tù cải tạo từ Bắc chí Nam chẳng có gì khác nhau, cũng đi lao động mệt phờ phạc và tối tối lại ngồi kiểm điểm -chúng tôi gọi là “ngồi đồng”- cho đến khu mệt rũ, chẳng còn nghĩ được gì ngoài việc lăn ra ngủ. Có lẽ đây cũng là một “đòn” kìm hãm mọi suy tư của bọn tù được gọi là trí thức. Chế độ ăn khá hơn ở ngoài Bắc, nếu ở Sơn La – Vĩnh Phú, trước khi đi làm buổi sáng chỉ có một củ khoai nhỏ như ba ngón tay thì ở miền Nam được ăn một bát nhỏ bấp nấu hoặc bát bo bo. Nhà văn Đặng Trần Huỳnh thường có cái muỗng nhỏ xíu bằng nhựa, thứ đồ chơi của trẻ con, ông ấy cứ nhấm nháp từ từ cho đến hết buổi sáng. Ông truyền “bí kíp” rằng ăn như thế có cảm tưởng như lúc nào cũng được ăn, quên cái cảm giác đói đi. Tôi không biết có bao nhiêu “tín đồ” tin theo bí kíp này, riêng tôi theo không nổi, vì đói quá, không nhịn được, ăn luôn một lèo, chỉ ba phút là hết nhẩn nên anh em có câu nói cửa miệng là “ăn rồi cứ tưởng là mình chưa ăn”.

Tôi ở trại này chẳng nhớ bao lâu thì bỗng một ngày năm 1985, thấy mấy anh cai tù đưa một đoàn tù từ nơi khác đến. Đám tù này còn rách rưới, gầy còm xanh xao hơn chúng tôi nhiều. Tôi là tù cũ nên tiến lại gần khi tù mới vừa được ngồi xuống bên hàng rào. Lúc đó tôi mới biết đó là những người bạn tù ở các trại tạt Pleiku, Kontum và ở những trại nổi tiếng là “ác ôn” nhất như Gia Trung, Bù Gia Mập... Tôi nhận ra trong đó có nhiều ông bạn văn nghệ sĩ tôi đã từng là bạn tôi khi còn viết báo và làm trong các đài Phát Thanh ở Sài Gòn.

Người đầu tiên tôi gặp là ông Thái Thủy với cặp kính cận mắt gọng, chỉ có hai chiếc dây vải buộc vào mắt kính. Câu đầu tiên tôi hỏi là “đói không?” Thái Thủy chỉ gật. Thế là tôi tức tốc chạy về phòng lấy một ít mì sợi của tôi và anh Nguyễn Gia Quyết để chung trong một cái thùng sắt mang chia cho Thái Thủy. Hồi đó chúng tôi ở trại này gần Sài Gòn, đã được “thăm nuôi” vài tháng một lần nên cuộc sống cũng tạm để chịu.

Sau đó tôi mới được gặp lại một loạt các ông Nguyễn Viết Khánh, Trần Dạ Từ, Mặc Thu, Nguyễn Sĩ Tế, Thảo Trường. Ông nào cũng đói trơ xương.

Mấy hôm sau, trại cho bán thịt heo, tôi chỉ còn đủ tiền mua đúng một kí lô thịt heo mang cho ông Trần Dạ Từ, nhưng ông này lại bảo “tớ còn chịu đựng được, ông đưa cho ông Nguyễn Sĩ Tế đi”. Thế là tôi lại phải tìm cách gặp ông Nguyễn Sĩ Tế.

Mỗi người ở một buồng giam khác nhau. Cuộc sống cứ thế trôi đi, anh em gặp nhau mỗi buổi sáng thường chỉ còn biết nhìn nhau.

Con gà mất tích

Cho đến khi tôi được coi tù sách – gọi là thư viện – của trại, tôi ở trong một căn nhà tranh nhỏ nằm ngay lối cổng trại ra vào. Bữa đó là chủ nhật, Trần Dạ Từ nhờ tôi mua một con gà của một anh cũng là tù nhưng được gọi là “Trại viên tự giác” ở ngoài trại. Anh ta làm thợ mộc và có nuôi thêm mấy con gà con vịt để ăn và thỉnh thoảng bán lấy tiền mua thuốc hút. Tôi đích thân mang con gà vào trại đưa cho Trần Dạ Từ. Nhưng buổi chiều ông Từ chạy lên tôi kêu toáng lên: Con gà của tôi mất rồi ông ơi, nó giẫy dụa làm tuột dây cột chân rồi chạy mất. Tôi đi tìm hoài không có.

Tôi cũng chẳng biết làm thế nào hơn, nhưng bỗng nảy ra một “sáng kiến” là đợi hoàng hôn khi gà lên chuồng, có thể con gà sẽ tìm về chuồng cũ, tôi sẽ ra hỏi chủ của nó xem. Từ đành phải về ngồi chờ.

Tối đó, chờ giờ điếm danh xong, tôi bò ra ngoài gặp anh chủ gà, anh ta cũng là người ngay thẳng nên đưa tôi ra chuồng gà, chỉ có chừng chục con. Không thấy con gà mái buổi trưa đã bán đâu. Chắc nó lưu lạc trong cái trại tù mệnh mông đó, không tìm được đường về chuồng cũ hoặc có anh nào tóm được nó rồi. Hôm sau cũng không tìm thấy con gà. Thế là ông Trần Dạ Từ đành nhịn ăn thịt gà.

Còn ông Nguyễn Viết Khánh có tuổi nên được giao cho chức “trực buồng”, không phải xếp hàng đi lao động, chỉ ở buồng dọn dẹp vệ sinh cho đội. Các ông Mặc Thu, Nguyễn Sĩ Tế, Thảo Trường vẫn phải đi làm như tất cả mọi người khác.

Ông Mặc Thu xin

Có lần con ông Mặc Thu lên thăm bố. Mang theo thức ăn và cả đồ nhắm cùng rượu ngon cho bố. Ông Mặc Thu cao hứng đánh chén tí ti. Đến khi vào trại, đi xiêu vẹo, chân nam đá chân chiêu, mồm sặc mùi rượu. Tay trưởng trại, ở ngay phòng trực trước cổng trại, gọi ông Mặc Thu vào. Lúc đó Mặc Thu còn sặc mùi rượu, nói năng lè nhè lung tung nên buổi chiều bị nhốt ngay vào nhà lao, cùm hai chân.

Cái nhà lao bằng tranh nhỏ xíu nằm gần phía sau trại chỉ có một lối nhỏ dẫn vào. Hằng ngày mấy tay gọi là “thi đua” trong trại phải mang cơm đưa vào cái cửa ô cửa nhỏ, đồng thời lấy cái xô vệ sinh của anh tù ra ngoài mang đi đổ. Tôi phải nói mãi với tay thi đua để mang thêm cho ông ấy ít cơm và thức ăn. Vài ngày sau ông Mặc Thu được thả, bởi thật sự nếu để ông ấy nằm trong nhà lao cái kiểu ấy, có thể chết bất cứ lúc nào.

Từ đó đó mỗi lần bọn cán bộ trại có tổ chức đám cưới, liên hoan, lễ Tết thường bắt mấy anh tù có tài vật đến trang trí hội trường. Tôi lại lờ ông Mặc Thu lên ngồi vẽ, cắt dán đủ thứ. Được cái ông này rất có tài vẽ vời và cắt dán khiến mấy anh “cán” rất mê. Từ đó ông dễ thở hơn rất nhiều.

Cho đến khi được thả, tôi thường đến thăm ông Mặc Thu. Khi ra tù, những năm sau này, ông bà Mặc Thu đã được con gái lớn bảo lãnh sang Mỹ theo diện đoàn tụ. Nhưng ông bà đồng con, một số con cháu không thể cùng đi. Vậy là cả ông lẫn bà đã trở lại Sài Gòn trong những ngày cuối đời. Khi ông sắp mất, ông nhất định bắt con trai gọi tôi đến. Khi gặp ông, lúc đó có lẽ ông biết chắc sắp ra đi nên nắm tay tôi bù ngùi nói lời từ biệt: “Không thể quên cậu và anh em trong tù được”. Và quả nhiên đêm hôm đó ông ra đi mãi mãi.

Ăn Tết trên chiếu rách

Đúng là không thể quên. Một buổi chiều cuối năm 1986, trại tù tổ chức cho trại viên trình diễn văn nghệ, họ giao cho tôi tổ chức ban hợp ca. Tôi lôi tuốt mấy ông văn nghệ sĩ vào ban văn nghệ. Thảo Trường khỏi “đi rùng”, ngồi ở buồng viết kịch. Một bạn tù trong đội thợ mộc tự chế được một cây violon. Ông Nguyễn Sĩ Tế được tặng cây violon cạ cộ này, mang kéo cho ban nhạc. Trần Dạ Từ biến thành nhạc trưởng bắt đấm đĩ, lo bắt giọng cầm nhịp. Ông Mặc Thu râu dài đóng vai đạo diễn. Trưởng trại tù sau đó mang ra phê phán “toàn những ông trốn việc quan đi ở chùa. Nhạc sĩ gì mà chơi đàn cò cữ, hát cứ như làm hề”. Tôi biết lão ta nói đúng nhưng vẫn cãi cối rằng anh em như thế là làm hết sức rồi, nên thường mới đúng chứ. Đề nghị được mấy tay đội trưởng vỗ tay tán thành. Thế là cả ban nhạc được nghỉ thêm vài ngày sau Tết.

Tết đó, tôi để dành phần quà thăm nuôi của tôi và anh Nguyễn Gia Quyết để làm bữa cơm “thịnh soạn” mời tất cả mấy anh em lên ăn trưa, có cả rượu trắng đảng hoàng. Buổi họp mặt đông đủ chẳng thiếu ông nào. Địa điểm tôi nhờ chỗ bên bệnh xá vắng người. Bàn tiệc là chiếc chiếu rách trải trên chiếc giường tre. Vậy mà chén chú chén anh, đầu hót cũng xôm trò. Khi tàn tiệc, ông Mặc Thu lại lảo đảo đi ngật ngưỡng giữa trưa nắng trong sân trại. Cũng may tên lính gác trại tù nhìn thấy nhưng ngày Tết nó tha, không nói gì. Hôm sau nó vào gặp tôi kể công về

cái sự “nhân từ” đó, tôi đành phải đi xin một con gà cho nó mới yên. Vào thời kỳ đó ông nào cũng trên 10 năm tù cả rồi nên không khí bớt ngột ngạt hơn.

Cho đến tháng 9 năm 1987 chúng tôi mới được tha về, nhưng Thảo Trường còn phải nằm lại trong tù thêm mấy năm nữa cho đủ 17 năm.

Như tôi đã viết trong một bút ký, khi ra tù, chúng tôi được chở trên xe tù trại tù Hàm Tân về hội trường trại giam Chí Hòa. Tôi mượn phép bạn đọc cho tôi nhắc lại đoạn bút ký đó:

“Vào buổi chiều tháng 9 năm 1987. Khi đoàn xe thả tù cái tạo bị giữ lại nhà giam Chí Hòa nghe các ông quan chức trấn an về số phận chúng tôi khi được trở về, khoảng hơn 5 giờ chiều chúng tôi mới được thoát ra khỏi cánh cửa sắt nhà tù Chí Hòa. Ngay từ cổng trại tù đã có đoàn quay phim đợi sẵn để quay cảnh “vui mừng đoàn tụ” của tù nhân, chắc là để chứng tỏ cái sự “khoan hồng bác ái” của nhà nước cho những thằng may mắn không chết trong ngục tù. Lại là lần thứ hai tôi đặt chân lên đất Sài Gòn nhưng với tư cách khác giữa một thành phố đã đổi chủ. Thấy cái cảnh sẽ bị quay phim, Trần Dạ Từ kéo tôi lên vỉa hè đi lẩn trong đám thân nhân được vận động ra đón tù cùng những người dân tò mò nhìn “cảnh lạ”. Tránh được cái máy quay phim, chúng tôi đi gần như chạy ra khỏi con phố nhỏ này. Ra đến đường Lê Văn Duyệt, chúng tôi đi chậm lại, nhìn đường phố mà cứ thấy đường phố như đang nhìn chúng tôi với một vẻ xa lạ và xót thương?”

Trần Dạ Từ còn lại ít tiền, anh rủ tôi ghé vào đường Hiền Vương ăn phở. Chẳng biết là bao nhiêu năm mới lại được ăn tô phở Hiền Vương đây. Tôi chọn quán phở ngay sát cạnh tiệm cắt tóc Đàm mà mấy chục năm tôi cùng nhiều bạn bè vẫn thường đến cắt tóc. Có lẽ Trần Dạ Từ hiểu rằng anh về đoàn tụ cùng gia đình chứ còn tôi, vợ con đi hết, nhà cửa chẳng còn, sẽ rất cô đơn, nên anh níu tôi lại. Ngồi ăn tô phở tưởng ngon mà thấy đắng vì thật ra cho đến lúc đó tôi chưa biết sống ra sao giữa thành phố này”.

Tưởng nhớ

Vậy mà tôi vẫn phải sống như thế cho đến hôm nay. Các bạn tôi đã ra đi hết, người còn kẻ mất, đôi khi chẳng còn biết tin tức gì về nhau. Nhưng kỷ niệm vẫn còn đầy ắp trong tôi. Đêm cuối năm Ất Mùi này, chỉ cần chớp mắt là thấy hình ảnh từng người một xuất hiện. Thảo Trường luôn tưng tưng, ngang ngang, cứ như bất cần đời; Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh lúc nào cũng thanh thản chẳng thèm nghĩ gì đến cái thân phận tù đầy. Ông Mặc Thu có chùm râu tơi, luôn thích vuốt râu khi “đói ẩm” với trà và rượu cùng những việc vẽ vời lật vật cho “lãng quên đời.” Ông Nguyễn Sĩ Tế rất kiệm lời và vẫn nét mặt trang nghiêm của những “thầy đồ”. Trong trại tù, có lúc ông Tế nằm cạnh Trần Dạ Từ. Mỗi lần Nhã Ca lên thăm nuôi, Từ rủ mấy anh em bù khú. Có lần tôi nhập bọn, ông Tế còn mang cây violon do bạn tù tự chế ra biểu diễn nhạc cổ điển tây phương. Sau màn nghiêm chỉnh thưởng thức, chúng tôi cùng cười vui khi nghe Trần Dạ Từ nói nhờ chiều nào anh cũng được ông Tế bắt nghe Schubert bằng cái đàn lạc giọng này mà thừa sức lao động.

Trong số các bà thăm nuôi ngày đó, Nhã Ca là dân cùng nghề văn, cũng đã từng đi tù rồi nuôi tù nên quen biết mọi người. Tôi nhớ chuyện kiếp trước, một sáng mùa xuân nào đó thời đầu 1960, khi có dịp ra Huế, tôi đã cùng Thanh Nam lái xe đến gặp Nhã Ca và Từ ở ngôi nhà khu Bến Ngự. Thanh Nam đã ra đi từ lâu. Thái Thủy cũng vậy. Ba tên bạn thân của Sài Gòn ngày nào, nay chỉ còn mình tôi. Mới đó đã là 30 năm, từ ngày được chia với Thái Thủy gói mì khi đoàn tù thả tôi từ Gia Trung chuyển trại về Hàm Tân.

Cũng chỉ mới đó thôi, khi Trần Dạ Từ – Nhã Ca ghé thăm từ biệt tôi để ra đi, nay đã là hơn một góc thế kỷ. Bây giờ, trong đám bạn tù nhà văn, Mặc Thu, Nguyễn Viết Khánh, Nguyễn Sĩ Tế, Thái Thủy, Thảo Trường đều đã ra đi, chỉ còn lại Trần Dạ Từ và tôi.

Đêm cuối năm, mỗi chớp mắt là thấy lại một người, một thời. Đúng như thơ Tản Đà: Thời gian ngựa chạy... Vù một cái, tôi thấy mình nhận lời chúc xa xôi của Từ cho “Bát Tuần Thượng Thọ.” Tết này, dù không thắp hương cho bạn, nhưng tự trong đáy lòng tôi có hương khói tưởng nhớ



đến những người bạn trong tù. Nhận lời Từ hỏi thăm mừng thọ 80 niên, tôi viết bài này để cùng bạn tưởng nhớ.

Ước gì lại có một cái Tết được hội ngộ cùng các bạn tôi dù chỉ trên một chiếc giường tre, nhưng nó không phải là trong trại tù mà là ở một khung trời tự do đầy nắng vàng. Chúng ta đâu cần gì hơn thế.

*Sài Gòn một đêm cuối năm*

**Phụ đính :**